

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: AN SINH XÃ HỘI
Mã học phần: 1100183
Tên tiếng Anh: Social Security

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: An sinh xã hội
- Mã học phần: 1100183 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành của ngành công tác xã hội nhằm giúp sinh viên xác định được tổng quan về an sinh xã hội, cơ sở khoa học và mối quan hệ của an sinh xã hội với việc làm và thu nhập, phúc lợi xã hội, chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế...đặc biệt với công tác xã hội. Kết cấu hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam; những thành tựu, hạn chế và giải pháp cho hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay. Sinh viên nắm được sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về an sinh xã hội cho cộng đồng; trách nhiệm của nhà nước, trách nhiệm của các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân đối với vấn đề an sinh xã hội; các biện pháp nâng cao nhận thức về an sinh xã hội. Thông qua học phần này, sinh viên vừa được nâng cao kiến thức, hình thành các kỹ năng làm việc với thân chủ vừa có thể ứng dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề an sinh cụ thể.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về an sinh xã hội để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.

- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong an sinh xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của một thân chủ.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực an sinh xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân yếu thế trong xã hội.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm an sinh xã hội và các thuật ngữ liên quan. Giải thích được các vấn đề lý luận của an sinh xã hội	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được hệ thống an sinh xã hội Việt Nam		M
	CLO3	Chỉ ra được cách thức xây dựng các biện pháp nâng cao nhận thức về an sinh xã hội trong cộng đồng.		M
Kỹ năng				

CO2	CLO4	Phân tích, giải quyết vấn đề từ phương diện an sinh xã hội để bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế. Xác định và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, hỗ trợ các nhóm yếu thế. Biện hộ, bảo vệ quyền lợi cho các nhóm đối tượng yếu thế	PLO6	M
CO3	CLO5	Xây dựng chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về an sinh xã hội, tham gia xây dựng chính sách an sinh xã hội. Tiến hành nghiên cứu những mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế.	PLO7	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn về an sinh xã hội và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	Nguyễn Hải Hữu, <i>Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội</i> , NXB Lao động – Xã hội, 2012
Tài liệu tham khảo thêm	[1]. Mai Ngọc Cường, <i>Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam</i> , NXB Chính trị quốc gia, 2009 [2]. Bùi Thị Chóm, <i>Giáo trình Ưu đãi xã hội</i> , NXB Lao động – Xã hội, 2008 [3]. Nguyễn Văn Định, <i>Giáo trình An sinh xã hội</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008 [4]. Nguyễn Thị Lan Hương, <i>Phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đến năm 2020</i> , Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2013

	<p>[5]. Trần Xuân Kỳ, <i>Giáo trình Trợ giúp xã hội</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2007</p> <p>[6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, <i>Luật Bảo hiểm Xã hội</i>, 2014</p> <p>[7]. Nguyễn Đăng Tuệ, Nguyễn Thị Vũ Khuyên, <i>Giáo trình Bảo hiểm</i>, NXB Bách khoa Hà Nội, 2019</p>
--	--

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện an sinh xã hội và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội vào thực tiễn hoạt động an sinh xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích những thành tựu, hạn chế của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam; xây dựng chương trình truyền thông cho cộng đồng về một chính sách an sinh xã hội.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1-3 (9 tiết)	<p>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ AN SINH XÃ HỘI</p> <p>1.1. An sinh xã hội và các khái niệm, thuật ngữ liên quan</p> <p>1.2. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của an sinh xã hội</p> <p>1.3. Khuôn khổ lý thuyết về an sinh xã hội</p> <p>1.3.1. Vai trò của an sinh xã hội</p> <p>1.3.2. Chức năng của an sinh xã hội</p> <p>1.3.3. Nguyên tắc của an sinh xã hội</p> <p>1.3.4. Các thể chế của an sinh xã hội</p> <p>1.4. Lịch sử hình thành và một số mô hình an sinh xã hội tiêu biểu trên thế giới</p>	CLO1, CLO4, CLO6

	<p>1.5. Sự hình thành và phát triển an sinh xã hội tại Việt Nam Thảo luận (3 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của an sinh xã hội 2. Các nguyên tắc của an sinh xã hội 3. Sự hình thành và phát triển an sinh xã hội tại Việt Nam 	
4-6 (9 tiết)	<p>Chương 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA AN SINH XÃ HỘI</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Cơ sở khoa học của an sinh xã hội 2.2. Mối quan hệ của an sinh xã hội <ol style="list-style-type: none"> 2.2.1. An sinh xã hội với việc làm và thu nhập 2.2.2. An sinh xã hội với phúc lợi xã hội 2.2.3. An sinh xã hội và chính sách xã hội 2.2.4. An sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế 2.2.5. An sinh xã hội và hội nhập quốc tế 2.2.6. An sinh xã hội và công tác xã hội <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. An sinh xã hội với việc làm và thu nhập 2. An sinh xã hội với hội nhập quốc tế 	CLO1, CLO4, CLO6
7-13 (21 tiết)	<p>Chương 3: HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM</p> <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Thể chế chính sách an sinh xã hội <ol style="list-style-type: none"> 3.1.1. Chính sách hỗ trợ tạo việc làm 3.1.2. Chính sách bảo hiểm xã hội 3.1.3. Chính sách bảo hiểm y tế 3.1.4. Chính sách ưu đãi xã hội 3.1.5. Chính sách trợ giúp xã hội 3.1.6. Bảo đảm mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân 3.1.7. Chính sách giảm nghèo 3.2. Thể chế tài chính an sinh xã hội 3.3. Thể chế tổ chức và cán bộ an sinh xã hội 3.4. Thành tựu, hạn chế của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam <ol style="list-style-type: none"> 3.4.1. Những thành tựu chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay 3.4.2. Những hạn chế chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay 	CLO2, CLO4, CLO6

	<p>3.6. Những thách thức và định hướng công tác an sinh xã hội Việt Nam giai đoạn 2021- 2030</p> <p>3.5.1. Những thách thức đối với hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay</p> <p>3.5.2. Định hướng công tác an sinh xã hội Việt Nam giai đoạn 2021-2030</p> <p>Thảo luận (5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các chính sách hỗ trợ tạo việc làm 2. Ý nghĩa của chính sách ưu đãi xã hội 3. Hiệu quả các dịch vụ xã hội cho người dân 4. Đặc điểm của thể chế tài chính an sinh xã hội <p>Bài tập (4 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích những thành tựu chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam 2. Phân tích những hạn chế chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay 	
<p>14-17 (11 tiết)</p>	<p>Chương 4: SỰ CẦN THIẾT PHẢI NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ AN SINH XÃ HỘI TRONG CỘNG ĐỒNG</p> <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Vì sao cần thiết phải nâng cao nhận thức về an sinh xã hội 4.2. Trách nhiệm của nhà nước đối với vấn đề an sinh xã hội <ol style="list-style-type: none"> 4.2.1. Trách nhiệm của chính phủ 4.2.2. Trách nhiệm của chính quyền địa phương 4.2.3. Trách nhiệm của các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân đối với vấn đề an sinh xã hội 4.3. Các biện pháp nâng cao nhận thức về an sinh xã hội <ol style="list-style-type: none"> 4.3.1. Xây dựng kế hoạch chiến lược nâng cao nhận thức về an sinh xã hội 4.3.2. Thực hiện tuyên truyền giáo dục về an sinh xã hội 4.3.3. Phát triển các kênh thông tin về an sinh xã hội 4.3.4. Huy động và xây dựng đủ nguồn lực để nâng cao nhận thức về an sinh xã hội <p>Bài tập (6 tiết)</p> <p>Sinh viên chia nhóm, xây dựng chương trình truyền thông về một chính sách an sinh xã hội.</p>	<p>CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê

CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài.- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.- Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công.- Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. <p>Tham gia học từ 80% số tiết trở lên</p>	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
2	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none">- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra.- Các bài tập thực hành theo quy định của GV phụ trách. Tiêu chí đánh giá bài tập do GV nêu cụ thể	Từ buổi 7-9	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6	30%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com

- Điện thoại liên hệ: 0946925029

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Võ Thị Diệu Quế

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Mã học phần: 1100003
Tên tiếng Anh: Social policies

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Chính sinh xã hội
- Mã học phần: 1100003 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Chính sách xã hội là học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ của ngành công tác xã hội, học phần giúp sinh viên nắm được tổng quan về hệ thống chính sách xã hội. Tiếp cận môn này, người học hiểu được những khía cạnh chủ yếu xung quanh khái niệm chính sách xã hội, các lý thuyết và kiểu nghiên cứu chính sách xã hội thực nghiệm; các mô hình chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; những trục phát triển của chính sách xã hội Việt Nam đương đại, một số lĩnh vực chính sách xã hội ở Việt Nam. Thông qua học phần này, sinh viên vừa được nâng cao kiến thức, hình thành các kỹ năng làm việc với thân chủ vừa có thể ứng dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề chính sách xã hội cụ thể.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ CO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về chính sách xã hội, hiểu được những kiến thức trong chính sách xã hội như khuôn khổ lý thuyết của chính sách xã hội, hệ thống chính sách xã hội... để có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn công tác xã hội.

- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện chính sách xã hội để bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động an sinh xã hội

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, mục đích, ý nghĩa của chính sách xã hội; giải thích được các vấn đề lý luận của chính sách xã hội	PLO3	L
	CLO2	Trình bày được những vấn đề lý luận về chính sách xã hội như khuôn khổ lý thuyết của chính sách xã hội. Mối quan hệ của chính sách xã hội với các vấn đề xã hội.		L
	CLO3	Vận dụng được các công cụ và kỹ thuật của công tác xã hội nhóm vào việc giải quyết vấn đề với hệ thống thân chủ		M
Kỹ năng				

CO2	CLO4	Biết phát hiện và phân tích, giải quyết vấn đề từ phương diện chính sách xã hội để bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế.	PLO6	M
CO3	CLO5	Có thể phát hiện một vấn đề xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các nhóm yếu thế trong xã hội.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm:				
CO4	CLO6	Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chính sách xã hội.	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	[1]. Nguyễn Tiệp, Giáo trình Chính sách xã hội, NXB LĐXH, Hà Nội, 2011 [2]. Nguyễn Đình Khoa, Chính sách xã hội, Tài liệu học tập, Trường Đại học Quy Nhơn, 2019.
Tài liệu tham khảo thêm	[3]. Đình Thanh, Xã hội học và Chính sách xã hội, NXB KHXH, Hà Nội, 2004

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng đánh giá vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm, năng lực vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

	phương pháp công tác xã hội cá nhân, năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của hệ thống thân chủ để vận dụng được tiến trình công tác xã hội nhóm đối với thân chủ đó, sử dụng được các công cụ và kỹ thuật trong công tác xã hội nhóm, giúp hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với nhóm.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
1 (3 tiết)	<p>Chương 1: VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.</p> <p>1.1. Vấn đề cách mạng công nghiệp và quá trình hình thành chính sách xã hội.</p> <p>1.1.1. Sự hình thành và phát triển chính sách xã hội tại phương Tây:</p> <p>Thảo luận (1 tiết): Trình bày bối cảnh, đặc điểm của xã hội phương Tây để hình thành CSXH.</p>	CLO1, CLO4, CLO5
2 (3 tiết)	<p>Chương 1(tt): VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.</p> <p>1.1.2. Sự hình thành và phát triển chính sách xã hội tại phương Đông.</p> <p>Thảo luận (1 tiết) Trình bày bối cảnh, đặc điểm của xã hội phương Đông để hình thành CSXH.</p>	CLO1, CLO4, CLO5
3 (3 tiết)	<p>Chương 1(tt): VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.</p>	CLO1, CLO4, CLO5

	<p>1.1.3. Sự hình thành và phát triển chính sách xã hội tại Việt Nam</p> <p>1.2. Vị trí, ý nghĩa của việc nghiên cứu chính sách xã hội. Thảo luận (3 tiết) Trình bày bối cảnh, đặc điểm để hình thành CSXH.</p>	
4 (3 tiết)	<p>Chương 2: NHỮNG KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.</p> <p>1.1. Chính sách xã hội là gì?</p> <p>1.2. Đặc trưng của chính sách xã hội</p> <p>1.3. Đối tượng, chức năng và mục tiêu của chính sách xã hội</p> <p>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chính sách xã hội</p> <p>1.3.2. Chức năng của chính sách xã hội</p> <p>1.3.3. Mục tiêu của chính sách xã hội</p> <p>Bài tập (2 tiết) Phân tích mục tiêu của CSXH với một nhóm đối tượng cụ thể</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
5 (3 tiết)	<p>Chương 2(tt): NHỮNG KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.</p> <p>1.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chính sách xã hội</p> <p>1.5. Quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Bài tập (1 tiết) Phân tích mục tiêu của CSXH với một nhóm đối tượng cụ thể</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
6 (3 tiết)	<p>Chương 3: CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC LIÊN QUAN</p> <p>3.1. Chính sách xã hội và chính trị.</p> <p>3.2. Chính sách xã hội và công tác xã hội</p> <p>Thảo luận (1 tiết) Phân tích mục tiêu của CSXH với một nhóm đối tượng cụ thể</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
7 (3 tiết)	<p>Chương 3(tt): CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC LIÊN QUAN</p> <p>3.3. Chính sách xã hội và xã hội học</p> <p>3.4. Mối quan hệ chính sách xã hội với luật học</p> <p>Bài tập (1 tiết) So sánh CSXH với CTXH, ASXH.</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6

8 (3 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3
9 (3 tiết)	Chương 4: CƠ CẤU VÀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. 4.1. Hệ thống (Phân loại) các chính sách xã hội 4.2. Một số chính sách xã hội cụ thể 4.2.1. Chính sách dân số	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
10 (3 tiết)	Chương 4(tt): CƠ CẤU VÀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. 4.2.2. Chính sách việc làm Thảo luận (1 tiết) SV thảo luận về thực trạng chính sách việc làm ở VN hiện nay	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5,
11 (3 tiết)	Chương 4(tt): CƠ CẤU VÀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. 4.2.3. Chính sách giáo dục và đào tạo Thảo luận (1 tiết) SV thảo luận về thực trạng chính sách giáo dục- đào tạo ở VN hiện nay	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
12 (3 tiết)	Chương 4(tt): CƠ CẤU VÀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. 4.2.4. Chính sách tham nhũng 4.3. Cơ sở khoa học của việc đề ra và thực hiện chính sách xã hội. Bài tập (2 tiết) SV thảo luận về thực trạng chính sách phòng chống tham nhũng ở VN hiện nay	CLO1, CLO4, CLO5,CLO6
13 (3 tiết)	Chương 5: CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 5.1 Quá trình nhận thức và thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam. 5.2.Ba kiểu chính sách phúc lợi ở Việt Nam. 5.3. Khung chính sách và pháp luật phúc lợi xã hội 5.4. Một số vấn đề xã hội cấp bách ở Việt Nam hiện nay. 5.5. Bài tập (2 tiết) SV làm việc nhóm trình bày những vấn đề xã hội cấp bách ở Việt Nam hiện nay.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
14 (3 tiết)	Chương 6: HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. 6.1 .Vị trí và mục đích của việc hoạch định chính sách xã	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	hội 6.1.1- Khái niệm về hoạch định chính sách xã hội 6.1.2. Vị trí của hoạch định chính sách xã hội 6.1.3. Mục đích của hoạch định chính sách xã hội 6.2. Quan điểm và nguyên tắc hoạch định chính sách xã hội 6.2.1. Quan điểm chỉ đạo việc hoạch định chính sách xã hội 6.2.2. Nguyên tắc trong hoạch định chính sách xã hội Thảo luận (1 tiết) SV thảo luận cở nguyên tắc chính trong hoạch định chính sách xã hội	
15 (3 tiết)	Chương 6(tt): HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI. 6.3. Quá trình hoạch định chính sách xã hội 6.3.1. Xác định và lựa chọn vấn đề 6.3.2. Xác định mục tiêu của chính sách xã hội 6.3.3. Xây dựng các phương án chính sách xã hội 6.3.4. Lựa chọn phương án chính sách tối ưu 6.3.5- Thông qua và quyết định chính sách Bli tập (2 tiết) SV lập kế hoạch hoạch định về một chính sách cụ thể mli SV quan tâm.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. -Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. Tham gia học từ 80% số tiết trở lên	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
2	Quá trình				20%

	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định 	Giữa kỳ (buổi 4-7)	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ

	điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Đình Khoa

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



Handwritten text in red ink, possibly a date or reference number.

Handwritten text in blue ink, possibly a signature or name.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

Mã học phần: 1100071

Tên tiếng Anh: Research methods in social work

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội
- Mã học phần: 1100071 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội là học phần chuyên ngành công tác xã hội thuộc khối kiến thức ngành và là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành công tác xã hội. Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và hệ thống về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu công tác xã hội cụ thể để có thể vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu và hoạt động công tác xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cần thiết về các phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể vận dụng vận dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học và phương pháp nghiên cứu công tác xã hội đặc thù, thực hiện các nghiên cứu nhỏ trong công tác xã hội.

- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc.

+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp nghiên cứu công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; có khả năng thực hiện một cuộc nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân, nhóm, cộng đồng có vấn đề.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được vị trí, vai trò của của xã hội học thực nghiệm trong nhận thức xã hội học	PLO3	L
	CLO2	Phân tích được cơ cấu của xã hội học thực nghiệm và chương trình nghiên cứu của xã hội học thực nghiệm.		M
	CLO3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu xã hội học nói chung và các phương pháp nghiên cứu công tác xã hội đặc thù để thực hiện các nghiên cứu công tác xã hội.		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	- Thực hiện tốt các tình huống giao tiếp; sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả; biết chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học. - Truyền đạt một vấn đề rõ ràng, dễ hiểu; có thể phản biện, tranh luận những quan điểm, ý kiến	PLO4	M

		để làm rõ vấn đề. - Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm; biết hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.		
CO3	CLO5	- Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp nghiên cứu công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng. - Phát hiện một vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng hay cấp độ chính sách cụ thể để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong công tác xã hội và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy; xác định mục tiêu, đối tượng, lựa chọn khách thể nghiên cứu hoặc can thiệp, đặt câu hỏi nghiên cứu, trình bày các loại giả thuyết nghiên cứu và xây dựng kế hoạch can thiệp; sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính trong công tác xã hội; viết tổng quan về vấn đề nghiên cứu ở tầm vi mô, thao tác hoá một số thuật ngữ, khái niệm, ứng dụng lí thuyết; trình bày kết quả nghiên cứu hay một kế hoạch can thiệp theo đúng các chuẩn mực.	PLO6 PLO7	H
Mức tự chủ và trách nhiệm:				
CO4	CLO6	Chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong học tập, rèn luyện và thực hành nghề nghiệp của mình.	PLO8 PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Xuân Nghĩa, <i>Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội</i> , NXB Đông Phương, 2010.
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Nguyễn Minh Hòa, <i>Xã hội học thực nghiệm</i> , NXB Trẻ, TP. HCM, 1995 [2]. Học viện chính trị Quốc gia HCM, <i>Một số vấn đề trong phương pháp nghiên cứu</i> , NXB Chính trị Quốc gia, 1993

[3]. Viện Xã hội học, *Thiết kế và qui trình lấy mẫu*, 2004.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng đánh giá vấn đề từ phương diện công tác xã hội, năng lực vận dụng phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội, năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập xây dựng đề cương nghiên cứu và bảng khảo sát	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1-2 (8 tiết)	<p>Chương 1: VỊ TRÍ CỦA XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM TRONG NHẬN THỨC XÃ HỘI HỌC</p> <p>1.1. Vài nét về sự phát triển của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm:</p> <p>1.1.1. Một số quan điểm:</p> <p>1.1.1.1. Tomat và Znaneski</p> <p>1.1.1.2. Park và Pargess</p> <p>1.1.1.3. Xã hội học Mácxit</p> <p>1.1.2. Một số thành tựu và những vấn đề còn tồn tại</p> <p>1.2. Mối quan hệ giữa nhận thức thực nghiệm và nhận thức lý luận trong Xã hội học</p> <p>1.2.1. Mối quan hệ</p> <p>1.2.2. Các mức độ chủ yếu của nhận thức thực nghiệm</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>1.2.2.1. Thông tin cá biệt</p> <p>1.2.2.2. Thông tin tổng thể</p> <p>1.3. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>1.3.1. Đối tượng của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>1.3.2. Phạm vi của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>1.3.3. Nhiệm vụ của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>1.4. Nguồn thông tin của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>1.4.1. Nguồn thông tin từ các cơ quan Nhà nước, cơ quan thống kê</p> <p>1.4.2. Nguồn thông tin từ các khoa học khác</p> <p>1.4.3. Nguồn thông tin từ nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>Thảo luận (4 tiết)</p> <p>1. Phân biệt đối tượng và khách thể trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm? Cho ví dụ minh họa</p> <p>2. Phân biệt mục tiêu nghiên cứu và khách thể nghiên cứu trong xã hội học thực nghiệm? Cho ví dụ minh họa</p> <p>3. Cách xác định phạm vi nghiên cứu trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>4. Cách xác định các nguồn thông tin trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.</p>	
<p>3-4 (6 tiết)</p>	<p>Chương 2: CẤU CẢM CỦA XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM</p> <p>2.1. Các giai đoạn của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm:</p> <p>2.1.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>2.1.2. Giai đoạn nghiên cứu thử</p> <p>2.1.3. Giai đoạn thực hiện</p> <p>2.1.4. Giai đoạn xử lý kết quả</p> <p>2.2. Các yếu tố trong từng giai đoạn</p> <p>2.2.1. Các yếu tố trong giai đoạn chuẩn bị</p> <p>2.2.2. Các yếu tố của giai đoạn nghiên cứu thử</p> <p>2.2.3. Các yếu tố của giai đoạn thực hiện</p> <p>2.2.4. Các yếu tố của giai đoạn xử lý kết quả</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO5, CLO6</p>

	<p>1. Khó khăn trong các giai đoạn nghiên cứu xã hội học thực nghiệm? Làm thế nào để khắc phục</p> <p>2. Một số lưu ý về các yếu tố trong từng giai đoạn của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p>	
5-6 (6 tiết)	<p>Chương 3: CHƯƠNG TRÌNH CỦA NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM</p> <p>3.1. Đề tài và nhiệm vụ của nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>3.1.1. Đề tài nghiên cứu</p> <p>3.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu</p> <p>3.2. Xây dựng các giả thiết nghiên cứu</p> <p>3.2.1. Giả thiết là gì:</p> <p>3.2.2. Một số yêu cầu khi xây dựng giả thiết nghiên cứu</p> <p>3.2.3. Các loại giả thiết:</p> <p>3.2.3.1. Giả thiết về trạng thái thực tế (Giả thiết mô tả)</p> <p>3.2.3.2. Giả thiết về nguyên nhân (Giả thiết giải thích)</p> <p>3.2.3.3. Giả thiết về xu hướng (Giả thiết qui luật)</p> <p>3.3. Cơ sở phương pháp luận cho việc xây dựng chương trình nghiên cứu</p> <p>3.3.1. Mô hình và mô hình Xã hội học</p> <p>3.3.1.1. Mô hình</p> <p>3.3.1.2. Mô hình Xã hội học</p> <p>3.3.2. Các dạng mô hình Xã hội học</p> <p>3.3.2.1. Mô hình của cơ cấu xã hội</p> <p>3.3.2.2. Mô hình của một hiện tượng xã hội riêng biệt</p> <p>3.3.3. Cơ sở để xây dựng mô hình Xã hội học</p> <p>Thảo luận (4 tiết)</p> <p>1. Tiêu chuẩn của có tên đề tài nghiên cứu khoa học tốt</p> <p>2. Phân biệt mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu. Cho ví dụ minh họa</p> <p>3. Cách thức xây dựng giả thuyết nghiên cứu khoa học tốt? cho một số ví dụ minh họa</p> <p>4. Phân biệt mô hình và mô hình xã hội học? cho ví dụ minh họa</p>	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
7-8	Chương 4: PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU	CLO3, CLO4,

(6 tiết)	<p>4.1. Tính đại diện và độ tin cậy của thông tin trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</p> <p>4.1.1. Tính đại diện của thông tin</p> <p>4.1.2. Độ tin cậy của thông tin</p> <p>4.2. Nghiên cứu tổng thể</p> <p>4.2.1. Khái niệm tổng thể</p> <p>4.2.2. Nghiên cứu tổng thể</p> <p>4.3. Nghiên cứu chọn mẫu</p> <p>4.3.1. Khái niệm mẫu</p> <p>4.3.2. Nghiên cứu chọn mẫu</p> <p>4.3.2.1. Nghiên cứu theo phương pháp chọn tỉ lệ</p> <p>4.3.2.2. Nghiên cứu mẫu theo hưởng ứng</p> <p>4.3.2.3. Nghiên cứu theo mẫu chọn ngẫu nhiên</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Chọn mẫu nghiên cứu cho một đề tài nghiên cứu công tác xã hội (đề tài tự chọn)</p>	CLO5, CLO6
9-11 (8 tiết)	<p>Chương 5: CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN</p> <p>5.1. Phương pháp quan sát</p> <p>5.1.1. Đặc điểm</p> <p>5.1.2. Yếu tố kỹ thuật trong quan sát</p> <p>5.1.3. Phân loại quan sát</p> <p>5.2. Phương pháp phỏng vấn</p> <p>5.2.1. Đặc điểm</p> <p>5.2.2. Phân loại phỏng vấn</p> <p>5.2.2.1. Theo mức độ tự do của điều tra viên</p> <p>5.2.2.2. Theo mức độ tiếp xúc giữa điều tra viên và đối tượng</p> <p>5.2.2.3. Theo số lần phỏng vấn</p> <p>5.2.3. Một số lưu ý trong phỏng vấn</p> <p>5.3. Phương pháp trưng cầu ý kiến (phương pháp ANKET)</p> <p>5.3.1. Đặc điểm</p> <p>5.3.2. Phân loại trưng cầu ý kiến</p> <p>5.4. Phương pháp phân tích tài liệu</p> <p>5.4.1. Đặc điểm</p> <p>5.4.2. Phân loại phân tích tài liệu</p> <p>Bài tập (4 tiết)</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>1. Phác thảo bảng quan sát và bảng phỏng vấn cho một nghiên cứu công tác xã hội (đề tài tự chọn)</p> <p>2. Phác thảo một bảng Anket cho một nghiên cứu công tác xã hội (đề tài tự chọn)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (2 tiết)</p>	
12-14 (8 tiết)	<p>Chương 6: PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ THÔNG TIN</p> <p>6.1. Vấn đề đo đạc trong xã hội học</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Những vấn đề đo đạc trong xã hội học hiện nay</p> <p>6.2. Bước chuyển từ thông tin cá biệt sang thông tin tổng thể</p> <p>6.2.1. Đặc tính của thông tin cá biệt và thông tin tổng thể</p> <p>6.2.2. Bước chuyển từ thông tin cá biệt sang thông tin tổng thể</p> <p>6.3. Các loại thang đo trong xã hội học</p> <p>6.3.1. Khái niệm thang đo</p> <p>6.3.2. Các loại thang đo</p> <p>6.3.3. Xây dựng thang đo</p> <p>6.4. Mã hóa và xử lý thông tin</p> <p>6.4.1. Mã hóa</p> <p>6.4.2. Xử lý thông tin</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Phác thảo các thang đo cho một nghiên cứu công tác xã hội (đề tài tự chọn)</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
15-17 (8 tiết)	<p>Chương 7: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI</p> <p>7.1. Vấn đàm</p> <p>7.1.1. Khái niệm</p> <p>7.1.2. Đặc điểm chủ yếu của vấn đàm:</p> <p>7.1.3. Các loại hình vấn đàm trong Công tác xã hội :</p> <p>7.1.4. Các bước tiến hành vấn đàm.</p> <p>7.1.5. Những yêu cầu về thái độ của nhân viên xã hội khi vấn đàm:</p> <p>7.2. Tham vấn</p> <p>7.2.1. Khái niệm về tham vấn.</p> <p>7.2.2. Mục đích của tham vấn.</p> <p>7.2.3. Các nguyên tắc cơ bản của tham vấn</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>7.2.4. Những kỹ năng cần thiết của nhân viên xã hội khi thực hiện tham vấn và đảm bảo tham vấn thành công.</p> <p>7.3. Vãng gia</p> <p>7.3.1. Khái niệm</p> <p>7.3.2. Mục đích của vãng gia</p> <p>7.4. Phúc trình trường hợp</p> <p>7.4.1. Khái niệm</p> <p>7.4.2. Mục đích của phúc trình:</p> <p>7.4.3. Các dạng phúc trình:</p> <p>7.4.4. Một số lưu ý khi thực hiện phúc trình:</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>1. Đóng vai phương pháp tham vấn trong công tác xã hội (đề tài tự chọn)</p> <p>2. Đóng vai phương pháp phúc trình trường hợp trong công tác xã hội (đề tài tự chọn)</p>	
--	--	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. - Tham gia học từ 80% số tiết trở lên 	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	10%
2	Quá trình				20%
	Kiểm tra giữa kỳ	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân.	Giữa kỳ (Buổi 5 đến	CLO2, CLO4,	

		- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	6).	CLO5, CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: dinhanhtuan@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914046673

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy

	nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

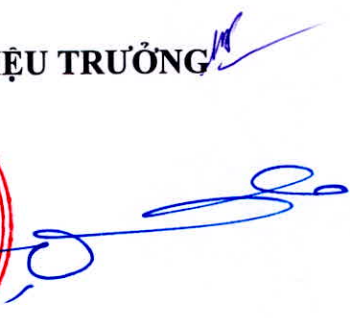


TS. Đinh Anh Tuấn

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



Handwritten text in red ink, possibly a title or label for the diagram.

A small handwritten mark or symbol, possibly a letter 'C' or a similar character.

A handwritten mark or symbol, possibly a letter 'P' or a similar character.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI

Mã học phần: 1100222

Tên tiếng Anh: Social work theory

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Lý thuyết công tác xã hội
- Mã học phần: 1100222 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Lý thuyết công tác xã hội là học phần chuyên nghiên cứu, tìm hiểu về các lý thuyết nền tảng trong CTXH và một số lý thuyết của một số khoa học xã hội khác như Xã hội học, Tâm lý học. Là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành dành cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội, thông qua đó giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng để vận dụng các lý thuyết vào giải quyết các trường hợp thân chủ cụ thể. Trọng tâm của học phần tập trung vào các nội dung như khái quát về lý thuyết và lý thuyết CTXH; Một số lý thuyết tâm lý; một số lý thuyết CTXH truyền thống; lý thuyết hệ thống môi sinh. Đây là học phần có mối quan hệ mật thiết với học phần Nhập môn công tác xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp kiến thức khái quát về lý thuyết và lý thuyết CTXH; Có kiến thức về các lý thuyết CTXH như lý: một số thuyết tâm lý, một số lý thuyết tâm lý; một số lý thuyết CTXH truyền thống; lý thuyết hệ thống môi sinh.

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; Có năng lực vận dụng các lý thuyết công tác xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Chỉ ra được một số khái niệm về lý thuyết và lý thuyết CTXH, vai trò của lý thuyết CTXH trong thực hành CTXH	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được một số lý thuyết tâm lý học có thể sử dụng trong thực hành CTXH như lý thuyết nhân cách, lý thuyết gắn bó; lý thuyết công tác xã hội truyền thống trong công tác xã hội cá nhân và nhóm trong tiến trình can thiệp với thân chủ như: lý thuyết nhu cầu, thuyết nhận thức và hành vi, thuyết can thiệp khủng hoảng, thuyết vai trò và hành động xã hội, lý thuyết thân chủ trọng tâm; các lý thuyết hệ thống môi sinh, bao gồm thuyết hệ thống và sinh thái để có thể can thiệp với cá nhân, nhóm, gia đình trong môi trường, hoàn cảnh	PLO3	M

		khác nhau		
Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phản biện, phê phán liên quan đến các lý thuyết CTXH	PLO4	H
	CLO4	Kỹ năng đánh giá các vấn đề về lý thuyết công tác xã hội cụ thể và vận dụng được các lý thuyết công tác xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ	PLO6	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO3	CLO5	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về các lý thuyết CTXH; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các lý thuyết CTXH	PLO8	M
	CLO6	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về các lý thuyết CTXH	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Đình Tuấn, <i>Công tác xã hội: Lý thuyết và Thực hành</i> , NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010
Tài liệu tham khảo thêm:	Nguyễn Văn Nga, <i>Bài giảng Lý thuyết công tác xã hội</i> , Đại học Quy Nhơn, 2015
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng (Lecture):	Giáo viên trình bày nội dung và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở; Giải	- Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay theo	CLO1,

quyết vấn đề	<p>các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.</p> <p>- Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.</p>	CLO2, CLO3, CLO5
Thảo luận; Học nhóm	<p>- Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp này người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.</p> <p>- Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác hay giáo viên.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
Tự học (Làm bài tập ở nhà)	Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu.	CLO2, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Tuần học	Nội dung	CĐR học phần
PHẦN A: KHÁI QUÁT VỀ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI		
Buổi 1, 2 (6 tiết)	Chương I: Lý thuyết và lý thuyết công tác xã hội	CLO1, CLO3, CLO5
	1. Lý thuyết là gì? 2. Lý thuyết công tác xã hội 2.1. Khái niệm 2.2. Phân loại lý thuyết công tác xã hội 2.3. Mối quan hệ giữa lý thuyết công tác xã hội với thực	

	<p>hành</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Thảo luận bằng việc tìm kiếm một số lý thuyết dân gian có thể được ứng dụng trong CTXH trong bối cảnh xã hội Việt Nam?</p>	
<p>PHẦN B: LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG</p> <p>(Công tác xã hội với cá nhân, với gia đình và với nhóm)</p>		
Buổi 3 (3 tiết)	<p>Chương II: Một số lý thuyết tâm lý</p> <p>1. Lý thuyết gắn bó</p> <p>1.1. Khái niệm gắn bó</p> <p>1.2. Nội dung quan điểm lý thuyết gắn bó</p> <p>1.3. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p><u>Thân chủ:</u> Q. 19 tuổi, sinh viên, và mẹ, bà T.</p> <p>Q. đang học năm thứ hai đại học. Gia đình Q. rất lo lắng vì Q. không thích giao du, suốt ngày đi học về thì quanh quẩn ở nhà, không đi đâu, không có ai là bạn bè. Trong thời gian ở trung học Q. cũng có vài bạn trong đó có một bạn thân, nhưng bạn này hiện đã đi học ở xa nên chỉ còn liên lạc với nhau bằng điện thoại và email. Thỉnh thoảng Q. cũng cảm thấy cô đơn và muốn có bạn, nhưng Q. luôn luôn có cảm giác mọi người đều xấu, không tốt và ý nghĩ này luôn luôn làm cho Q. rụt rè, không dám làm quen với ai. Q. đặc biệt khó chịu khi có khách lạ đến thăm gia đình (bạn bè của chị em trong nhà) và thường cố ý đi vắng hoặc ở trong phòng không ra ngoài trong suốt thời gian khách đến chơi. Q. có một chị 21 tuổi và một em trai 16 tuổi, cả hai đều bình thường không có vấn đề tâm lý gì.</p>	CLO2, CLO5, CLO6
Buổi 4 (3 tiết)	<p>Chương II: Một số lý thuyết tâm lý (Tiếp theo)</p> <p>2. Lý thuyết nhân cách của Sigmund Freud</p> <p>2.1. Mô hình cấu trúc nhân cách</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển nhân cách</p> <p>2.3. Vô thức và ý nghĩa của giấc mộng</p> <p>2.4. Một số kỹ thuật trị liệu được áp dụng trong CTXH</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Thuyết nhân cách có thể ứng dụng như thế nào trong quá trình làm việc với TE bị bạo lực gia đình; HS bị bạo lực học</p>	CLO2, CLO3, CLO5

	đường?	
Buổi 5 (3 tiết)	<p>Chương II: Một số lý thuyết tâm lý (Tiếp theo)</p> <p>2. Lý thuyết nhân cách của Sigmund Freud</p> <p>2.1. Mô hình cấu trúc nhân cách</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển nhân cách</p> <p>2.3. Vô thức và ý nghĩa của giấc mộng</p> <p>2.4. Một số kỹ thuật trị liệu được áp dụng trong CTXH</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>K, 20 tuổi, đang gặp khủng hoảng. Con nhà khá giả, K bỏ học năm 16 tuổi và bỏ nhà đi hoang nhiều lần. Hiện đang sống chung với D. bạn trai cùng tuổi. D. có 4 anh em trai, cả bốn đều đang hoặc đã ở tù về những tội trộm cướp, buôn bán ma túy. K. đã từng bị bạn trai đánh đập nhiều lần. K. đang gặp rắc rối vì uống rượu say bất tỉnh trong khi đang ở nhà trông con 2 tuổi. Lỗi xóm gọi cảnh sát, sở bảo vệ trẻ em can thiệp, giao con K. cho ông bà Ngoại nuôi và bắt buộc K. đi tham vấn. Bạn trai của K. đuổi K. ra khỏi nhà và cấm không cho trở lại. K. vô cùng tuyệt vọng vì vẫn yêu bạn trai.</p>	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
Buổi 6 (3 tiết)	<p>Chương III: Quan điểm nhân văn, sinh tồn và tâm linh</p> <p>1. Nội dung các quan điểm về lý thuyết nhân văn, sinh tồn và tâm linh</p> <p>1.1. Quan điểm về Lý thuyết nhân văn</p> <p>1.1.1 Nội dung quan điểm về lý thuyết</p> <p>1.1.2. Ứng dụng lý thuyết nhân văn trong thực hành công tác xã hội</p> <p>2. Một số trường phái lý thuyết ảnh hưởng đến công tác xã hội</p> <p>2.1. Thuyết thân chủ trọng tâm của Carl Rogers và ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Phân biệt giữa tâm linh, tín ngưỡng và tôn giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam? Theo anh/chị có ý nghĩa như thế nào với thực hành CTXH?</p>	CLO2, CLO3, CLO5
Buổi 7 (3 tiết)	<p>Chương III: Quan điểm nhân văn, sinh tồn và tâm linh (Tiếp theo)</p> <p>2.2. CTXH nhóm dựa trên lý thuyết nhân văn của</p>	CLO2, CLO3, CLO5,

	<p>Glassman & Kate</p> <p>2.3. Thực hành lý thuyết sinh tồn và công tác xã hội (Thompson 1992)</p> <p>2.4. Thuyết nhu cầu của Maslow và ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>T là một cậu bé 14 tuổi bắt đầu nghiện hút. Em có một gia đình không hạnh phúc. Gia đình em có cuộc sống kinh tế tương đối khá giả nhưng bố em là một người đàn ông nghiện rượu và ngoại tình, mẹ em suốt ngày sống trong buồn đau và phiền muộn. Những lúc uống rượu vào, bố em lại đánh đập và chửi bới em. Mẹ của em cũng vậy, rất hay mắng nhiếc em và gọi em là “ngu ngốc”. Mẹ em hay so sánh em với những đứa con của bạn bè. Kết quả học ở lớp của em cũng không tốt và em cảm thấy chán học. Những lúc như vậy, em thấy mình thật tồi tệ và căng thẳng, em lại tìm đến những người bạn ở gần khu phố nhà em vì em thấy họ hiểu mình hơn và ở bên cạnh họ, em thấy thoải mái. Em thử dùng heroin và em thấy heroin đem lại cho em cảm giác khoan khoái, dễ chịu và quên hết mọi phiền muộn trong cuộc sống.</p> <p>Từ khi biết T sử dụng ma túy, bà mẹ cho rằng cần phải giữ T ở nhà, không cho giao du với bạn bè và như vậy mới có thể “canh chừng” được em. Thời gian này, không khí gia đình vô cùng ngột ngạt.</p>	CLO6
Buổi 8 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO3, CLO6
Buổi 9 (3 tiết)	<p>Chương IV: Lý thuyết khủng hoảng và mô hình tập trung vào giải pháp (Tiếp theo)</p> <p>1. Lý thuyết khủng hoảng và can thiệp khủng hoảng</p> <p>1.1. Lý thuyết khủng hoảng</p> <p>1.1.1. Khái niệm khủng hoảng</p> <p>1.1.2. Đặc tính của khủng hoảng</p> <p>1.1.3. Phân loại khủng hoảng</p> <p>1.2. Can thiệp khủng hoảng</p> <p>1.2.1. Khái niệm can thiệp khủng hoảng</p>	CLO2, CLO3, CLO5

	<p>1.2.2. Mục tiêu của can thiệp khủng hoảng</p> <p>1.2.3. Tiến trình can thiệp khủng hoảng dưới góc độ CTXH</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Phân biệt các loại khủng hoảng về tâm lý, kinh tế, chính trị?</p>	
<p>Buổi 10 (3 tiết)</p>	<p>Chương IV: Lý thuyết khủng hoảng và mô hình tập trung vào giải pháp (Tiếp theo)</p> <p>2. Mô hình tập trung vào giải pháp</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Mục tiêu và nhiệm vụ</p> <p>2.3. Tiến trình can thiệp tập trung vào giải pháp dưới góc độ công tác xã hội</p> <p>2.3.1. Bước xác định các vấn đề đích</p> <p>2.3.2. Bước đánh giá</p> <p>2.3.3. Bước lựa chọn vấn đề cần giải quyết</p> <p>2.3.4. Bước thỏa thuận hợp đồng</p> <p>2.3.5. Bước lập kế hoạch nhiệm vụ</p> <p>2.3.6. Bước thực hiện nhiệm vụ</p> <p>2.3.7. Bước kết thúc</p> <p>Bài tập (1 tiết): T là một cậu bé 14 tuổi bắt đầu nghiện hút. Em có một gia đình không hạnh phúc. Gia đình em có cuộc sống kinh tế tương đối khá giả nhưng bố em là một người đàn ông nghiện rượu và ngoại tình, mẹ em suốt ngày sống trong buồn đau và phiền muộn. Những lúc uống rượu vào, bố em lại đánh đập và chửi bới em. Mẹ của em cũng vậy, rất hay mắng nhiếc em và gọi em là “ngu ngốc”. Mẹ em hay so sánh em với những đứa con của bạn bè. Kết quả học ở lớp của em cũng không tốt và em cảm thấy chán học. Những lúc như vậy, em thấy mình thật tội tệ và căng thẳng, em lại tìm đến những người bạn ở gần khu phố nhà em vì em thấy họ hiểu mình hơn và ở bên cạnh họ, em thấy thoải mái. Em thử dùng heroin và em thấy heroin đem lại cho em cảm giác khoan khoái, dễ chịu và quên hết mọi phiền muộn trong cuộc sống.</p> <p>Từ khi biết T sử dụng ma túy, bà mẹ cho rằng cần phải giữ T ở nhà, không cho giao du với bạn bè và như vậy mới có thể “canh chừng” được em. Thời gian này, không khí gia đình vô cùng ngột ngạt.</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO6</p>

<p>Buổi 11 (3 tiết)</p>	<p>Chương V: Lý thuyết nhận thức và hành vi (Tiếp theo) 1. Lý thuyết nhận thức 1.1. Khái niệm nhận thức 1.2. Quan điểm về lý thuyết 1.3. Ứng dụng lý thuyết nhận thức trong thực hành CTXH 1.3.1. Thay đổi tri thức/cognitive restructuring 1.3.2. Ứng phó tri thức/cognitive coping 1.3.3. Huấn luyện về phương pháp giải quyết khó khăn Thảo luận (2 tiết) Hiện tượng học sinh hiện nay nghiện games online khá phổ biến? Vận dụng lý thuyết nhận thức và hành vi để giải thích vấn đề trên?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5</p>
<p>Buổi 12 (3 tiết)</p>	<p>Chương V: Lý thuyết nhận thức và hành vi (Tiếp theo) 2. Lý thuyết hành vi 2.1. Khái niệm hành vi 2.2. Quan điểm về lý thuyết 2.3. Ứng dụng lý thuyết hành vi trong thực hành công tác xã hội cá nhân 3. Ứng dụng thuyết trị liệu nhận thức hành vi của Sheldon trong công tác xã hội 3.1. Thiết lập hành vi mới 3.2. củng cố hành vi mới 3.3. Đánh giá được thực hiện Thảo luận (2 tiết) Thảo luận về các chiến lược thiết lập hành vi mới cho quá trình can thiệp cho phụ nữ bị trầm cảm sau khi sinh?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5</p>
<p>Buổi 13 (3 tiết)</p>	<p>Chương VI: Lý thuyết vai trò 5.1. Khái niệm vai trò 5.2. Nội dung lý thuyết vai trò 5.3. Ứng dụng lý thuyết vai trò trong thực hành CTXH</p>	<p>CLO2, CLO3</p>
<p>PHẦN C: MỘT SỐ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI MÔI TRƯỜNG</p>		
<p>Buổi 14 (3 tiết)</p>	<p>Chương VII: Lý thuyết hệ thống và sinh thái 1. Lý thuyết hệ thống 1.1. Lịch sử ra đời lý thuyết hệ thống 1.2. Khái niệm hệ thống 1.3. Phân loại hệ thống và hệ thống trong công</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5</p>

	<p>tác xã hội</p> <p>1.4. Đặc tính của hệ thống</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Thảo luận về hệ thống của những gia đình có hoàn cảnh nghèo; bạo lực, nghiện chất gây nghiện?</p>	
<p>Buổi 15 (3 tiết)</p>	<p>Chương VI: Lý thuyết hệ thống và sinh thái (Tiếp theo)</p> <p>1.5. Ứng dụng lý thuyết hệ thống theo quan điểm Pincus và Minahan vào thực hành công tác xã hội</p> <p>1.5.1. Lượng giá vấn đề</p> <p>1.5.2. Thu thập dữ liệu</p> <p>1.5.3. Tiến hành tiếp xúc ban đầu</p> <p>1.5.4. Thoả thuận về các hợp đồng</p> <p>1.5.5. Hình thành các hệ thống hành động</p> <p>1.5.6. Duy trì và phối hợp các hệ thống hành động</p> <p>1.5.7. Tạo ảnh hưởng về các hệ thống hành động</p> <p>1.5.8. Kết thúc những nỗ lực tạo thay đổi (lượng giá)</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Chị B là một phụ nữ bị bạo lực gia đình đã nhiều năm nay. Chị B có hai đứa con nhỏ, một bé trai 5 tuổi và bé gái 2 tuổi. Chồng chị thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập B, anh ta cũng chẳng quan tâm đến hai đứa con. Bản thân anh ta cũng sinh ra trong một gia đình bạo lực, bố anh ta thường xuyên đánh đập bà mẹ và các con. Tuy vậy, những lúc tỉnh rượu, anh ta lại có thái độ rất tốt với chị B.</p> <p>Dù bị chồng đánh như vậy nhưng chị B vẫn nhẫn nhịn chịu đựng vì nghĩ rằng nếu mình nói ra ngoài thì hàng xóm láng giềng lại chê cười, cho rằng mình là một người vợ không hoàn thành vai trò nên mới bị chồng đánh.</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5</p>

	<p>Nhiều lúc thấy uất ức quá, chị B cũng nghĩ đến ly hôn nhưng lại sợ hai đứa con sẽ bơ vơ không có cha, lớn lên đi học sẽ bị bạn bè chế giễu.</p> <p>Cách đây 5 ngày, trong một cơn say rượu, chồng chị đánh rất tàn nhẫn đến mức chị phải vào trạm xá điều trị. Bạn là NV CTXH và được cử đến để trợ giúp B.</p>	
<p>Buổi 16, 17 (6 tiết)</p>	<p>Chương VI: Lý thuyết hệ thống và sinh thái (Tiếp theo)</p> <p>2. Lý thuyết hệ thống sinh thái</p> <p>2.1. Một số khái niệm có liên quan</p> <p>2.2. Quan điểm chung về lý thuyết</p> <p>2.3. Mô hình về đời sống của con người trong môi trường xã hội</p> <p>2.4. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội</p> <p>2.4.1. Giai đoạn khởi động</p> <p>2.4.2. Giai đoạn triển khai</p> <p>2.4.3. Giai đoạn kết thúc</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>K là một đứa trẻ lớp 7 thường xuyên bị nhắc nhở về việc không tập trung và không hoàn thành bài tập. Kết quả học tập của cậu rất kém và cậu cũng ít giao lưu với bạn bè. Tìm hiểu qua giáo viên, bạn biết rằng, bố mẹ của K đã ly hôn 3 năm nay. Trước khi bố mẹ ly hôn, K học tập tương đối tốt và sống chan hòa với bạn bè. Mẹ K hiện nay rất bận bịu với công việc làm ăn và ít có thời gian quan tâm đến K. Bố của K cũng đã lấy vợ khác nên cũng không liên lạc với K thường xuyên. K có một người bạn gái tương đối thân ở cùng lớp và gần nhà, người bạn này học rất giỏi. Thời gian này, K hay chơi điện tử và quen với một nhóm bạn đường phố.</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<p>Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp</p> <p>Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần</p>	Trong toàn bộ thời gian học môn học	CLO1 CLO2 CLO5	10%
2	Quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (bài viết thực hiện trên giấy A4); - Bài thảo luận theo nhóm (số nhóm theo tỷ lệ lớp sẽ được GV lựa chọn phù hợp) 	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần		20%
	Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm lựa chọn 01 chủ đề được GV cho trước. - Tiêu chí đánh giá: dựa trên 04 tiêu chí cụ thể là: Tổ chức nhóm; Tham gia làm việc nhóm; Thảo luận; Phối hợp nhóm - Mức điểm đạt cụ thể chia làm 04 mức cụ thể theo tín chỉ là: A, B, C, D, F 	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần	CLO1, CLO2, CLO3 CLO5	
	Kiểm tra giữa kỳ	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu 	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	CLO1, CLO3 CLO5	

		+ Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định			
3	Cuối kỳ	Hình thức: Thi viết Tiêu chí đánh giá: dựa trên mẫu đáp án của Nhà trường, GV chấm dựa trên các đáp án được chuẩn bị sẵn	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	CLO2, CLO4 CLO5 CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: nguyenvannga@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977199812

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email: dinhanhtuan@qnu.edu.com

- Điện thoại liên hệ: 0914046673

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện

	thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chăm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Nguyễn Văn Nga

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

**HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CHĂM SÓC
SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG**

Mã học phần: 1100225

Tên tiếng Anh: Social work in the field of community health care

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Công tác xã hội với chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- Mã học phần: 1100225 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Là học phần chuyên nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề lý luận liên quan đến sức khỏe, sức khỏe cộng đồng; các nguyên lý trong chăm sóc sức khỏe ban đầu và một số loại bệnh tật thông thường và phổ biến ở cộng đồng hiện nay. Là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành, với mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để truyền thông giúp giải quyết những vấn đề sức khỏe mà cộng đồng gặp phải và trên cơ sở đó có thể đề xuất một số chính sách để nâng cao sức khỏe cho cộng đồng các dân cư ở Việt Nam.

3. Mục tiêu của học phần (Ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Giúp sinh viên biết cách vận dụng quy trình chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu; vận dụng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong can thiệp, trợ giúp cộng đồng có vấn đề về sức khỏe.

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc vào thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trước những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các vấn đề quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm sức khỏe, sức khỏe cộng đồng, các chỉ số đánh giá sức khỏe cá nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cá nhân; hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng; các phương pháp truyền thông- giáo dục sức khỏe; chăm sóc sức khỏe ban đầu và quy trình chẩn đoán sức khỏe cộng đồng; thực hành CTXH với một số vấn đề về sức khỏe cộng đồng.	PLO3	M

Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán liên quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng và kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng	PLO4	M
	CLO4	Đánh giá được vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng và vận dụng được các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.	PLO6	M
Mức độ tự chủ				
CO3	COL5	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trước những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO9	M
	COL6	Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các vấn đề quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đào Văn Dũng, <i>Giáo trình công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân</i> , NXB Chính trị Quốc gia, năm 2012.
Tài liệu tham khảo thêm:	1] Nguyễn Văn Nga, <i>Tập bài giảng CTXH trong CSSK cộng đồng</i> , Trường ĐH Quy Nhơn, 2015 [2] Trần Tuấn & Văn Thị Mai Dung (2005) Module đào tạo “sức khỏe cộng đồng”- Trung tâm Nghiên Cứu và Đào tạo Phát triển Cộng Đồng (RTCCD), Hà Nội.
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng (Lecture):	Giáo viên trình bày nội dung và giải thích các	CLO1, CLO2

	nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.	
Câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn đề	<p>- Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay theo các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.</p> <p>- Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.</p>	CLO1, CLO2, CLO3
Thảo luận; Học nhóm	<p>- Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp này người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.</p> <p>- Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác hay giáo viên.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
Tự học (Làm bài tập ở nhà)	Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu.	CLO2, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1,2,3 (6 tiết)	Chương I: Tổng quan về sức khỏe và bệnh tật 1. Khái quát về sức khỏe và bệnh tật	CLO1, CLO3, CLO5

	<p>1.1. Khái niệm sức khỏe và bệnh tật</p> <p>1.2. Các tiêu chí đánh giá sức khỏe con người</p> <p>1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe con người</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Các quan niệm dân gian ở Việt Nam về sức khỏe và bệnh tật như thế nào?</p>	
	<p>2. Hành vi sức khỏe</p> <p>2.1. Hành vi sức khỏe</p> <p>2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe</p> <p>2.3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Liệt kê một số hành vi có hại cho sức khỏe của giới trẻ hiện nay?</p>	CLO1, CLO3, CLO5
Buổi 4,5,6 (6 tiết)	<p>Chương II: CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p> <p>1. Sức khỏe cộng đồng và các yếu tố liên quan</p> <p>1.1. Khái niệm sức khỏe cộng đồng</p> <p>1.2. Các tiêu chí đánh giá sức khỏe cộng đồng</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>So sánh tình trạng sức khỏe của người dân tộc kinh với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay thông qua các chỉ số đánh giá tình trạng sức khỏe cộng đồng</p>	CLO2, CLO3, CLO5
	<p>1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư</p> <p>2. CTXH trong chăm sóc sức khỏe</p> <p>2.1. Lịch sử hình thành</p> <p>2.2. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của NVCTXH</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Trong các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư, yếu tố nào tác động lớn nhất?</p>	CLO2, CLO3, CLO5
Buổi 7 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO5
Buổi 8,9 (4 tiết)	<p>Chương III: Phương pháp giáo dục nâng cao sức khỏe cộng đồng</p> <p>1. Truyền thông giáo dục sức khỏe cộng đồng</p> <p>1.1 Khái niệm giáo dục sức khỏe</p> <p>1.2. Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe</p> <p>1.3. Mục đích của truyền thông giáo dục sức khỏe</p>	CLO2, CLO3, CLO5

	<p>1.4. Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Ưu và nhược điểm của các phương tiện truyền thông phổ biến được sử dụng trong Truyền thông giáo dục sức khỏe cộng đồng?</p>	
	<p>2. Tham vấn sức khỏe</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Nguyên tắc tham vấn sức khỏe</p> <p>2.3. Các loại hình tham vấn sức khỏe</p>	CLO2, CLO3, CLO5
	<p>Chương IV: Chăm sóc sức khỏe ban đầu và quy trình chẩn đoán sức khỏe cộng đồng</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Mục tiêu của CSSKBĐ</p> <p>3. Các nguyên lý CSSKBĐ</p>	CLO2, CLO3, CLO5
Buổi 10, 11, 12 (6 tiết)	<p>4. Các nội dung CSSK ban đầu ở Việt Nam</p> <p>4.1. Giáo dục sức khỏe (Education)</p> <p>4.2. Kiểm soát các bệnh dịch tại địa phương (Local disease control).</p> <p>4.3. Chương trình tiêm chủng mở rộng (Expanded program of immunification).</p> <p>4.4. Bảo vệ bà mẹ trẻ em - kế hoạch hóa gia đình (MCH and family planing).</p> <p>4.5. Cung cấp thuốc thiết yếu (Essential drugs).</p> <p>4.6. Cung cấp lương thực, thực phẩm và cải thiện bữa ăn (Nutrition and food suply).</p> <p>4.7. Điều trị và phòng bệnh (Treatment and prevention).</p> <p>4.8. Cung cấp nước sạch và thanh khiết môi trường (Safewater and sanitation).</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Những hạn chế hiện nay ở Việt Nam trong việc thực các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu ở cộng đồng?</p>	CLO2, CLO3, CLO5
Buổi 13 (2 tiết)	<p>Chương IV: Quy trình chẩn đoán và chăm sóc sức khỏe cộng đồng (Tiếp theo)</p> <p>5. Chẩn đoán cộng đồng</p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.2. Mục tiêu</p> <p>5.3. Phân biệt CDCĐ với chẩn đoán y học</p>	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6

	<p>5.4. Quy trình lập kế hoạch CSSKCD</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập bảng so sánh điểm giống và khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán y học? - Vẽ cây vấn đề xác định nguyên nhân, hậu quả liên quan đến bệnh tiểu đường ở người lớn tuổi? 	
<p>Buổi 14,15,16,17 9 tiết)</p>	<p>Chương V: Thực hành công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>1. Công tác xã hội trong điều trị lạm dụng chất</p> <p>2. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại gia đình</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>
	<p>3. Vai trò của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ bị bạo lực gia đình</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Phân tích quy trình tiếp cận nạn nhân bị bạo lực gia đình dưới góc độ CTXH?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>
	<p>4. Hoạt động công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe liên quan đến tai nạn thương tích tại cộng đồng (đuối nước, bỏng)</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Đóng vai, thực hiện sơ cứu cho người bị đuối nước?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>
	<p>5. CTXH liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản ở cộng đồng</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Thiết kế một cuộc truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên tại trường học?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>
	<p>6. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cho người bị HIV/AIDS</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu,	Trong toàn bộ thời gian	CLO1, CLO2,	10%

		thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp	học môn học	CLO3, CLO5	
		Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần			
2	Quá trình	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (bài viết thực hiện trên giấy A4); - Bài thảo luận theo nhóm (số nhóm theo tỷ lệ lớp sẽ được GV lựa chọn phù hợp)	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần		20%
	Thảo luận	- Các nhóm lựa chọn 01 chủ đề được GV cho trước. - Tiêu chí đánh giá: dựa trên 04 tiêu chí cụ thể là: Tổ chức nhóm; Tham gia làm việc nhóm; Thảo luận; Phối hợp nhóm - Mức điểm đạt cụ thể chia làm 04 mức cụ thể theo tỉ lệ là: A, B, C, D, F	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	CLO1, CLO3, CLO5	

		mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định			
3	Cuối kỳ	Hình thức: Thi viết Tiêu chí đánh giá: dựa trên mẫu đáp án của Nhà trường, GV chấm dựa trên các đáp án được chuẩn bị sẵn	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	CLO2, CLO4 CLO5 CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenvannga@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977199812

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị. Có tinh thần, thái độ chuyên nghiệp
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện

	thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	Sinh viên tìm đọc các tài liệu trên Thư viện nhà trường và tìm kiếm qua các nguồn thông tin trên mạng internet

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Văn Nga

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về giới và phát triển; công tác xã hội với vấn đề giới.

+ CO2: Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp và tiến trình CTXH nhằm thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- Kỹ năng:

+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với vấn đề giới; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của một thân chủ.

+ CO4: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với vấn đề giới để tham gia xây dựng các chính sách về giới, các dự án giới và các mô hình hỗ trợ khác nhau cho nạn nhân bị bạo hành gia đình.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO5: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với vấn đề giới.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được những vấn đề cơ bản về giới và phát triển; công tác xã hội với giới và bình đẳng giới như khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, các quan điểm của Đảng và nhà nước, các lý thuyết CTXH ứng dụng trong lĩnh vực giới...	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được khái niệm, phân loại, nguyên nhân và hậu quả của BLGD; quy trình hỗ trợ nạn nhân bị BLGD và các mô hình can thiệp, tư vấn trong lĩnh vực phòng, chống BLGD.	PLO3	M
CO2	CLO3	Vận dụng hiệu quả các phương pháp CTXH, tiến trình CTXH trong hoạt động trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Biết phát hiện và phân tích một vấn đề giới cụ	PLO6	M

		thể cần can thiệp; có khả năng vận dụng kiến thức và các phương pháp Công tác xã hội để giải quyết các vấn đề bất BGD và phòng chống BLGD.		
CO4	CLO5	Có khả năng nghiên cứu, vận động, đề xuất, tham gia xây dựng các chính sách về giới, các dự án giới và các mô hình hỗ trợ khác nhau cho nạn nhân bị bạo hành gia đình.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO6	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội với vấn đề giới	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Văn phòng Dự án Quốc Gia, <i>Giáo trình giới và phát triển, 2008</i> , NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Phạm Thị Hải Lý, <i>Công tác xã hội với vấn đề giới</i> , Trường đại học Quy Nhơn, 2019 2. Luật bình đẳng giới, 2006 3. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, 2007
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội vào thực tiễn hoạt động Công tác xã hội với vấn đề giới	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,

	huống của một thân chủ và thực hiện tiến trình công tác xã hội đối với vấn đề giới	CLO6,
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, làm việc nhóm, phản biện và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1-5 (15 tiết)	<p>Chương I: Những vấn đề cơ bản về giới và phát triển</p> <p>1. Khái quát chung về giới</p> <p>1.1. Giới tính (Sex) và giới (Gender)</p> <p>1.2. Phân biệt giới, giới tính và ý nghĩa của nó</p> <p>1.3. Khuôn mẫu và định kiến giới</p> <p>1.4. Bản sắc giới - Vai trò giới</p> <p>2. Các quan điểm nghiên cứu về giới và phát triển</p> <p>2.1. Phát triển là gì?</p> <p>2.2. Phụ nữ trong phát triển (WID), Phụ nữ và phát triển (WAD)</p> <p>3. Nhu cầu giới và phân tích giới</p> <p>3.1. Nhu cầu giới</p> <p>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm và sự cần thiết tìm hiểu nhu cầu giới</p> <p>3.1.2. Các loại nhu cầu giới</p> <p>3.2. Phân tích giới</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Nội dung phân tích giới</p> <p>4. Lòng ghép giới</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Sự cần thiết của phương pháp tiếp cận lòng ghép giới</p> <p>4.3. Các bước lòng ghép giới</p> <p>4.4. Quan điểm của Đảng và nhà nước về lòng ghép giới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>- Thảo luận nhóm (8 tiết)</p> <p>1) Phân biệt giới và giới tính</p> <p>2) Cho ví dụ về khuôn mẫu và định kiến giới</p> <p>3) So sánh nhu cầu thực tế và nhu cầu chiến lược</p>	CLO1, CLO4

	4) Thực trạng lồng ghép giới hiện nay	
Buổi 6-9 (10 tiết)	<p>Chương II: Công tác xã hội với vấn đề giới</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm về CTXH với vấn đề giới 2. Chức năng của công tác xã hội trong lĩnh vực giới 3. Nhiệm vụ của công tác xã hội trong lĩnh vực giới 4. Vai trò của nhân viên CTXH trong lĩnh vực giới 5. Phương pháp tiếp cận của CTXH đối với vấn đề giới <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Phương pháp CTXH cá nhân 5.2. Phương pháp CTXH nhóm 6. Một số lý thuyết CTXH ứng dụng trong lĩnh vực giới <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Lý thuyết Hệ thống 6.2. Lý thuyết Nhu cầu 6.3. Lý thuyết Vai trò xã hội 6.4. Lý thuyết nữ quyền 6.5. Lý thuyết trao đổi <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Sinh viên làm việc nhóm và thực hiện bài tập sau: Vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân để giúp một người đồng tính (trường hợp thân chủ giả định).</p>	CLO1, CLO4
Buổi 10-11 (6 tiết)	<p>Chương III: Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bình đẳng giới <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm bình đẳng giới 1.2. Các yếu tố cấu thành bình đẳng giới 1.3. Bản chất của bình đẳng giới 1.4. Tầm quan trọng của bình đẳng giới 2. Bất bình đẳng giới <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm 2.2. Các biểu hiện của Bất bình đẳng giới 3. Thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay 4. Các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến bình đẳng giới <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Các quyền của phụ nữ trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 4.2. Luật Bình đẳng giới <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Tại sao bình đẳng giới lại quan trọng? 2) Thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay 	CLO2, CLO4

<p>Buổi 12-15 (10 tiết)</p>	<p>Chương IV: Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu biết cơ bản về Bạo lực gia đình <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Các khái niệm cơ bản về BLGD 1.2. Các dạng bạo lực gia đình 1.3. Nguyên nhân – hậu quả của bạo lực gia đình 2. Thực trạng bạo lực gia đình tại Việt Nam và trên thế giới <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Trên thế giới 2.2. Tại Việt Nam 3. Quy trình hỗ trợ người bị bạo lực <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Đặc điểm tâm lý của người bị bạo lực 3.2. Các nguyên tắc khi làm việc với người bị bạo lực 3.3. Các kỹ năng cần thiết trong việc hỗ trợ người bị bạo lực 3.4. Quy trình hỗ trợ nạn nhân bị BLGD <ol style="list-style-type: none"> 3.4.1. Tư vấn 3.4.2. Nhận dạng và phân tích vấn đề. 3.4.3. Thảo luận và xây dựng các giải pháp khả thi. 3.4.4. Kế hoạch thực hiện của người được tư vấn. 3.4.5. Đánh giá và kết thúc. <p>Bài tập (4 tiết)</p> <p>Sinh viên làm việc nhóm và thực hiện bài tập sau: Vận dụng qui trình hỗ trợ nạn nhân bị BLGD để giúp cho một thân chủ cụ thể (trường hợp thân chủ giả định).</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO5</p>
---------------------------------	---	---------------------------------

Buổi 16-18 (9 tiết)	Chương V: Các mô hình can thiệp và tư vấn trong lĩnh vực phòng, chống BLGD 1. Mô hình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng 2. Mô hình về đào tạo 3. Mô hình Câu lạc bộ Nhóm nhỏ 4. Mô hình can thiệp trong các trường hợp khẩn cấp và tư vấn 5. Mô hình Nhà tạm lánh 6. Mô hình “địa chỉ tin cậy” 7. Mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ dành cho người bị bạo lực Bài tập (4 tiết) Sinh viên làm việc nhóm và thực hiện bài tập sau: Anh (chị) hãy xây dựng mô hình can thiệp và tư vấn phù hợp cho một thân chủ cụ thể (trường hợp thân chủ giả định). Ôn tập kết thúc học phần	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
---------------------	---	------------------------------

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	- Tích cực chuẩn bị bài, phát biểu xây dựng bài, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. - Thời gian tham dự 80% buổi học trở lên.	Toàn bộ thời gian diễn ra học phần	CLO1, CLO2, CLO3	10%
2	Quá trình Thảo luận	Sinh viên làm 1 bài báo cáo nhóm. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.	Trong quá trình diễn ra học phần	CLO1, CLO4	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân.	Giữa kỳ	CLO2, CLO4	20%

		Tiêu chí đánh giá: nội dung bài làm đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.			
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phạm Thị Hải Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: hailypham.dhqn@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0978904186

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia học tập các buổi học và làm bài tập thực hành, thảo luận nhóm
Quy định về hành vi trong lớp học	Không nói chuyện riêng, ngủ gật trong giờ học; trang phục chỉnh tề, ...
Quy định về học vụ	Các trang thiết bị học tập đúng quy định: Giấy, bút,
Các quy định khác	

Bình Định, ngày tháng ... năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thị Hải Lý

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm.

+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề về nghèo đói cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình, kỹ năng công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của người nghèo, hộ nghèo, cộng đồng nghèo.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với người nghèo

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Định nghĩa được một số khái niệm cơ bản về nghèo ở trên thế giới và ở Việt Nam - Giải thích được các nguyên nhân của nghèo đói; các ảnh hưởng của nghèo đói; các đặc điểm, nhu cầu của người nghèo.	PLO3	L
	CLO2	Phân tích được được các dịch vụ xã hội dành cho người nghèo.		M
	CLO3	Vận dụng được tiến trình công tác xã hội với người nghèo và các kỹ năng làm việc với người nghèo để hỗ trợ người nghèo, gia đình nghèo, cộng đồng nghèo thoát nghèo bền vững.		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	- Thực hiện tốt các tình huống giao tiếp; sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả; chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học. - Biết thành lập nhóm, tổ chức nhóm, duy trì và hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm hiệu quả; làm việc với các nhóm khác nhau; thực hiện đầy đủ	PLO4	M

		nhiệm vụ của nhóm; biết hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.		
CO3	CLO5	Có kỹ năng nhận diện đa chiều về một người nghèo, hộ gia đình nghèo và cộng đồng nghèo để đề xuất một kế hoạch can thiệp mang tính khoa học và chuyên nghiệp nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực), đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với người nghèo.	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Thị Chinh, <i>Công tác xã hội với người nghèo</i> , NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2012.
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Bùi Thị Hoàn, <i>Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay</i> , NXB Chính trị - Hành chính, 2013. [2]. Lê Quốc Lý, <i>Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp</i> , NXB Chính trị quốc gia - Sự thật Hà Nội, 2012. [3]. Vũ Thị Vinh, <i>Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay</i> , NXB Chính trị quốc gia HN, 2014
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng đánh giá vấn đề từ phương diện	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	công tác xã hội với người nghèo, năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội với người nghèo vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống giả định trong công tác xã hội với người nghèo và thực hiện quy trình công tác xã hội với người nghèo giả định.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
1-4 (12 tiết)	<p>CHƯƠNG 1: VẤN ĐỀ NGHÈO ĐỐI VÀ XÓA ĐỐI GIẢM NGHÈO</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về nghèo đói</p> <p>1.1.1. Nghèo</p> <p>1.1.1.1. Khái niệm nghèo theo quan niệm của thế giới</p> <p>1.1.1.2. Khái niệm nghèo theo quan niệm của Việt Nam</p> <p>1.1.2. Chuẩn nghèo</p> <p>1.1.2.1. Khái niệm chuẩn nghèo trên thế giới</p> <p>1.1.2.2. Khái niệm chuẩn nghèo ở Việt Nam</p> <p>1.1.2.3. Đặc điểm của chuẩn nghèo</p> <p>1.2. Thực trạng về vấn đề nghèo đói</p> <p>1.2.1. Thực trạng vấn đề nghèo đói trên thế giới</p> <p>1.2.2. Thực trạng về vấn đề nghèo đói ở Việt Nam</p> <p>1.3. Nguyên nhân nghèo đói</p> <p>1.3.1. Nguyên nhân nghèo trên thế giới</p> <p>1.3.2. Nguyên nhân nghèo ở Việt Nam</p> <p>1.4. Mối quan hệ của nghèo đói</p> <p>1.4.1. Nghèo và dinh dưỡng</p> <p>1.4.2. Nghèo và môi trường</p> <p>1.4.3. Nghèo và bình đẳng xã hội, bình đẳng giới</p>	CLO1, CLO4, CLO5

	<p>1.4.4. Nghèo và môi trường pháp lý</p> <p>1.4.5. Nghèo – thị trường lao động và nắm bắt cơ hội</p> <p>1.4.6. Nghèo và vốn xã hội</p> <p>1.5. Vấn đề, đặc điểm và nhu cầu của người nghèo</p> <p>1.5.1. Những vấn đề của cuộc sống người nghèo</p> <p>1.5.2. Đặc điểm và nhu cầu của người nghèo</p> <p>1.6. Ảnh hưởng của nghèo đói và phản ứng của người nghèo</p> <p>1.6.1. Ảnh hưởng của nghèo đói</p> <p>1.6.2. Phản ứng của con người khi đối mặt với nghèo đói</p> <p>1.7. Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020</p> <p>Thảo luận (6 tiết)</p> <p>Chia nhóm thảo luận về các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. nghèo ở vùng miền núi phía Bắc 2. Vấn đề nghèo ở vùng đồng bằng Bắc bộ 3. Vấn đề nghèo ở vùng Bắc Trung bộ 4. Vấn đề nghèo ở vùng Nam Trung Bộ 5. Vấn đề nghèo ở vùng Tây Nguyên 6. Vấn đề nghèo ở vùng Đông Nam Bộ 7. Vấn đề nghèo ở vùng Tây Nam Bộ 	
<p>5-7 (8 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 2: DỊCH VỤ XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO, HỘ NGHÈO</p> <p>2.1. Dịch vụ xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.1.1. Dịch vụ 2.1.2. Dịch vụ xã hội 2.1.3. Khái niệm dịch vụ xã hội 2.1.4. Các loại dịch vụ xã hội <p>2.2. Dịch vụ xã hội đối với người nghèo, hộ nghèo</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.2.1. Dạy nghề cho người nghèo 2.2.2. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo 2.2.3. Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và nước sạch 2.2.4. Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở 2.2.5. Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số 2.2.6. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý 2.2.7. Hỗ trợ người nghèo hưởng thụ văn hoá, thông tin 	<p>CLO2, CLO4, CLO6</p>

	<p>2.2.8. Khuyến nông - lâm - ngư; hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề</p> <p>2.2.9. Nhân rộng mô hình giảm nghèo</p> <p>2.2.10. Tham vấn cho người nghèo và gia đình nghèo</p> <p>Thảo luận (4 tiết)</p> <p>Chia nhóm thảo luận về 10 loại hình dịch vụ hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo hiện nay trên thực tiễn với các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quá trình thực hiện các dịch vụ xã hội cho người nghèo 2. Những kết quả đem lại cho người nghèo từ việc tiếp cận các dịch vụ xã hội 3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội và những khó khăn trong thiện hiện các dịch vụ xã hội cho người nghèo. 4. Những giải pháp thực hiện hiệu quả các dịch vụ xã hội cho người nghèo <p>Bài tập (4 tiết)</p> <p>Chia nhóm thực hành bài tập đóng vai:</p> <p>Tham vấn cho người nghèo và tham vấn hộ cho người nghèo tiếp cận với một số dịch vụ xã hội nói trên.</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (2 tiết)</p>	
<p>8-12 (15 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 3: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO, HỘ NGHÈO</p> <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Công tác xã hội với vấn đề nghèo <ol style="list-style-type: none"> 3.1.1. Những vấn đề chung về công tác xã hội với vấn đề nghèo 3.1.2. Tiến trình công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo <ol style="list-style-type: none"> 3.1.2.1. Bước 1: Tiếp nhận trường hợp / mở hồ sơ trường hợp (ca): 3.1.2.2. Bước 2: Thu thập thông tin 3.1.2.3. Bước 3: Đánh giá, xác định vấn đề và tiềm năng, hạn chế 3.1.2.4. Bước 4: Lập kế hoạch hỗ trợ 3.1.2.5. Bước 5: Thực hiện kế hoạch can thiệp 3.1.2.6. Bước 6: Lượng giá 3.2. Kỹ năng công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo <ol style="list-style-type: none"> 3.2.1. Kỹ năng làm việc với người nghèo 	<p>CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>

	<p>3.2.2. Kỹ năng làm việc với gia đình nghèo</p> <p>3.2.3. Kỹ năng làm việc với cộng đồng nghèo</p> <p>Bài tập (5 tiết)</p> <p>1. Vận dụng tiến trình công tác xã hội với một người nghèo trong trường hợp giả định</p> <p>2. Phác thảo kế hoạch sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình cho hộ nghèo</p> <p>3. Phác thảo kế hoạch giảm nghèo có sự tham gia của người dân</p>	
--	--	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. <p>Tham gia học từ 80% số tiết trở lên</p>	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%
2	Quá trình				30%
	Thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài thuyết trình nhóm - Tiêu chí cụ thể đánh giá bài báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> + Nội dung báo cáo + Trình bày Slide + Thuyết trình 	Đầu kỳ (Buổi 1-4)	CLO1, CLO4, CLO6	10%
	Kiểm tra	- Sinh viên làm 1 bài kiểm	Giữa kỳ	CLO2,	20%

	giữa kỳ	tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	(Buổi 5-7)	CLO4, CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Cuối kỳ (Theo lịch của nhà trường)	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com Điện thoại liên hệ: 0989678133

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phạm thị Hải Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: hailypham.dhqn@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0978904186

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.

Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

(M. D. R. 10. 21. 2019)



[Faint handwritten signature or scribble]

[Faint handwritten mark]

[Faint handwritten mark]

[Small handwritten mark]

ơ nhiễm HIV cao; đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; những khó khăn của người nhiễm HIV/AIDS; Công tác xã hội với người có HIV/AIDS. Sinh viên vừa được nâng cao kiến thức, hình thành các kỹ năng làm việc với thân chủ vừa có thể ứng dụng các kiến thức vào giải quyết các trường hợp thân chủ cụ thể.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn

- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; thực hiện các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của đối tượng.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động của công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm, mục đích của công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; Phân tích được các vấn đề lý luận của công tác xã hội đối với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	PLO3	M
	CLO2	Vận dụng được tiến trình công tác		M

		xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và phân tích tiến trình công tác xã hội với một thân chủ cụ thể		
	CLO3	Vận dụng được các công cụ, kỹ thuật giúp đỡ của công tác xã hội và phân tích tình huống với thân chủ cụ thể		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	Phát hiện và phân tích vấn đề của một đối tượng yếu thế, nhận diện đa chiều của các đối tượng. Đề xuất một kế hoạch can thiệp mang tính khoa học và chuyên nghiệp nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết các trường hợp của các đối tượng yếu thế.	PLO6	M
CO3	CLO5	Biết phát hiện một vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động công tác xã hội với đối	PLO10	M

		tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	
--	--	--	--

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	<p>[1]. Tiêu Thị Minh Hương, <i>Công tác xã hội với người nghiện ma túy</i>, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, 2012</p> <p>[2]. Tiêu Thị Minh Hương, <i>Công tác xã hội với đối tượng mại dâm</i>, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, 2011</p> <p>[3]. Phạm Văn Thức, <i>Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu</i>, NXB Y học, 2010</p>
Tài liệu tham khảo thêm	<p>[1]. Đại học Lao động - Xã hội, <i>Giáo trình Trợ giúp người nhiễm HIV/AIDS</i>, 2012</p> <p>[2]. Khuất Thu Hồng, Nguyễn Thị Vân Anh, <i>Tìm hiểu sự kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan tới ma HIV và các nhóm có hành vi nguy cơ cao tại Việt Nam</i>, ISDS, 2011</p> <p>[3]. UNICEF Việt Nam, <i>Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS</i>, 2012</p> <p>[4]. USAID, <i>Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến mại dâm và HIV ở Việt Nam</i>, NXB Dân trí, 2011</p> <p>[5]. Nguyễn Duy Nhiên, <i>Công tác xã hội nhóm</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2010</p> <p>[6]. Nguyễn Thị Kim Thanh, <i>Nhập môn công tác xã hội</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011</p> <p>[7]. Nguyễn Xuân Yêm, <i>Mại dâm ma túy cờ bạc tội phạm thời hiện đại</i>, NXB Công an nhân dân, 2003</p>

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

	tác với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của một thân chủ và thực hiện tiến trình công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR của HP
1-6 (18 tiết)	<p>Chương 1: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI ĐỐI TƯỢNG NGHIỆN MA TÚY</p> <p>1.1. Khái niệm nghiện ma túy và các khái niệm liên quan</p> <p>1.2. Phân loại ma túy và các con đường đưa ma túy vào cơ thể</p> <p>1.3. Cơ chế gây nghiện ma túy</p> <p>1.4. Các giai đoạn của quá trình nghiện ma túy</p> <p>1.5. Dấu hiệu nhận biết người sử dụng ma túy</p> <p>1.6. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của đối tượng nghiện ma túy</p> <p>1.7. Những khó khăn đối tượng nghiện ma túy phải đối mặt</p> <p>1.8. Thực trạng nghiện ma túy trên thế giới và Việt Nam</p> <p>1.8.1. Thực trạng nghiện ma túy trên thế giới</p> <p>1.8.2. Thực trạng nghiện ma túy ở Việt Nam</p> <p>1.9. Nguyên nhân, hậu quả của nghiện ma túy</p> <p>1.10. Những biện pháp cai nghiện ma túy hiện nay</p> <p>1.11. Hoạt động công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy</p> <p>1.11.1. Khái niệm, vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với đối tượng nghiện ma túy</p> <p>1.11.2. Nhân viên công tác xã hội làm việc với thân chủ đang phê thuốc</p> <p>1.11.3. Công tác xã hội đối với cá nhân đối tượng nghiện ma túy</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>1.11.4. Công tác xã hội đối với gia đình có đối tượng nghiện ma túy</p> <p>1.11.5. Công tác xã hội đối với cộng đồng có đối tượng nghiện ma túy</p> <p>1.11.6. Các dịch vụ công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy</p> <p>Thảo luận(3 tiết)</p> <p>1. Dấu hiệu nhận biết người nghiện ma túy.</p> <p>2. Đặc điểm nhu cầu người nghiện ma túy.</p> <p>3. Sự kỳ thị, phân biệt đối xử với đối tượng nghiện ma túy.</p> <p>Bài tập(3 tiết)</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm và thực hiện bài tập: Đóng vai nhân viên xã hội sử dụng tiến trình, các kỹ năng phù hợp can thiệp cho thân chủ có vấn đề theo tình huống giả định.</p>	
7-12 (18 tiết)	<p>Chương 2: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI ĐỐI TƯỢNG MẠI DÂM</p> <p>2.1. Khái niệm mại dâm và các khái niệm liên quan</p> <p>2.2. Phân loại mại dâm</p> <p>2.3. Lịch sử hình thành mại dâm</p> <p>2.4. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của đối tượng mại dâm</p> <p>2.5. Những khó khăn đối tượng mại dâm phải đối mặt</p> <p>2.6. Thực trạng hoạt động mại dâm trên thế giới và Việt Nam</p> <p>2.6.1. Thực trạng mại dâm trên thế giới</p> <p>2.6.2. Thực trạng mại dâm tại Việt Nam</p> <p>2.7. Nguyên nhân, hậu quả của mại dâm</p> <p>2.8. Quan điểm giải quyết vấn đề mại dâm</p> <p>2.9. Các biện pháp ngăn chặn sự gia tăng mại dâm</p> <p>2.10. Hoạt động công tác xã hội với đối tượng mại dâm</p> <p>2.10.1. Khái niệm công tác xã hội với đối tượng mại dâm</p> <p>2.10.2. Một số kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với đối tượng mại dâm</p> <p>2.10.3. Công tác xã hội cá nhân với đối tượng mại dâm</p> <p>2.10. Công tác xã hội nhóm với đối tượng mại dâm</p> <p>2.10.4. Công tác xã hội với gia đình có đối tượng mại dâm</p> <p>2.10.5. Công tác xã hội với cộng đồng có đối tượng mại</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>dâm</p> <p>Thảo luận(4 tiết)</p> <p>1.Đặc điểm tâm lý, nhu cầu đối tượng mại dâm</p> <p>2. Những khó khăn của đối tượng mại dâm.</p> <p>Bài tập(3 tiết)</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm và thực hiện bài tập: Đóng vai nhân viên xã hội sử dụng tiến trình, các kỹ năng phù hợp can thiệp cho thân chủ có vấn đề theo tình huống giả định.</p>	
13-17 (14 tiết)	<p>Chương 3: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI ĐỐI TƯỢNG HIV/AIDS</p> <p>3.1. HIV/AIDS và các khái niệm liên quan</p> <p>3.2. Lịch sử xuất hiện và các giai đoạn của HIV/AIDS</p> <p>3.3. Những nhận thức sai lệch về HIV/AIDS và tính nghiêm trọng của đại dịch HIV/AIDS</p> <p>3.4. Đối tượng và những hành vi có nguy cơ nhiễm HIV cao</p> <p>3.5. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của đối tượng HIV/AIDS</p> <p>3.6. Những khó khăn của đối tượng HIV/AIDS phải đối mặt</p> <p>3.7. Thực trạng nhiễm HIV/AIDS trên thế giới và tại Việt Nam</p> <p>3.8. Nguyên nhân và hậu quả của HIV/AIDS</p> <p>3.9. Hoạt động công tác xã hội với đối tượng HIV/AIDS</p> <p>3.9.1. Khái niệm, mục đích của công tác xã hội đối với đối tượng HIV/AIDS</p> <p>3.9.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội với đối tượng HIV/AIDS</p> <p>3.9.3. Công tác xã hội cá nhân với đối tượng HIV/AIDS</p> <p>3.9.4. Công tác xã hội đối với gia đình đối tượng HIV/AIDS</p> <p>3.9.4. Công tác xã hội đối với cộng đồng có đối tượng HIV/AIDS</p> <p>Thảo luận(3 tiết)</p> <p>1.Những nhận thức sai lệch về HIV/AIDS.</p> <p>2. Những khó khăn của đối tượng HIV/AIDS.</p> <p>Bài tập(4 tiết)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	Sinh viên làm việc theo nhóm và thực hiện bài tập: Đóng vai nhân viên xã hội sử dụng tiến trình, các kỹ năng phù hợp can thiệp cho thân chủ có vấn đề theo tình huống giả định.	
--	---	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. Tham gia học từ 80% số tiết trở lên	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
2	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra. - Các bài tập thực hành theo quy định của GV phụ trách. Tiêu chí đánh giá bài tập do GV nêu cụ thể 	Từ buổi 6-8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

9.2. Giảng viên 2


- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029


10. Các quy định chung

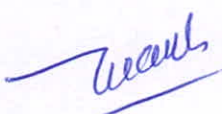
Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN TRƯỞNG KHOA


ThS. Võ Thị Diệu Quế.


TS. Phan Thị Kim Dung


TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Handwritten text in red ink at the top center of the page.



Handwritten text in blue ink on the left side of the page.

Handwritten text in blue ink on the right side of the page.

	cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Đình Khoa

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

8

196

		CTXH với trẻ em với các vấn đề xã hội khác.		
	CLO3	Vận dụng được các công cụ và kỹ thuật của CTXH với trẻ em vào việc giải quyết vấn đề với thân chủ là trẻ em		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	Biết phát hiện và phân tích,	PLO6	M

2

190

+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác xã hội với đối tượng khuyết tật để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.

- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội với đối tượng khuyết tật; thực hiện các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của đối tượng.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với người khuyết tật để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho người khuyết tật

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động của công tác xã hội với người khuyết tật

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm, mục đích của công tác xã hội với người khuyết tật. Phân tích các vấn đề lý luận của công tác xã hội với người khuyết tật	PLO3	M
	CLO2	Vận dụng tiến trình công tác xã hội để giải quyết vấn đề của người khuyết tật		M
	CLO3	Vận dụng được các công cụ và kỹ thuật giúp đỡ của công tác xã hội với người khuyết tật vào thực hành tình huống với thân chủ cụ thể		M
Kỹ năng				

CO2	CLO4	Biết phát hiện và phân tích vấn đề của người khuyết tật. Biết đề xuất một kế hoạch can thiệp mang tính khoa học và chuyên nghiệp nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người khuyết tật. Biết khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết các vấn đề của người khuyết tật	PLO6	M
CO3	CLO5	Biết phát hiện một vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong công tác xã hội với người khuyết tật và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Triển khai lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động công tác xã hội với người khuyết tật.	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	[1]. Nguyễn Thị Kim Hoa, <i>Công tác xã hội với người khuyết tật</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014
Tài liệu tham khảo thêm	[1]. Bộ Lao động thương binh và Xã hội, <i>Tài liệu hướng dẫn thực hành Công tác xã hội với người khuyết tật</i> , 2016 [2]. Trần Văn Kham, Tập bài giảng công tác xã hội với người khuyết tật, Trường Đại học KHXHNV, 2013 [3]. Đại hội đồng Liên hợp quốc, <i>Công ước quốc tế về Quyền của</i>

	<p><i>người khuyết tật, 2007</i></p> <p>[4]. Quốc hội, <i>Luật người khuyết tật, 2010</i></p> <p>[5]. Unicef, <i>Tài liệu hướng dẫn thực hành công tác xã hội với người khuyết tật, 2016</i></p>
--	--

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công tác xã hội và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội đối với người khuyết tật trong thực tiễn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của một thân chủ và thực hiện tiến trình công tác xã hội với thân chủ đó.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1-2 (6 tiết)	<p>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT</p> <p>1.1. Khái niệm người khuyết tật</p> <p>1.2. Phân loại các dạng khuyết tật</p> <p>1.2.1. Phân loại theo nguyên nhân gây khuyết tật</p> <p>1.2.2. Phân loại theo nhóm khuyết tật</p> <p>1.2.3. Phân loại theo dạng tật</p> <p>1.3. Nguyên nhân gây khiếm khuyết và sự hình thành khuyết tật</p> <p>1.4. Những khó khăn của người khuyết tật đối với quá trình hoà nhập xã hội</p> <p>1.4.1. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật</p> <p>1.4.2. Cơ hội tiếp cận các dịch vụ và đáp ứng nhu cầu trong đời sống của người khuyết tật</p> <p>1.4.2. 1. Học tập</p>	CLO1, CLO4

	<p>1.4.2.2. Việc làm</p> <p>1.4.2.3. Tiếp cận dịch vụ y tế</p> <p>1.4.2.4. Tiếp cận giao thông và các công trình công cộng</p> <p>1.4.2.5. Tiếp cận thông tin</p> <p>1.4.2.6. Tình yêu và hôn nhân</p> <p>1.5. Một số biểu hiện tâm lý của người khuyết tật</p> <p>1.6. Những tác động ảnh hưởng tới biểu hiện tâm lý của người khuyết tật</p> <p>1.7. Đặc điểm nhu cầu của người khuyết tật</p> <p>Thảo luận(2 tiết)</p> <p>Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người khuyết tật</p>	
3-5 (9 tiết)	<p>Chương 2: NGUYÊN TẮC, VAI TRÒ VÀ HƯỚNG TIẾP CẬN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT</p> <p>2.1. Khái niệm công tác xã hội với người khuyết tật</p> <p>2.2. Mục đích của công tác xã hội với người khuyết tật</p> <p>2.3. Các nguyên tắc hỗ trợ của nhân viên chăm sóc người khuyết tật</p> <p>2.3.1. Nguyên tắc tôn trọng người khuyết tật</p> <p>2.3.2. Nguyên tắc chấp nhận sự cá biệt</p> <p>2.3.3. Nguyên tắc lắng nghe người khuyết tật</p> <p>2.3.4. Nguyên tắc tin vào khả năng tự giải quyết của người khuyết tật</p> <p>2.3.5. Trung thực, chân thành với người khuyết tật</p> <p>2.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong công tác xã hội với người khuyết tật</p> <p>2.4.1. Đánh giá trường hợp</p> <p>2.4.2. Giúp người khuyết tật nhận thức và tăng cường khả năng tự chủ</p> <p>2.4.3. Giúp người khuyết tật phát huy khả năng sáng tạo</p> <p>2.4.4. Xây dựng ý chí, nghị lực cho người khuyết tật</p> <p>2.4.5. Biện hộ cho quyền lợi của người khuyết tật</p> <p>2.5. Các hướng tiếp cận trong công tác với người khuyết tật</p> <p>2.5.1. Hướng tiếp cận dựa trên lý thuyết nhân văn hiện</p>	CLO2, CLO4

	sinh 2.5.2. Hướng tiếp cận quyền con người 2.5.3. Hướng tiếp cận tâm lý- xã hội 2.5.4. Hướng tiếp cận theo mô hình y học 2.5.5. Hướng tiếp cận theo mô hình xã hội	
6-9 (12 tiết)	Chương 3: KỸ NĂNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT 3.1. Một số kỹ năng cần thiết trong công tác xã hội với người khuyết tật 3.1.1. Kỹ năng tạo dựng mối quan hệ tin cậy giữa NVXH và thân chủ khuyết tật 3.1.2. Kỹ năng chung trong giao tiếp với thân chủ khuyết tật 3.1.3. Kỹ năng phát hiện và đánh giá khuyết tật 3.1.4. Kỹ năng biện hộ 3.1.5. Kỹ năng giúp người khuyết tật sống độc lập 3.1.6. Kỹ năng xử lý khủng hoảng 3.1.7. Kỹ năng thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật 3.2. Công tác xã hội cá nhân và gia đình người khuyết tật 3.2.1. Công tác xã hội cá nhân với người khuyết tật 3.2.2. Công tác xã hội với gia đình người khuyết tật	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
10-12 (8 tiết)	Chương 4: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ MÔ HÌNH DỊCH VỤ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT 4.1. Pháp luật về người khuyết tật 4.1.1. Pháp luật quốc tế về người khuyết tật 4.1.2. Pháp luật Việt Nam về người khuyết tật 4.2. Chính sách, chương trình hỗ trợ người khuyết tật 4.2.1. Chính sách hỗ trợ giáo dục 4.2.2. Chính sách hỗ trợ học nghề, việc làm 4.2.3. Chính sách ưu đãi về y tế 4.2.4. Chính sách bảo trợ xã hội 4.3. Mô hình dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật 4.3.1. Mô hình giáo dục 4.3.2. Mô hình sinh kế	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

4.3.3. Mô hình sống độc lập	
4.3.4. Mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	
4.3.5. Mô hình chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội	
4.3.6. Dịch vụ can thiệp sớm cho người khuyết tật	

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. <p>Tham gia học từ 80% số tiết trở lên</p>	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
2	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra. - Các bài tập thực hành theo quy định của GV phụ trách. Tiêu chí đánh giá bài tập do GV nêu cụ thể 	Từ buổi 5-7	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



ThS. Võ Thị Diệu Quế



TS. Phan Thị Kim Dung



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHXH & NV **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI GIA ĐÌNH
Mã học phần: 1100234
Tên tiếng Anh: Social works with family

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Công tác xã hội với gia đình
- Mã học phần: 1100234 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về gia đình, các vấn đề gia đình Việt Nam đang gặp phải; các mục đích, nguyên tắc, lý thuyết, phương pháp, một số công cụ áp dụng công tác xã hội với gia đình. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành, thông qua đó sinh viên nhận diện được vấn đề gia đình, lập được kế hoạch can thiệp phù hợp nhằm giúp các gia đình giải quyết được vấn đề của họ; đồng thời từ thực tiễn nghiên cứu, đề xuất để cải thiện các chính sách, luật pháp về gia đình Việt Nam hiện nay. Học phần này có mối quan hệ với các học phần trong hệ thống chuyên ngành công tác xã hội như Nhập môn CTXH, CTXH với cá nhân.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến công tác xã hội với gia đình; vận dụng các tiến trình, các kỹ năng và công cụ vào làm việc với gia đình có vấn đề.

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong CTXH với gia đình; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với gia đình để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội cho gia đình, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho những gia đình có nhu cầu cần sự trợ giúp.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về vấn đề chuyên môn liên quan đến CTXH với gia đình; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực CTXH với gia đình

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Chỉ ra được khái niệm, phân loại, chức năng và các đặc trưng những cơ bản của gia đình; những vấn đề cụ thể mà gia đình Việt Nam thường gặp phải trong bối cảnh hiện nay; những chính sách, luật pháp có liên quan đến gia đình Việt Nam.	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc CTXH với gia đình; các lý thuyết tiếp cận với gia đình; tiến trình CTXH với gia đình theo cấp độ nhu cầu; các công cụ, kỹ năng công tác xã hội với gia đình và xác định được các hoạt động của CTXH làm việc với những lĩnh vực cụ thể đối với gia đình có vấn đề.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ	PLO4	M

		năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong CTXH với gia đình		
	CLO4	Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội trong gia đình; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội gia đình đang gặp phải	PLO6	M
	CLO5	Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với gia đình để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội cho gia đình, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho những gia đình có nhu cầu cần sự trợ giúp	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO3	CLO6	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về vấn đề chuyên môn liên quan đến CTXH với gia đình; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực CTXH với gia đình	PLO8	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Thị Thái Lan – Bùi Thị Xuân Mai, <i>Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình</i> , NXB Lao động – Xã hội, 2011
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Nguyễn Văn Nga, <i>Tập bài giảng CTXH với gia đình</i> , Trường Đại học Quy Nhơn, 2018 2. Luật Hôn nhân và gia đình (2010) 3. Luật Bình Đẳng giới (2006)
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng (Lecture):	Giáo viên trình bày nội dung và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người	CLO1, CLO2

	thuyết trình, diễn giảng, sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.	
Câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay theo các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học. 	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
Thảo luận; Học nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp này người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác hay giáo viên. 	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
Tự học (Làm bài tập ở nhà)	Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu.	CLO2, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1 (2 tiết)	Chương I: Khái quát chung về gia đình 1. Các khái niệm	CLO1, CLO3, CLO6

	<p>1.1. Khái niệm về gia đình và chức năng của gia đình</p> <p>1.1.1. Khái niệm gia đình</p> <p>1.1.2. Chức năng của gia đình</p> <p>1.1.3. Phân loại gia đình</p> <p>1.1.4. Đặc trưng của gia đình Việt Nam</p> <p>2. Các vấn đề thường gặp phải và nhu cầu của gia đình</p> <p>- Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Đặc trưng của gia đình Việt Nam truyền thống có sự thay đổi, khác biệt như thế nào so với gia đình hiện đại</p>	
Buổi 2 (2 tiết)	<p>Chương I: Khái quát chung về gia đình (TT)</p> <p>2. Cấp bậc nhu cầu của gia đình-những vấn đề và cách can thiệp phù hợp</p> <p>2.1. Nhu cầu gia đình cấp I</p> <p>2.2. Nhu cầu gia đình cấp II</p> <p>2.3. Nhu cầu gia đình cấp III</p> <p>2.4. Nhu cầu gia đình cấp IV</p> <p>3. Văn bản pháp luật và chính sách của Việt Nam về gia đình</p> <p>- Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Việc thực hiện các chính sách, luật pháp về gia đình ở Việt Nam hiện nay có những sự bất cập nào cần được điều chỉnh hay không?</p>	CLO1, CLO3, CLO6
Buổi 3, 4,5 (6 tiết)	<p>Chương II. Những vấn đề chung về công tác xã hội với gia đình</p> <p>1. Sơ lược lịch sử công tác xã hội với gia đình</p> <p>1.1. Sự ra đời của các tổ chức tiên thân của công tác xã hội với gia đình</p> <p>2. Một số khái niệm</p> <p>2.1. Khái niệm CTXH với gia đình</p> <p>2.2. Trị liệu gia đình</p> <p>2.3. Tham vấn gia đình</p> <p>2.4. Gia đình học</p>	CLO2, CLO3
	<p>3. Chức năng, nhiệm vụ của CTXH với gia đình</p> <p>4. Vai trò của NVCTXH với gia đình</p> <p>4.1. Vai trò kết nối</p> <p>4.2. Vai trò biện hộ</p> <p>4.3. Vai trò hòa giải</p>	CLO2, CLO3, CLO6

	<p>4.4. Vai trò giáo dục</p> <p>4.5. Vai trò tham vấn</p> <p>4.6. Một số lý thuyết tiếp cận trong CTXH với gia đình</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Thảo luận về ý nghĩa của lý thuyết hệ thống gia đình trong công tác xã hội</p>	
Buổi 6,7 (4 tiết)	<p>Chương III: Phương pháp và tiến trình CTXH trong lĩnh vực gia đình</p> <p>1. Tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu</p> <p>1.1. Tiếp nhận ca/mở hồ sơ</p> <p>1.2. Thu thập thông tin</p> <p>1.3. Đánh giá cấp độ nhu cầu gia đình</p> <p>1.4. Xây dựng kế hoạch giúp đỡ</p> <p>1.5. Hỗ trợ triển khai kế hoạch</p> <p>1.6. Lượng giá và đóng hồ sơ</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p>	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
	<p>2.1. Phương pháp làm việc với gia đình dựa trên quan điểm thế mạnh</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc chính của quan điểm thế mạnh khi làm việc với gia đình</p> <p>2.1.3. Phương pháp làm việc với gia đình dựa trên quan điểm thế mạnh</p> <p>2.2. Phương pháp quản lý trường hợp trong làm việc với gia đình</p> <p>2.1.1. Khái niệm quản lý ca</p> <p>2.1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của quản lý ca theo cấp độ nhu cầu</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p>	CLO2, CLO3, CLO6
Buổi 8 (2 tiết)	<p>Chương IV: Một số công cụ và kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình</p> <p>2. Một số công cụ để đánh giá cá nhân và gia đình</p> <p>2.1. Sơ đồ phá hệ gia đình</p> <p>2.2. Bản đồ sinh thái</p>	CLO2, CLO3, CLO6
Buổi 9 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ (mức vận dụng)	CLO1, CLO3, CLO6

	<p>hoàn thành vai trò nên mới bị chồng đánh. Nhiều lúc thấy uất ức quá, chị B cũng nghĩ đến ly hôn nhưng lại sợ hai đứa con sẽ bơ vơ không có cha, lớn lên đi học sẽ bị bạn bè chế giễu.</p> <p>Cách đây 5 ngày, trong một cơn say rượu, chồng chị đánh rất tàn nhẫn đến mức chị phải vào trạm xá điều trị. Bạn là NV CTXH và được cử đến để trợ giúp B.</p>	
<p>Buổi 13, 14 (4 tiết)</p>	<p>Chương V: Một số lĩnh vực thực hành công tác xã hội với gia đình (TT)</p> <p>3. Công tác xã hội với gia đình có người khuyết tật</p> <p>3.1. Khái niệm người khuyết tật</p> <p>3.2. Những đặc điểm tâm lý xã hội, khó khăn đối với gia đình có người khuyết tật</p> <p>3.3. Một số hoạt động CTXH trong trợ giúp gia đình có người khuyết tật</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO6</p>
	<p>4. Công tác xã hội với gia đình có người lạm dụng chất gây nghiện</p> <p>4.1. Khái niệm nghiện và nghiện chất</p> <p>4.2. Nguyên nhân, hậu quả của việc lạm dụng chất gây nghiện</p> <p>4.3. Một số hoạt động CTXH trong trợ giúp gia đình có người lạm dụng chất gây nghiện</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>T là một cậu bé 14 tuổi bắt đầu nghiện hút. Em có một gia đình không hạnh phúc. Gia đình em có cuộc sống kinh tế tương đối khá giả nhưng bố em là một người đàn ông nghiện rượu và ngoại tình, mẹ em suốt ngày sống trong buồn đau và phiền muộn. Những lúc uống rượu vào, bố em lại đánh đập và chửi bới em. Mẹ của em cũng vậy, rất hay mắng nhiếc em và gọi em là “ngu ngốc”. Mẹ em hay so sánh em với những đứa con của bạn bè. Kết quả học ở lớp của em cũng không tốt và em cảm thấy chán học. Những lúc như vậy, em thấy mình thật tồi tệ và căng thẳng, em lại tìm đến những người bạn ở gần khu phố nhà em vì em thấy họ hiểu mình hơn và ở bên cạnh họ, em thấy thoải mái. Em thử dùng heroin và em thấy heroin đem lại cho em cảm giác khoan khoái, dễ chịu và quên hết mọi phiền muộn</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO5, CLO6</p>

	trong cuộc sống. Từ khi biết T sử dụng ma túy, bà mẹ cho rằng cần phải giữ T ở nhà, không cho giao du với bạn bè và như vậy mới có thể “canh chừng” được em. Thời gian này, không khí gia đình vô cùng ngột ngạt.	
Buổi 15, 16,17 (5 tiết)	Chương V: Một số lĩnh vực thực hành công tác xã hội với gia đình (TT) 5. Công tác xã hội với gia đình có vấn đề liên quan đến giáo dục con cái 5.1. Khái niệm giáo dục và giáo dục lại 5.2. Các trường hợp con cái cần giáo giục lại 5.3. Nguyên tắc và tiến trình hỗ trợ gia đình trong giáo dục lại con cái	CLO2, CLO3, CLO6
	6. Công tác xã hội với vấn đề ly hôn trong gia đình 6.1. Khái niệm ly hôn 6.2. Nguyên nhân, hậu quả của ly hôn 6.3. Nguyên tắc và tiến trình làm việc với gia đình có ly hôn	CLO2, CLO3, CLO6

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần	Trong toàn bộ thời gian học môn học	CLO1 CLO2 CLO5	10%
2	Quá trình	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (bài viết thực hiện trên giấy A4); - Bài thảo luận theo nhóm (số nhóm theo tỷ lệ lớp sẽ được GV lựa chọn phù hợp)	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học		20%

			phần		
	Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm lựa chọn 01 chủ đề được GV cho trước. - Tiêu chí đánh giá: dựa trên 04 tiêu chí cụ thể là: Tổ chức nhóm; Tham gia làm việc nhóm; Thảo luận; Phối hợp nhóm - Mức điểm đạt cụ thể chia làm 04 mức cụ thể theo tín chỉ là: A, B, C, D, F 	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6	
	Kiểm tra giữa kỳ	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định 	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	CLO1, CLO3, CLO6	
3	Cuối kỳ	<p>Hình thức: Thi viết</p> <p>Tiêu chí đánh giá: dựa trên mẫu đáp án của Nhà trường, GV chấm dựa trên các đáp án được chuẩn bị sẵn</p>	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenvannga@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977199812

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị. Có tinh thần, thái độ chuyên nghiệp
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	Sinh viên nghiên cứu các tài liệu ở Thư viện Trường và tham khảo từ các nguồn có trên Internet.

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN


TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Văn Nga



TS. Phan Thị Kim Dung



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



11

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

12



[Faint, illegible handwritten text]

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CÓ HÀNH VI
LỆCH CHUẨN
Mã học phần: 1100237
Tên tiếng Anh: Social work with people with standard deviation

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn
- Mã học phần: 1100237 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần: (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lệch chuẩn, các hành vi lệch chuẩn và những biểu hiện cụ thể của các hành vi lệch chuẩn trong đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng. Từ đó giúp sinh viên chủ động trong quá trình hỗ trợ người có hành vi lệch chuẩn điều chỉnh hành vi của họ, nâng cao trách nhiệm của con người với đồng loại, tích cực ngăn ngừa những hành vi lệch chuẩn, hướng đến một xã hội tốt đẹp.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan hành vi, hành vi lệch chuẩn; các loại hành vi lệch chuẩn, nguyên nhân và hậu quả của hành vi lệch chuẩn.

+ CO2: Giúp người học hiểu được khái niệm, các định hướng tiếp cận, vai trò của nhân viên CTXH khi làm việc với người có hành vi lệch chuẩn.

+ CO3: Giúp sinh viên biết cách vận dụng các phương pháp, tiến trình CTXH và thực hành cụ thể với những trường hợp, nhóm có hành vi lệch chuẩn đặc thù trong công tác xã hội.

- Kỹ năng:

+ CO4: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán những vấn đề liên quan đến hành vi lệch chuẩn và kỹ năng làm việc nhóm với người có hành vi lệch chuẩn.

+ CO5: Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO6: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn về công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm hành vi, hành vi lệch chuẩn, các loại hình hành vi lệch chuẩn và những nguyên nhân, hậu quả của hành vi lệch chuẩn	PLO3	M
CO2	CLO2	Phân tích được những vấn đề lý luận chung về CTXH với hành vi lệch chuẩn, vai trò của NVCTXH trong làm việc với cá nhân, nhóm có hành vi lệch chuẩn, các quan điểm tiếp cận khi làm việc với đối tượng có hành vi lệch chuẩn	PLO3	M

CO3	CLO3	Tổ chức được các được phương pháp, tiến trình của CTXH trong làm việc với người có hành vi lệch chuẩn	PLO3	M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán những vấn đề liên quan đến hành vi lệch chuẩn và kỹ năng làm việc nhóm với người có hành vi lệch chuẩn.	PLO4	M
CO5	CLO5	Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO6	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn về công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trung tâm Nghiên cứu - Tư vấn CTXH & PTCĐ, <i>Hành vi lệch chuẩn</i> , Dự án Nâng cao năng lực cho NVXH cơ sở ở TP.HCM, 2014
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Phạm Thị Hải Lý, <i>Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn</i> , Tập bài giảng, ĐHQN, 2016 2. Đại học Mở bán công Thành phố HCM, <i>Hành vi con người và môi trường xã hội</i> , Tài liệu tập huấn, Đại học Fordham Hoa Kỳ từ 7 - 18/7/1997.
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền	CLO1, CLO2,

	tăng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội vào thực tiễn hoạt động Công tác xã hội để trợ giúp người có hành vi lệch chuẩn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của một thân chủ và thực hiện tiến trình công tác xã hội đối với gia đình có vấn đề.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, làm việc nhóm, phản biện và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
Buổi 1-3 (8 tiết)	<p>Chương I: KHÁI QUÁT VỀ LỆCH CHUẨN VÀ HÀNH VI LỆCH CHUẨN</p> <p>1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.1. Lệch chuẩn</p> <p>1.2. Hành vi lệch chuẩn</p> <p>1.3. Người có hành vi lệch chuẩn</p> <p>2. Một số lý thuyết về hành vi lệch chuẩn</p> <p>2.1. Giải thích trên cơ sở sinh học</p> <p>2.2. Giải thích trên cơ sở tâm lý</p> <p>2.3. Giải thích trên cơ sở xã hội học</p> <p>3. Phân loại hành vi lệch chuẩn</p> <p>3.1. Căn cứ vào nội dung, tính chất của các chuẩn mực xã hội bị xâm hại</p> <p>3.2. Căn cứ vào thái độ, tâm lý chủ quan của người thực hiện hành vi sai lệch</p> <p>4. Một số nguyên nhân của hành vi lệch chuẩn</p> <p>4.1. Nguyên nhân từ bản thân</p>	CLO1, CLO5

	<p>4.2. Nguyên nhân từ gia đình</p> <p>4.3. Nguyên nhân từ nhà trường</p> <p>4.4. Nguyên nhân từ xã hội</p> <p>THẢO LUẬN NHÓM (4 tiết)</p> <p>- Lệnh chuẩn khác với lệch lạc như thế nào? Cho ví dụ minh họa?</p> <p>- Liệt kê những khía cạnh của xã hội dẫn đến hành vi lệch chuẩn của giới trẻ hiện nay?</p>	
<p>Buổi 4-6 (8 tiết)</p>	<p>Chương II: KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CÓ HÀNH VI LỆCH CHUẨN</p> <p>1. Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn</p> <p>1.1. CTXH với người có hành vi lệch chuẩn là gì?</p> <p>1.2. Đối tượng của CTXH với người có hành vi lệch chuẩn</p> <p>1.3. Chức năng và nhiệm vụ của CTXH với người có hành vi lệch chuẩn</p> <p>1.4. Vai trò của nhân viên CTXH đối với người có hành vi lệch chuẩn</p> <p>2. Định hướng tiếp cận và trị liệu đối với người có hành vi lệch chuẩn</p> <p>2.1. Quan điểm y tế</p> <p>2.2. Quan điểm phân tâm học</p> <p>2.3. Quan điểm hành vi và nhận thức</p> <p>2.4. Quan điểm nhân văn</p> <p>2.5. Định hướng trị liệu nhân mạnh dựa trên lý thuyết hệ thống sinh thái</p> <p>THẢO LUẬN NHÓM (4 tiết)</p> <p>- Chức năng can thiệp/chữa trị về hành vi lệch chuẩn trong CTXH khác gì so với lĩnh vực y học?</p> <p>- Tìm hiểu lý thuyết phân tâm khi giải thích về hành vi lệch chuẩn nhân cách trong học sinh?</p>	<p>CLO2, CLO5</p>
<p>Buổi 7-9 (7 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG III: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG CTXH VỚI NGƯỜI CÓ HVLC</p> <p>1. Phương pháp CTXH</p> <p>1.1. Phương pháp chung</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6</p>

	<p>1.2. Phương pháp đặc thù của CTXH</p> <p>1.2.1. Tiến trình CTXH cá nhân</p> <p>1.2.2. Tiến trình CTXH nhóm</p> <p>1.2.3. Phương pháp thiết kế mô hình thu thập thông tin</p> <p>1.2.4. Phương pháp đánh giá bằng thang điểm hoàn thành mục tiêu</p> <p>1.2.5. Phương pháp lập thang điểm vấn đề đối tượng</p> <p>2. Một số kỹ năng thực hành CTXH với người có HVLC</p> <p>2.1. Liệu pháp tư duy: điều trị bệnh trầm cảm</p> <p>2.2. Trị liệu tâm lý với cá nhân, nhóm có HVLC</p> <p>2.3. Phát huy nội lực</p> <p>THẢO LUẬN NHÓM (2 tiết)</p> <p>Liệt kê các kỹ thuật liên quan đến liệu pháp tư duy để điều trị bệnh trầm cảm phụ nữ sau khi sinh</p>	
<p>Buổi 10-15 (12 tiết)</p>	<p>Chương IV: THỰC HÀNH CTXH VỚI MỘT SỐ DẠNG HÀNH VI LỆCH CHUẨN</p> <p>1. Hành vi nghiện Game online</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Biểu hiện cảm xúc, tâm lý, hành vi</p> <p>1.3. Nguyên nhân và hậu quả</p> <p>1.3. Một số định hướng giải pháp can thiệp dưới góc độ CTXH</p> <p>2. Hành vi lệch chuẩn liên quan đến bệnh thái nhân cách</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Phân loại</p> <p>2.3. Đặc điểm</p> <p>2.4. Một số định hướng giải pháp can thiệp dưới góc độ CTXH</p> <p>3. Rối loạn cư xử và hành vi chống đối</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Những triệu chứng và biểu hiện</p> <p>3.3. Nguyên nhân</p> <p>3.4. Tư vấn cho học sinh có hành vi rối loạn cư xử và</p>	<p>CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>

	<p>chống đối</p> <p>4. Hành vi nghiện mạng xã hội</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Dấu hiệu nhận biết</p> <p>4.3. Hậu quả của nghiện mạng xã hội</p> <p>4.4. Một số biện pháp can thiệp nghiện mạng xã hội</p> <p>5. Hành vi tự sát ở thanh thiếu niên</p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.2. Các mức độ của hành vi tự sát</p> <p>5.3. Đặc điểm tự sát ở thanh thiếu niên</p> <p>5.4. Nguyên nhân và cách thức trị liệu</p> <p>6. Hành vi nghiện game online</p> <p>6.1. Khái niệm</p> <p>6.2. Nguyên nhân</p> <p>6.3. Giải pháp</p> <p>Bài tập (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các biểu hiện tâm lý, nhận thức và hành vi của học sinh nghiện game online? - Đóng vai về hành vi chống đối của học sinh trung học phổ thông - Các nhóm thực hiện các trò chơi đuổi hình bắt chữ, thẻ nhắc nhở để trị liệu cho học sinh nghiện mạng xã hội? <p>ÔN TẬP (1 TIẾT)</p>	
--	--	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực chuẩn bị bài, phát biểu xây dựng bài, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. - Thời gian tham dự 80% buổi học trở lên. 	Toàn bộ thời gian diễn ra học phần	CLO1, CLO2, CLO3	10%
2	Quá trình				30%
	Thảo luận	Sinh viên làm 1 bài báo cáo	Trong quá	CLO1,	10%

		nhóm. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.	trình diễn ra học phần	CLO4	
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá: nội dung bài làm đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.	Giữa kỳ	CLO2, CLO4, CLO5	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phạm thị Hải Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: hailypham.dhqn@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0978904186

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia học tập các buổi học và làm bài tập thực hành, thảo luận nhóm
Quy định về hành vi trong lớp học	Không nói chuyện riêng, ngủ gật trong giờ học;

	trang phục chỉnh tề, ...
Quy định về học vụ	Các trang thiết bị học tập đúng quy định: Giấy, bút,
Các quy định khác	

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thị Hải Lý

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Handwritten text in red ink, possibly a date or reference number.



Handwritten mark or signature in blue ink.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: ĐẠO ĐỨC NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI
Mã học phần: 1100239
Tên tiếng Anh: Ethics of social work

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Đạo đức nghề công tác xã hội
- Mã học phần: 1100238 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần cung cấp cho những kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề công tác xã hội. Vị trí của học phần là bắt buộc trong khối kiến thức ngành, thông qua đó giúp sinh viên nắm được những giá trị cốt lõi, các tiêu chuẩn của đạo đức nghề công tác xã hội và biết cách vận dụng các quy chuẩn đạo đức đó vào thực tiễn quá trình làm việc với các nhóm đối tượng đặc thù để đạt được sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội. Theo đó, nội dung học phần gồm có phần khái quát về đạo đức; một số vấn đề đạo đức trong điều kiện mới và công tác giáo dục đạo đức; đạo đức nghề công tác xã hội và thực hành đạo đức nghề CTXH với một số lĩnh vực.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề công tác xã hội; vận dụng quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong thực hành với các nhóm đối tượng đặc thù trong CTXH

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt để thực hiện có hiệu quả đạo đức nghề CTXH với các đối tượng đặc thù; Có kỹ năng đánh giá vấn đề đạo đức nghề công tác xã hội cụ thể và năng lực vận dụng đạo đức nghề công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về đạo đức nghề công tác xã hội; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phù hợp với đạo đức nghề CTXH; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân phù hợp với đạo đức nghề CTXH.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm, đối tượng, các phạm trù đạo đức; Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện mới và công tác giáo dục đạo đức	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được khái niệm, mục tiêu, các tiêu chuẩn đạo đức nghề công tác xã hội và vận dụng để phân tích đối với các lĩnh vực thực hành công tác xã hội với những đối tượng đặc thù.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá	PLO4	M

		chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt để thực hiện có hiệu quả đạo đức nghề CTXH với các đối tượng đặc thù.		
	CLO4	Có kỹ năng đánh giá vấn đề đạo đức nghề công tác xã hội cụ thể và năng lực vận dụng đạo đức nghề công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.	PLO6	M
Mức độ tự chủ				
CO3	COL5	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về đạo đức nghề công tác xã hội; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phù hợp với đạo đức nghề CTXH.	PLO8	M
	COL6	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân phù hợp với đạo đức nghề CTXH.	PLO9	L

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Đăng Sinh, Giáo trình đạo đức học, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2011
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, <i>Thông tư quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội</i> , Số: 01/2017/TT-BLĐTBXH, 2017 2. Trần Đình Tuấn, <i>Công tác xã hội lý thuyết và thực hành</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Thuyết giảng (Lecture):	Giáo viên trình bày nội dung và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo	CLO1, CLO2
-------------------------	---	------------

	viên truyền đạt.	
Câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn đề	<p>- Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay theo các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.</p> <p>- Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
Thảo luận; Học nhóm	<p>- Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp này người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.</p> <p>- Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác hay giáo viên.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
Tự học (Làm bài tập ở nhà)	Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu.	CLO2, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
Buổi 1,2,3 (6 tiết)	<p>Chương 1: Khái quát về đạo đức</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm đạo đức 2. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức 3. Các kiểu đạo đức trong lịch sử 4. Một số phạm trù của đạo đức <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quan niệm dân gian về đạo đức như thế 	CLO1, CLO3, COL6

	<p>nào?. Liệt kê những ví dụ cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kiểu đạo đức trong lịch sử trước đây so với thời điểm hiện tại như thế nào? 	
Buổi 4,5,6 (6 tiết)	<p>Chương 2: Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện mới và công tác giáo dục đạo đức</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện mới <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Vấn đề tác động của kinh tế thị trường đối với đạo đức 1.2. Khoa học - công nghệ trong điều kiện hiện đại hóa xã hội và tác động của nó tới đạo đức 1.3. Sự xuất hiện đạo đức học môi trường và những khuynh hướng cơ bản của nó 2. Giáo dục đạo đức <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm giáo dục đạo đức 2.2. Các hình thức giáo dục đạo đức cơ bản 2.3. Nội dung giáo dục đạo đức <p>Thảo luận (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý kiến cho rằng việc ngày nay giới trẻ có rất nhiều hành vi lệch chuẩn mực xã hội là do ảnh hưởng một phần từ khoa học và công nghệ?. Các bạn lập luận thế nào về điều đó? 	CLO1, CLO3, COL6
Buổi 7 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO3, CLO5
Buổi 8,9,10 (8 tiết)	<p>Chương 3: Đạo đức nghề công tác xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm nghề, nghề công tác xã hội <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm nghề 1.2. Nghề công tác xã hội 2. Đạo đức nghề CTXH <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm 2.2. Mục tiêu, giá trị 2.3. Các tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH <ol style="list-style-type: none"> 2.3.1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của công tác xã hội 2.3.2. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp 2.3.3. Tuân thủ kỷ luật nghề nghiệp <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Đạo đức nghề CTXH khác với nghề tham vấn tâm</p>	CLO2, CLO3, COL6

	<p>lý như thế nào?</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Bạn đang làm việc trong dịch vụ sức khỏe cho người nhập cư. Bạn phát hiện ra rằng thân chủ của mình là một người nhập cư bất hợp pháp. Ông ta nói ông đến từ Nepal như một du khách và làm việc bất hợp pháp qua 8 năm ở một trang web xây dựng và gửi tiền về cho gia đình.</p> <p>Bây giờ ông báo cáo với bạn ông cần điều trị một vấn đề liên quan với thận mà việc điều trị này không có được ở Nepal. Sở di trú đang tiếp cận bạn và hỏi bạn những gì bạn biết về tình trạng di trú của khách hàng. Bạn biết rằng nếu phát hiện ra ông ta là một người nhập cư bất hợp pháp thì họ sẽ trục xuất ông về lại Nepal. Tại Nepal bệnh tình của ông sẽ nặng hơn. Chính sách của cơ quan bạn là cung cấp tin tức cho bộ phận xuất nhập cảnh nếu bạn phát hiện ra một người nhập cư bất hợp pháp.</p> <p>Bạn nói gì với họ ?</p> <p>Những nguyên tắc nào bị xung đột ?</p>	
<p>Buổi 11,12 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Thực hành đạo đức nghề CTXH với một số đối tượng đặc thù</p> <p>1. Đạo đức nghề CTXH làm việc với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</p> <p>1.1. Khái niệm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</p> <p>1.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH khi làm việc TE có HCĐBKK</p> <p>2. Đạo đức nghề CTXH làm việc với người dân tộc thiểu số</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH khi làm việc với người dân tộc thiểu số</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Yếu tố niềm tin, tín ngưỡng của một số cộng đồng dân tộc thiểu số có ảnh hưởng như thế nào đến việc thực hiện các quy điều đạo đức trong công tác xã</p>	<p>CLO2, CLO3, COL6</p>

	hội?	
Buổi 13,14 (4 tiết)	<p>Chương 4: Thực hành đạo đức nghề CTXH với một số đối tượng đặc thù (Tiếp theo)</p> <p>3. Đạo đức nghề CTXH làm việc với người cao tuổi</p> <p>3.1. Khái niệm NCT</p> <p>3.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH khi làm việc với NCT</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Từ thực tiễn gia đình và những quan sát bên ngoài xã hội, các bạn thử phác thảo bức tranh việc thực hiện các chính sách công tác xã hội với người cao tuổi ở Việt Nam trong thời gian qua?</p> <p>4. Đạo đức nghề CTXH làm việc với đối tượng mại dâm, HIV/AIDS</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH khi làm việc với đối tượng mại dâm, HIV/AIDS</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Bạn là nhân viên công tác xã hội làm việc trong một phòng khám sức khỏe tình dục. Bạn gặp một người phụ nữ 35 tuổi bị nhiễm HIV/AIDS. Cô ấy nói cô ta có một người bạn trai mới và anh ấy không biết cô ta bị nhiễm HIV/AIDS. Cô ta nói họ không dùng các biện pháp tránh thai khi họ quan hệ tình dục. Cô ta không muốn bạn trai biết về bệnh của mình vì nghĩ rằng anh ấy sẽ bỏ rơi cô ta.</p> <p>Những gì bạn sẽ làm ?</p> <p>Những nguyên tắc nào bị xung đột ?</p>	CLO2, CLO3, COL6
Buổi 15,16,17 (5 tiết)	<p>Chương 4: Thực hành đạo đức nghề CTXH với một số đối tượng đặc thù (Tiếp theo)</p> <p>5. Đạo đức nghề CTXH làm việc với người nghèo</p> <p>5.1. Khái niệm người nghèo</p> <p>5.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề</p>	CLO2, CLO3, COL6

CTXH khi làm việc với người nghèo

Bài tập (1 tiết)

Bạn đang làm việc trong dịch vụ sức khỏe cho người nhập cư. Bạn phát hiện ra rằng thân chủ của mình là một người nhập cư bất hợp pháp. Ông ta nói ông đến từ Nepal như một du khách và làm việc bất hợp pháp qua 8 năm ở một trang web xây dựng và gửi tiền về cho gia đình.

Bây giờ ông báo cáo với bạn ông cần điều trị một vấn đề liên quan với thận mà việc điều trị này không có được ở Nepal. Sở di trú đang tiếp cận bạn và hỏi bạn những gì bạn biết về tình trạng di trú của khách hàng. Bạn biết rằng nếu phát hiện ra ông ta là một người nhập cư bất hợp pháp thì họ sẽ trục xuất ông về lại Nepal. Tại Nepal bệnh tình của ông sẽ nặng hơn. Chính sách của cơ quan bạn là cung cấp tin tức cho bộ phận xuất nhập cảnh nếu bạn phát hiện ra một người nhập cư bất hợp pháp.

Bạn nói gì với họ ?

Những nguyên tắc nào bị xung đột ?

6. Đạo đức nghề CTXH làm việc với người khuyết tật

6.1. Khái niệm người KT

6.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH khi làm việc với người KT

Thảo luận (1 tiết)

Bạn là người giám sát/hướng dẫn của một ngôi nhà cho người khuyết tật trí tuệ. Có 4 người sống với nhau trong căn nhà này. Ann 26 tuổi là người có khuyết tật nhẹ, cô ta có thể làm hầu hết những công việc để chăm sóc cho chính mình. Tuy nhiên cô ta cần giúp đỡ trong việc lập kế hoạch và tổ chức các nhiệm vụ.

Những nhân viên giúp đỡ và sống với nhau hằng ngày trong ngôi nhà. Thân chủ nói với bạn rằng cô ấy có quan hệ tình dục với một trong số các nhân viên ở đây. Cô ta nói rằng cô yêu anh ấy và anh ấy

	<p>cũng yêu cô ta.</p> <p>Những gì bạn sẽ làm ?</p> <p>Cùng một thân chủ nói với bạn rằng cô ta có quan hệ tình dục với một thân chủ khác người có cùng mức độ tàn tật.</p> <p>Bạn phải làm gì ?</p> <p>7. Đạo đức nghề CTXH trong kiểm huấn sinh viên thực tập</p> <p>7.1. Khái niệm</p> <p>7.2. Một số quy định, tiêu chuẩn đạo đức nghề CTXH trong kiểm huấn sinh viên thực tập</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Bạn đang được giao nhiệm vụ hướng dẫn một nhóm sinh viên cuối khóa thực tập nghề công tác xã hội ở một cơ sở xã hội. trong bản hợp đồng có ghi rõ cụ thể về địa điểm kiểm huấn, thời gian và mục đích. Có một SV không thực hiện đúng yêu cầu, thường xuyên vắng các buổi kiểm huấn. Cô SV ấy là cháu của một người bạn của bạn. Vì vậy, trong cuối khóa thực tập bạn vẫn cho sinh viên đó loại tốt. Điều này đã vi phạm quy chuẩn đạo đức nào trong bộ tiêu chuẩn nghề CTXH</p>	
--	---	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<p>Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp</p> <p>Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần</p>	Trong toàn bộ thời gian học môn học	CLO1 CLO2 CLO5	10%
2	Quá trình	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (bài viết thực hiện trên giấy A4);	Trong nội dung kiến thức của		20%

		- Bài thảo luận theo nhóm (số nhóm theo tỷ lệ lớp sẽ được GV lựa chọn phù hợp)	chương trình giảng dạy học phần		
	Thảo luận	- Các nhóm lựa chọn 01 chủ đề được GV cho trước. - Tiêu chí đánh giá: dựa trên 04 tiêu chí cụ thể là: Tổ chức nhóm; Tham gia làm việc nhóm; Thảo luận; Phối hợp nhóm - Mức điểm đạt cụ thể chia làm 04 mức cụ thể theo tín chỉ là: A, B, C, D, F	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	CLO1, CLO3, CLO5	
3	Cuối kỳ	Hình thức: Thi viết Tiêu chí đánh giá: dựa trên mẫu đáp án của Nhà trường, GV chấm dựa trên các đáp án được chuẩn bị sẵn	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: nguyenvannga@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977199812

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com

Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị. Có tinh thần, thái độ chuyên nghiệp
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	Sinh viên nghiên cứu các tài liệu ở Thư viện Trường và tham khảo từ các nguồn có trên Internet.

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Văn Nga

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

12. 11. 1952



Handwritten text



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHXH VÀ NV

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

Mã học phần: 1100008

Tên tiếng Anh: Social work with the older people

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Công tác xã hội với người cao tuổi
- Mã học phần: 1100008 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Công tác xã hội với người cao tuổi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo công tác xã hội. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản để hướng dẫn người học thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi, bao gồm đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, kết nối mạng lưới, và vận động và thực hiện các chính sách, chương trình cho người cao tuổi.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được:

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về công tác xã hội với thanh niên để có thể hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên sâu

- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với thanh niên; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội với thanh niên để giải quyết vấn đề của một thân chủ.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội với thanh niên để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình khác nhau cho thanh niên.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với thanh niên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu COs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm, mục đích, vai trò của công tác xã hội với thanh niên. Phân tích được các vấn đề lý luận của công tác xã hội với thanh niên	PLO3	M
	CLO2	Vận dụng được tiến trình quản lý ca với thanh niên vào giải quyết vấn đề một thân chủ cụ thể		M
	CLO3	Thực hiện các kỹ năng của công tác xã hội với thanh niên và vận dụng phân tích tình huống với thân chủ cụ thể		M
Kỹ năng				

CO2	CLO4	Chỉ ra một vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong công tác xã hội với thanh niên và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy.	PLO6	M
CO3	CLO5	Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với thanh niên để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho thanh niên.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Có năng lực tổ chức, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với thanh niên	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Thị Kim Thanh, <i>Nhập môn công tác xã hội</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2011
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. <i>Luật Thanh niên và các văn bản hướng dẫn thi hành</i> , NXB Lao động – Xã hội, 2012 [2]. Nguyễn Thị Oanh, <i>Tiềm năng tuổi trẻ trách nhiệm xã hội</i> , NXB Thanh niên, 2011 [3]. Quốc hội, <i>Luật thanh niên</i> , 2020
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
--	----------	---------------------

Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công tác xã hội với thanh niên và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội với thanh niên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của một thân chủ và thực hiện tiến trình công tác xã hội với thanh niên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
1-3 (9 buổi)	<p>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI THANH NIÊN</p> <p>1.1. Khái niệm công tác xã hội với thanh niên</p> <p>1.2. Sự cần thiết và nhu cầu của công tác xã hội với thanh niên tại Việt Nam</p> <p>1.3. Mục đích của công tác xã hội với thanh niên</p> <p>1.4. Vai trò của nhân viên xã hội đối với thanh niên</p> <p>1.5. Nguyên tắc hoạt động của công tác xã hội với thanh niên</p> <p>1.6. Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của thanh niên</p> <p>1.6.1. Đặc điểm tâm lý của lứa tuổi thanh niên</p> <p>1.6.2. Đặc điểm nhu cầu của thanh niên</p> <p>1.7. Những vấn đề thanh niên đang phải đối mặt hiện nay</p> <p>Thảo luận(2 tiết)</p> <p>1. Sự cần thiết và nhu cầu của công tác xã hội với thanh niên</p> <p>2. Những khó khăn thanh niên hiện nay</p>	CLO1, CLO4
4-7 (12 tiết)	<p>Chương 2: LÝ THUYẾT ÁP DỤNG VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI THANH NIÊN</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>2.1. Một số lý thuyết cơ bản trong công tác xã hội với thanh niên</p> <p>2.1.1. Lý thuyết nhu cầu</p> <p>2.1.2. Thuyết vai trò</p> <p>2.2. Quản lý ca trong công tác xã hội với thanh niên</p> <p>2.3. Một số kỹ năng của nhân viên công tác xã hội trong công tác xã hội với thanh niên.</p> <p>2.3.1. Kỹ năng tham vấn</p> <p>2.3.2. Kỹ năng can thiệp khủng hoảng</p> <p>2.3.3. Kỹ năng thúc đẩy sự tham gia</p> <p>2.3.4. Kỹ năng hòa giải</p> <p>2.3.5. Kỹ năng kết nối nguồn lực</p> <p>Bài tập(5 tiết)</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm và thực hiện bài tập: đóng vai nhân viên xã hội sử dụng các tiến trình, kỹ năng phù hợp thân chủ có vấn đề theo tình huống giả định.</p>		
8-10 (9 tiết)	<p>Chương 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN THANH NIÊN THƯỜNG GẶP TRONG CUỘC SỐNG</p> <p>3.1. Vấn đề việc làm</p> <p>3.2. Vấn đề tình yêu, hôn nhân gia đình</p> <p>3.3. Vấn đề nghiện chất kích thích</p> <p>3.4. Vấn đề bạo lực</p> <p>3.5. Vấn đề vi phạm pháp luật</p> <p>3.6. Vấn đề u uất, trầm cảm</p> <p>Thảo luận(7 tiết)</p> <p>1. Vấn đề việc làm ở thanh niên</p> <p>2. Vấn đề tình yêu, hôn nhân gia đình của thanh niên</p> <p>3. Vấn đề nghiện hút chất kích thích ở thanh niên</p> <p>4. Vấn đề bạo lực ở thanh niên</p> <p>5. Vấn đề vi phạm pháp luật ở thanh niên</p> <p>6. Vấn đề u uất, trầm cảm</p>	CLO2, CLO4, CLO6	CLO3, CLO5,
11-12 (5 tiết)	<p>Chương 4: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI CHO THANH NIÊN</p> <p>4.1. Pháp luật về thanh niên</p> <p>4.2. Dịch vụ xã hội và các mô hình hỗ trợ cho thanh niên</p>	CLO2, CLO5, CLO6	CLO3,

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. 	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
2	<i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra. - Các bài tập thực hành theo quy định của GV phụ trách. Tiêu chí đánh giá bài tập do GV nêu cụ thể 	Từ buổi 7-8	CLO2, CLO3, CLO4	20%
3	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenvannga@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977199812

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS Võ Thị Diệu Quế

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phan Thị Kim Dung

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



Handwritten text in red ink, possibly a date or reference number.

Handwritten text, possibly a name or title.

Handwritten text, possibly a name or title.

Handwritten text, possibly a name or title.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: DỊCH VỤ XÃ HỘI
Mã học phần: 1100233
Tên tiếng Anh: Social Service

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Dịch vụ xã hội
- Mã học phần: 1100233 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Bài tập: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Dịch vụ xã hội là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết như: các khái niệm, mục đích, vai trò của dịch vụ xã hội; khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội; chính sách và việc cung cấp tài chính cho dịch vụ xã hội; chất lượng và quản lý các dịch vụ xã hội; định hướng chính sách về dịch vụ xã hội... Thông qua học phần này, sinh viên vừa được nâng cao kiến thức chuyên môn, hình thành các kỹ năng chuyên môn vừa có thể ứng dụng các kiến thức và kỹ năng để thực hành công tác xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về dịch vụ xã hội để có thể hỗ trợ cung cấp các dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế.

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.

+ CO3: Có kỹ năng phát hiện một dịch vụ xã hội cụ thể dành cho nhóm yếu thế; có năng lực cung cấp các dịch vụ xã hội để hỗ trợ cho các nhóm đối tượng yếu thế.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực trong các hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Trình bày được khái niệm; đặc trưng, bản chất và chức năng của dịch vụ xã hội. - Phân loại được các dịch vụ xã hội	PLO3	L
	CLO2	Giải thích được vai trò và cách thức tác động của nhà nước trong cung ứng các dịch vụ xã hội		L
	CLO3	Giải thích được xã hội hóa dịch vụ xã hội và các định hướng chính sách phát triển dịch vụ xã hội.		L
Kỹ năng				
CO2	CLO4	- Biết tổ chức, thực hiện các tình huống giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; biết chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học. - Biết truyền đạt một vấn đề rõ ràng, dễ hiểu; có thể phân biện, tranh luận những quan điểm, ý kiến để làm rõ vấn đề. - Biết làm việc với các nhóm khác nhau; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm; biết	PLO4	L

		hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.		
CO3	CLO5	- Có kỹ năng phát hiện và phân tích một dịch vụ xã hội cụ thể dành cho nhóm yếu thế - Tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ các đối tượng yếu thế tiếp cận các dịch vụ xã hội.	PLO6 PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực trong các hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế.	PLO10	L

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	UNDP, <i>Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người - Báo cáo Quốc gia về Phát triển con người năm 2011</i> , HN, 2011.
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Bùi Thị Chóm, <i>Ưu đãi xã hội</i> , NXB Lao động – Xã hội, 2008 [2]. Trần Xuân Kỳ, <i>Trợ giúp xã hội</i> , NXB Lao động – Xã hội, 2007
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng đánh giá vấn đề từ phương diện dịch vụ xã hội, năng lực cung cấp các dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế, năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực dịch vụ xã hội với các đối tượng yếu thế trong thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR của HP
1-3 (8 tiết)	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG VÀ BẢN CHẤT CỦA DỊCH VỤ XÃ HỘI</p> <p>1.1. Khái niệm “dịch vụ” và “dịch vụ xã hội”</p> <p>1.2. Mối quan hệ giữa dịch vụ xã hội và dịch vụ công ích và dịch vụ kinh tế</p> <p> 1.2.1. Dịch vụ xã hội với dịch vụ công</p> <p> 1.2.2. Dịch vụ xã hội với dịch vụ kinh tế</p> <p>1.3. Đặc trưng của dịch vụ xã hội</p> <p>1.4. Bản chất kinh tế - xã hội của dịch vụ xã hội</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Phân biệt dịch vụ, dịch vụ xã hội, dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ xã hội cho nhóm yếu thế</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
4-5 (6 tiết)	<p>CHƯƠNG 2. PHÂN LOẠI VÀ CHỨC NĂNG CỦA DỊCH VỤ XÃ HỘI</p> <p>2.1. Phân loại dịch vụ xã hội</p> <p> 2.1.1. Phân loại theo tính chất của dịch vụ xã hội</p> <p> 2.1.2. Phân loại theo chủ thể cung ứng dịch vụ xã hội</p> <p> 2.1.3. Phân loại theo cơ chế quản lý tài chính</p> <p> 2.1.4. Phân loại theo các dịch vụ xã hội cụ thể</p> <p>2.2. Chức năng, vai trò và tiêu chí đo kiểm sự phát triển của dịch vụ xã hội</p> <p> 2.2.1. Chức năng của dịch vụ xã hội</p> <p> 2.2.2. Vai trò của dịch vụ xã hội</p> <p> 2.2.3. Tiêu chí cơ bản đo kiểm mức độ phát triển của dịch vụ xã hội</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>1. Vai trò của dịch vụ xã hội đối với các nhóm yếu thế trong xã hội.</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6

	2. Các loại hình dịch vụ xã hội dành cho nhóm yếu thế trong xã hội	
6-8 (9 tiết)	<p>CHƯƠNG 3: VAI TRÒ VÀ CÁCH THỨC TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG CUNG ỨNG CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI</p> <p>3.1. Vai trò của Nhà nước trong đảm bảo các dịch vụ xã hội thuần công</p> <p>3.2. Các mô hình và cách thức can thiệp của Nhà nước đối với hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội</p> <p>3.2.1. Các mô hình của Nhà nước đối với hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội</p> <p>3.2.2. Các cách thức can thiệp của Nhà nước đối với việc tổ chức và cung ứng các dịch vụ xã hội</p> <p>3.3. Nguồn tài chính đảm bảo cho cung ứng các dịch vụ xã hội</p> <p>3.4. Tác động từ sự can thiệp quá mức của Nhà nước vào cung ứng các dịch vụ xã hội</p> <p>3.5. Sự tham gia của thị trường và xã hội trong cung ứng dịch vụ xã hội – xu hướng, vai trò và giới hạn</p> <p>3.5.1. Sự chuyển giao của tư nhân cung ứng một số dịch vụ xã hội không thuần công và dịch vụ xã hội cá nhân</p> <p>3.5.2. Chủ thể của xã hội dân sự với hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội ở Việt Nam</p> <p>Thảo luận (3 tiết)</p> <p>1. Các mô hình của Nhà nước đối với hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội cho nhóm yếu thế</p> <p>2. Tác động từ sự can thiệp quá mức của Nhà nước vào cung ứng các dịch vụ xã hội cho nhóm yếu thế</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Giải thích một mô hình của nhà nước đối với hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội cho người khuyết tật.</p> <p>Kiểm tra (2 tiết)</p>	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
9-12 (12 tiết)	<p>CHƯƠNG 4. XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ XÃ HỘI VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA</p> <p>4.1. Xã hội hóa dịch vụ xã hội ở nước ta</p> <p>4.1.1. Khái niệm “xã hội hóa” và “xã hội hóa dịch vụ xã</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>hội”</p> <p>4.1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xã hội hóa dịch vụ xã hội</p> <p>4.1.3. Nội dung, bản chất của xã hội hóa dịch vụ xã hội</p> <p>4.1.4. Xu hướng xã hội hóa dịch vụ xã hội ở nước ta hiện nay</p> <p>4.2. Định hướng chính sách phát triển dịch vụ xã hội ở nước ta</p> <p>4.2.1. Coi trọng con người hơn mục tiêu phát triển kinh tế</p> <p>4.2.2. Cách dịch vụ xã hội có vai trò quan trọng trong việc khắc chế bất bình đẳng đang ngày càng gia tăng</p> <p>4.2.3. Cách tiếp cận mới về an sinh xã hội</p> <p>4.2.4. Một hệ thống lợi ích nhất quán hơn nhằm hỗ trợ tiếp cận toàn dân</p> <p>4.2.5. Đánh giá lại chính sách xã hội hóa</p> <p>4.2.6. Gánh nặng tài chính được chia sẻ công bằng hơn</p> <p>4.2.7. Giải quyết tình trạng hai cấp trong việc cung cấp dịch vụ</p> <p>4.2.8. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ</p> <p>4.2.9. Quản lý khu vực công và tư nhân hiệu quả hơn</p> <p>Thảo luận (3 tiết)</p> <p>1. Xã hội hóa các dịch vụ xã hội dành cho các đối tượng yếu thế hiện nay</p> <p>2. Các chính sách phát triển dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế hiện nay</p> <p>Bài tập (3 tiết)</p> <p>Lập kế hoạch huy động nguồn lực nhằm cung cấp các dịch vụ xã hội cho người nghèo, hộ nghèo</p>	
--	---	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên</i>	- Thực hiện nghiêm túc nội quy	Toàn bộ	CLO1,	10%

	cần	<p>lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. 	<p>thời gian diễn ra môn học</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5</p>	
		Tham gia học từ 80% số tiết trở lên			
2	Quá trình				20%
	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định 	<p>Giữa kỳ (Buổi 6-8)</p>	<p>CLO1, CLO4, CLO5, CLO6</p>	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	<p>CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com

Điện thoại liên hệ: 0989678133

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Email: dinhanhtuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914046673

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CA TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI****Mã học phần: 1100231****Tên tiếng Anh: Managing shifts in social work****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Quản lý ca trong công tác xã hội
- Mã học phần: 1100231 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Quản lý ca trong công tác xã hội là một trong những phương pháp phổ biến hiện nay của công tác xã hội. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội. Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý ca trong công tác xã hội, qua đó hình thành những kỹ năng về nhận diện vấn đề, lập kế hoạch trị liệu và quản lý ca đối với các thân chủ, biết kết nối các nguồn tài nguyên nhằm hỗ trợ thân chủ giải quyết vấn đề vướng mắc trong cuộc sống.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý ca trong công tác xã hội.
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc quản lý ca đối với các thân chủ.

- Kỹ năng:
- + CO3: Biết phát hiện, phân tích một vấn đề cụ thể của thân chủ và biết vận dụng tiến trình quản lý ca trong công tác xã hội.
- + CO4: Có năng lực vận dụng kiến thức quản lý ca trong công tác xã hội vào hoạt động công tác xã hội.
- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:
- + CO5: Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản lý ca và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- + CO6: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động quản lý ca trong công tác xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích được các vấn đề lý luận về quản lý ca như khái niệm, mục đích, đặc điểm của quản lý ca; nguyên tắc quản lý ca; vai trò, nhiệm vụ của người quản lý ca.... từ đó phân biệt được sự khác nhau giữa quản lý ca và công tác xã hội cá nhân	PLO3	M
CO2	CLO2	Triển khai được các kỹ năng cơ bản trong quản lý ca và tổ chức được quy trình quản lý ca trong công tác xã hội và tiến trình quản lý ca đối với trẻ em.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng lưu loát kỹ năng phát hiện và phân tích các vấn đề của đối tượng yếu thế, nhận diện đa chiều các đối tượng yếu thế.	PLO4	M

CO4	CLO4	Hình thành năng lực vận dụng kiến thức quản lý ca vào hoạt động công tác xã hội.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản lý ca và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M
CO6	CLO6	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động quản lý ca trong công tác xã hội.	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Cục bảo trợ xã hội, <i>Quản lý trường hợp</i> , tài liệu được biên soạn theo đề án 32 về phát triển nghề công tác xã hội, 2016
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Phạm Thị Hải Lý, <i>tập bài giảng quản lý ca trong công tác xã hội</i> , ĐH Quy Nhơn, 2016 2. Lê Thị Mỹ Hiền, <i>tài liệu thực hành quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy</i> , trường ĐH Lao động – Xã hội, 2014 3. Nguyễn Thị Thanh Hương, <i>giáo trình quản lý trường hợp trong chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần</i> , NXB lao động – xã hội, 2013
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện và phân tích vấn đề đồng thời hình thành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	năng lực vận dụng kiến thức môn học vào hoạt động nghề nghiệp.	
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập áp dụng tiến trình quản lý ca.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, làm việc nhóm, phản biện và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1-3 (6 tiết)	<p align="center">Chương I: Khái quát chung về quản lý ca</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm quản lý ca 2. Mục đích của quản lý ca 3. Đặc điểm của quản lý ca 4. Các khái niệm có liên quan <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Công tác xã hội cá nhân 4.2. Hệ thống bảo vệ trẻ em với các loại dịch vụ xã hội cho trẻ em 5. Triết lý, nguyên tắc trong quản lý ca <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Triết lý của quản lý ca 5.2. Nguyên tắc quản lý ca 6. Vai trò nhiệm vụ của nhân viên xã hội với tư cách là người quản lý ca <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Người xây dựng kế hoạch 6.2. Người cầu nối 6.3. Người biện hộ 6.4. Người tham vấn 6.5. Người giáo dục <p align="center">Thảo luận (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc của công tác xã hội? - Vai trò của nhân viên CTXH? 	CLO1, CLO5

<p>Buổi 4-9 (12 tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Chương II: QUY TRÌNH QUẢN LÝ CA TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận thông tin và đánh giá sơ bộ <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Tiếp nhận ca 1.2. Đánh giá sơ bộ 1.3. Hỗ trợ dịch vụ <ul style="list-style-type: none"> • Lập hồ sơ 2. Thu thập thông tin và đánh giá toàn diện <ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin • Nội dung cần thu thập • Phương pháp thu thập thông tin • Công cụ • Đánh giá toàn diện • Đánh giá mức độ nguy cơ, xác định vấn đề 3. Xây dựng kế hoạch <ul style="list-style-type: none"> • Mục đích • Xây dựng lập kế hoạch • Một số công cụ: Biểu đồ Venn, Biểu đồ Gantt 4. Thực hiện kế hoạch <ul style="list-style-type: none"> • Các bước thực hiện • Kết nối, vận động • Cung cấp dịch vụ • Giám sát 5. Lượng giá và kết thúc <ul style="list-style-type: none"> • Lượng giá • Kết thúc <p>Bài tập (4 tiết)</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm và thực hiện bài tập sau: Anh M sinh 1990, là con đầu trong gia đình có 2 anh em. M sống cùng bố mẹ và em trai trong căn nhà cấp 4 cũ ở TP. HCM. Bố M làm nghề xe ôm, mẹ H bán hàng rong. Sau khi tốt nghiệp cấp 3, M học nghề cắt tóc và mở 1 tiệm nhỏ gần nhà. 5 năm trước H đã bị nghiện ma túy khi quen bị bạn bè rủ rê. Em đã cai nghiện tại nhà 2 lần nhưng không thành công. Thời gian gần đây, mẹ em bị ốm nặng, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Thu nhập của bố và em trai không đủ cho mẹ chữa bệnh. Thương mẹ, M quyết tâm cai nghiện. Vì vậy M đã đến trung tâm CTXH gặp nhân viên XH để nhờ hỗ trợ. M đã được NVXH hỗ trợ cai nghiện. Anh (chị) hãy đóng vai NVXH vận dụng các bước trong</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>
---	---	---

Buổi 10-12 (7 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương III: MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG QUẢN LÝ CA</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ năng đánh giá <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Mục đích 1.2. Các loại đánh giá 2. Kỹ năng biện hộ <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm biện hộ 2.2. Các nguyên tắc biện hộ 2.3. Các hình thức biện hộ 2.4. Quy trình biện hộ 3. Kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực trong quản lý ca <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Liên kết 3.2. Điều phối nguồn lực 4. Kỹ năng thu hút sự tham gia <ol style="list-style-type: none"> 4.1 Mục đích 4.2 Các đối tượng cần thu hút sự tham gia 5. Kỹ năng lưu trữ thông tin, hồ sơ của thân chủ <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Mục đích 5.2. Ý nghĩa 5.3. Một số nguyên tắc trong lưu trữ hồ sơ thân chủ <p style="text-align: center;">Thảo luận (4 tiết)</p> <p>Phân tích các kỹ năng trong quản lý ca? Kỹ năng nào là quan trọng nhất? vì sao?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>
----------------------------	--	-------------------------------------

Buổi 13-15 (10 tiết)	<p>Chương IV: TIẾN TRÌNH QUẢN LÝ CA ĐỐI VỚI TRẺ EM</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận ca 2. Đánh giá 3. Lập kế hoạch can thiệp <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Các yêu cầu lập kế hoạch can thiệp 3.2. Tham gia trong lập kế hoạch can thiệp 3.3. Các bước lập kế hoạch can thiệp 4. Thực hiện kế hoạch can thiệp <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Sự tham gia thực hiện kế hoạch can thiệp 4.2. Nguyên tắc triển khai kế hoạch can thiệp 4.3. Các bước thực hiện kế hoạch can thiệp 5. Giám sát và lượng giá <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Giám sát và đánh giá tiến trình quản lý ca 5.2. Giám sát (Monitoring) 5.3. Lượng giá (Evaluation) 5.4. Mối quan hệ giữa giám sát và lượng giá 5.5. Xây dựng chỉ báo (indicator) trong giám sát và lượng giá 6. Kết thúc ca <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Kết thúc sự trợ giúp đối với trẻ 6.2. Không kết thúc sự trợ giúp đối với trẻ <p>- Thảo luận (4 tiết) Tình huống: Em A 10 tuổi, sau khi cãi nhau với mẹ kể đã bỏ nhà đi. Trước đó em thường xuyên bị mẹ kể đánh vì không nghe lời, kết quả học kém hoặc vì chướng mắt... ba em thì thường xuyên làm việc xa nhà, ít quan tâm đến em. Hãy vận dụng tiến trình quản lý ca để hỗ trợ em?</p> <p>- Bài tập (1 tiết) Phân tích nhu cầu của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
-----------------------------	--	------------------------------

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
-----	--------------------	-------------------	-----------	------------	----------

1	Chuyên cần	- Tích cực chuẩn bị bài, phát biểu xây dựng bài, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. - Thời gian tham dự 80% buổi học trở lên.	Toàn bộ thời gian diễn ra học phần	CLO1, CLO2, CLO3	10%
2	Quá trình	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra. - Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của GV phụ trách. Tiêu chí đánh giá báo cáo hoặc bài tập lớn do GV nêu cụ thể	Giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5	30%
	Thảo luận	Sinh viên làm 1 bài báo cáo nhóm. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.	Trong quá trình diễn ra học phần	CLO1, CLO4, CLO5	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá: nội dung bài làm đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.	Giữa kỳ	CLO2, CLO4, CLO5	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phạm Thị Hải Lý

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: hailypham.dhqn@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0978904186

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ

- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com

Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Thị Hải Lý

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Handwritten text in red ink, possibly a date or reference number.



- Kỹ năng:

+ CO2: Có kỹ năng phát hiện, đánh giá vấn đề từ phương diện bảo hiểm xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn bảo hiểm xã hội, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm, mục đích, ý nghĩa, vai trò, các vấn đề lý luận chung của bảo hiểm xã hội	PLO3	L
	CLO2	Nhận biết các chế độ bảo hiểm xã hội và xác định đúng chế độ trong tình huống với một thân chủ cụ thể		L
Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng đánh giá vấn đề, biện hộ và bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.	PLO6	M
CO3	CLO4	Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để tham gia xây dựng chính sách an sinh xã hội.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO5	Biết tự định hướng, đưa ra	PLO9	L

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1-3 (9 tiết)	<p>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI</p> <p>1.1. Khái niệm, bản chất và phân loại bảo hiểm xã hội</p> <p>1.2. Vai trò, chức năng của bảo hiểm xã hội</p> <p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm xã hội</p> <p>1.4. Phân biệt bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại</p> <p>1.5. Các bên tham gia bảo hiểm xã hội</p> <p>1.6. Tài chính của bảo hiểm xã hội</p> <p>1.7. Quản trị bảo hiểm xã hội</p> <p>1.8. Lịch sử hình thành và phát triển bảo hiểm xã hội trên thế giới và Việt Nam</p> <p>1.8.1. Lịch sử hình thành bảo hiểm xã hội trên thế giới</p> <p>1.8.2. Lịch sử hình thành bảo hiểm xã hội ở Việt Nam</p> <p>Thảo luận(3 tiết)</p> <p>1. Vai trò của bảo hiểm xã hội</p> <p>2. Các nguyên tắc của bảo hiểm xã hội</p>	CLO1, CLO5
4-6 (9 tiết)	<p>Chương 2: CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI</p> <p>2.1. Chính sách bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội</p> <p>2.2. Quan điểm xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội</p> <p>2.3. Các chế độ bảo hiểm xã hội theo Luật Bảo hiểm xã hội(2015)</p> <p>2.3.1. Đối tượng của bảo hiểm xã hội</p> <p>2.3.2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên tham gia bảo hiểm</p> <p>2.3.3. Quyền lợi bảo hiểm xã hội theo Luật Bảo hiểm xã hội</p> <p>2.3.4. Quỹ bảo hiểm xã hội</p> <p>Bài tập (5 tiết)</p> <p>Tính chế độ bảo hiểm xã hội cho một số trường hợp cụ thể</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
7-9 (9 tiết)	<p>Chương 3: BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP</p> <p>3.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa của bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>3.2. Đối tượng của bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>3.3. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên tham gia bảo hiểm</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

		kết luận chuyên môn bảo hiểm xã hội và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.		
--	--	--	--	--

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	Nguyễn Tiệp, <i>Giáo trình Bảo hiểm xã hội</i> , NXB Lao động - Xã hội, 2011
Tài liệu tham khảo thêm	[1]. Nguyễn Đăng Tuệ, Nguyễn Thị Vũ Khuyên, <i>Giáo trình Bảo Hiểm</i> NXB Bách khoa Hà Nội, 2019 [2]. <i>Luật bảo hiểm xã hội</i> , NXB Chính trị quốc gia, 2014 [3]. <i>Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi 2015-2018</i> , NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2018
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện bảo hiểm xã hội và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của bảo hiểm xã hội vào thực tiễn hoạt động an sinh xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của một thân chủ và thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với thân chủ đó.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	<p>3.4. Quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>3.5. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>Thảo luận(3 tiết)</p> <p>Những điểm tích cực và hạn chế của việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp hiện nay</p>	
10-12 (8 tiết)	<p>Chương 4: BẢO HIỂM Y TẾ</p> <p>4.1. Khái niệm bảo hiểm y tế</p> <p>4.2. Ý nghĩa, vai trò của bảo hiểm y tế</p> <p>4.3. Đặc trưng cơ bản của bảo hiểm y tế</p> <p>4.4. Nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm y tế</p> <p>4.5. Các loại hình bảo hiểm y tế</p> <p>4.6. Đối tượng của bảo hiểm y tế</p> <p>4.7. Trách nhiệm và quyền hạn các bên tham gia bảo hiểm y tế</p> <p>4.8. Quyền lợi bảo hiểm y tế</p> <p>4.9. Quỹ bảo hiểm y tế</p> <p>Thảo luận(3 tiết)</p> <p>Những điểm tích cực và hạn chế trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia 	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%

		đầy đủ các buổi thảo luận.			
		Tham gia học từ 80% số tiết trở lên			
2	Kiểm tra giữa kỳ	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra. - Các bài tập thực hành theo quy định của GV phụ trách. Tiêu chí đánh giá bài tập do GV nêu cụ thể	Từ buổi 7-9	CLO1, CLO2, CLO3	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Diệu Quế
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothidieuque@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914749088

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung

	bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thị Diệu Quế

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phan Thị Kim Dung

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Mã học phần: 1100239

Tên tiếng Anh: Social works with ethnic minorities

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Công tác xã hội với người dân tộc thiểu số
- Mã học phần: 1100239 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Công tác xã hội với người dân tộc thiểu số trang bị những kiến thức về dân tộc, dân tộc thiểu số, vai trò của công tác xã hội trong làm việc với người dân tộc thiểu số. Đây là học phần thuộc phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng xác định được những vấn đề người dân tộc thiểu số đang gặp phải; phát hiện nguyên nhân; phác thảo những giải pháp, đề xuất các chính sách trợ giúp người dân tộc thiểu số giải quyết vấn đề. Đây là học phần có mối quan hệ với các học phần nhập môn CTXH, chính sách xã hội, tổ chức và phát triển cộng đồng.

3. Mục tiêu đào tạo cụ thể của học phần (COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Có những kiến thức cơ bản về dân tộc, dân tộc thiểu số, công tác xã hội với các vấn đề dân tộc thiểu số đang gặp phải; Áp dụng các kiến thức cơ bản về công tác xã

hội, phương pháp công tác xã hội để trợ giúp người dân tộc thiểu số giải quyết các vấn đề khó khăn, cải thiện cuộc sống.

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, trong quá trình làm việc với người dân tộc thiểu số; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội trong lĩnh vực hỗ trợ người dân tộc thiểu số; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề mà người dân tộc thiểu số gặp phải.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực công tác xã hội với người dân tộc thiểu số, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong làm việc với người dân tộc thiểu số

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Chỉ ra được khái niệm, đặc trưng về dân tộc và dân tộc thiểu số; CTXH với người dân tộc thiểu số; các vấn đề khó khăn mà người dân tộc thiểu số đang gặp phải và vai trò của CTXH trong trợ giúp các dân tộc thiểu số	PLO3	M
	CLO2	Phân tích được thực trạng các vấn đề nghèo đói; văn hóa, phong tục tập quán; vấn đề y tế, chăm sóc sức khỏe, ô nhiễm môi trường; các vấn đề liên quan đến trình độ dân trí, giáo dục và đào tạo, để từ đó nhận dạng các vai trò của công tác xã hội trong trợ giúp người dân tộc thiểu số giải quyết vấn đề của họ.	PLO3	M

Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, trong quá trình làm việc với người dân tộc thiểu số	PLO4	M
	CLO4	Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội trong với người dân tộc thiểu số; vận dụng được các phương pháp công tác xã hội để hỗ trợ người dân tộc thiểu số giải quyết vấn đề của họ.	PLO6	M
Mức độ tự chủ				
CO3	CLO5	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực công tác xã hội với người dân tộc thiểu số, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M
	CLO6	Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong làm việc với người dân tộc thiểu số	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Cục Bảo trợ xã hội, Công tác xã hội với các dân tộc thiểu số (tài liệu hướng dẫn thực hành dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở), 2017
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bùi Xuân Đỉnh (2012), Các tộc người ở Việt Nam (Giáo trình). Nhà xuất bản Thời đại, Hà Nội. 2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Giáo viên trình bày nội dung và giải thích các nội	CLO1,

(Lecture):	dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.	CLO2
Câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn đề	<p>- Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay theo các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.</p> <p>- Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.</p>	CLO1, CLO2, CLO3
Thảo luận; Học nhóm	<p>- Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp này người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.</p> <p>- Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác hay giáo viên.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
Tự học (Làm bài tập ở nhà)	Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu.	CLO2, CLO3, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1,2,3,4 (8 tiết)	<p>CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ</p> <p>1. Khái quát chung về dân tộc và dân tộc ít người</p>	CLO1, CLO3, CLO6

	<p>1.1. Khái niệm liên quan</p> <p>1.1.1. Khái niệm về dân tộc</p> <p>1.1.2. Khái niệm về dân tộc ít người</p> <p>1.2. Các đặc trưng cơ bản của đồng bào DTTS ở Việt Nam</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Sinh viên chia sẻ những hiểu biết của mình về các tộc người (về cư trú, ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán)</p>	
	<p>1.3. Đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam</p> <p>1.3.1. Đặc điểm kinh tế</p> <p>1.3.2. Đặc điểm xã hội</p> <p>1.3.3. Đặc điểm về văn hóa</p>	CLO1, CLO3
	<p>1.4. Luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p> <p>Phân tích những ưu điểm và tồn tại của hệ thống Luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số hiện nay?</p>	CLO1, CLO3, CLO6
Buổi 5,6 (4 tiết)	<p>CHƯƠNG II: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ</p> <p>1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp tiếp cận</p> <p>1.1. Khái niệm CTXH với đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>1.2. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.3. Phương pháp tiếp cận</p> <p>2. Vai trò, chức năng của công tác xã hội với các dân tộc thiểu số</p> <p>2.1. Vai trò, vị trí của công tác xã hội với các dân tộc thiểu số</p> <p>2.2. Mục tiêu của các hoạt động công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số</p> <p>2.3. Chức năng, nhiệm vụ của công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Sự cần thiết của công tác xã hội trong lĩnh vực trợ giúp người dân tộc thiểu số?</p>	CLO1, CLO3, CLO6
Buổi 7	CHƯƠNG II: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI	

(2 tiết)	<p>ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (Tiếp theo)</p> <p>3. Các phương pháp CTXH trong CTXH với đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>3.1. Phương pháp CTXH với nhóm đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>3.2. Phương pháp CTXH với PTCĐ khi làm việc đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>4. Một số lý thuyết ứng dụng khi trợ giúp đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>4.1. Lý thuyết hệ thống và sinh thái</p> <p>4.2. Lý thuyết nhu cầu</p> <p>4.3. Lý thuyết nhận thức và hành vi</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Từ thực tiễn bản thân và những quan sát ngoài xã hội, tiến hành thảo luận thang bậc nhu cầu của cộng đồng các dân tộc thiểu số hiện nay?</p>	CLO1, CLO3, CLO6
Buổi 8 (2 tiết)	<p>CHƯƠNG III: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ NGHÈO ĐỐI ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI</p> <p>1. Công tác xã hội với vấn đề nghèo đói đối với các đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>1.1. Nhận diện vấn đề nghèo đói ở vùng các dân tộc thiểu số</p> <p>1.2. Nguyên nhân nghèo ở vùng các dân tộc thiểu số</p>	CLO2, CLO3
Buổi 9 (2 tiết)	<p><i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p> <p>Phác thảo những đặc trưng cơ bản của các dân tộc thiểu số Việt Nam?. Cho các ví dụ minh họa?</p>	CLO1, CLO3, CLO5
Buổi 10 (2 tiết)	<p>CHƯƠNG III: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ NGHÈO ĐỐI ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI (Tiếp theo)</p> <p>1.3. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của công tác xã hội (theo tiến trình phát triển cộng đồng)</p> <p>1.3.1. Nhận diện vấn đề của cộng đồng</p> <p>1.3.1.1. Nhận diện vấn đề cộng đồng bằng việc đánh giá mức độ nghèo</p> <p>1.3.1.2. Một số kỹ thuật khai thác công cụ đánh giá nông thôn có người dân tham gia trong giảm nghèo ở nhóm dân</p>	CLO2, CLO3, CLO6

	<p>tộc ít người.</p> <p>1.3.2. Lập kế hoạch giảm nghèo của cộng đồng có sự tham gia</p> <p>1.3.2.1. Phân tích tình hình thôn bản</p> <p>1.3.2.2. Xác định các mục tiêu</p> <p>1.3.2.3. Xác định các hoạt động giảm nghèo</p> <p>1.3.2.4. Lập kế hoạch giảm nghèo dựa trên các yếu tố đã phân tích ở trên</p> <p>1.3.3. Thực hiện kế hoạch</p> <p>1.3.4. Theo dõi, giám sát và đánh giá dự án</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Các tri thức bản địa có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống kinh tế của người dân tộc thiểu số?</p>	
<p>Buổi 11 (2 tiết)</p>	<p>Chương IV: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA, LỐI SỐNG ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI</p> <p>1. Xác định và phân tích vấn đề văn hóa lối sống của nhóm dân tộc thiểu số</p> <p>1.1. Những đặc điểm văn hóa đặc trưng của dân tộc ít người</p> <p>1.1.1. Về loại hình kinh tế</p> <p>1.1.2. Về công cụ sản xuất</p> <p>1.1.3. Về các hình thức săn bắt</p> <p>1.1.4. Về các hoạt động trao đổi</p> <p>1.1.5. Về phân công lao động</p> <p>1.1.6. Về phương tiện vận chuyển</p> <p>1.1.7. Về loại hình nhà</p> <p>1.1.8. Về ẩm thực</p> <p>1.1.9. Về tổ chức gia đình</p> <p>1.1.10. Về chế độ hôn nhân</p> <p>1.1.11. Về cưới xin</p> <p>1.1.12. Về ma chay</p> <p>1.1.13. Về tín ngưỡng, tôn giáo</p> <p>1.2. Lối sống cơ bản trong cộng đồng dân tộc ít người</p> <p>1.3. Phân tích hậu quả ảnh hưởng của các hủ tục văn hóa đến cộng đồng dân tộc ít người</p> <p>1.4. Nguyên nhân dẫn đến lối sống lạc hậu của cộng đồng</p>	<p>CLO1, CLO3</p>

	<p>dân tộc thiểu số</p> <p>1.4.1. Nguyên nhân chủ quan</p> <p>1.4.2. Nguyên nhân khách quan</p>	
<p>Buổi 12 (2 tiết)</p>	<p>Chương IV: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA, LỐI SỐNG ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI (Tiếp theo)</p> <p>2. Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội</p> <p>2.1. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ các hủ tục văn hóa lạc hậu</p> <p>2.2. Xây dựng quy trình Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống</p> <p>2.2.1. Quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các di sản văn hóa ở đồng bào dân tộc ít người</p> <p>2.2.1.1. <i>Bước 1: Tiến hành khảo sát, tổng kiểm kê các di sản.</i></p> <p>2.2.1.2. <i>Bước 2: Điều tra nhu cầu của người dân và lựa chọn các di sản để bảo tồn.</i></p> <p>2.2.2. Quy trình cải tạo các tập quán, hủ tục lạc hậu</p> <p>2.2.2.1. Bước 1: Lựa chọn địa bàn làm điểm</p> <p>2.2.2.2. Bước 2: Nội dung hoạt động</p> <p>2.2.2.3. Bước 3: Đề ra chỉ tiêu</p> <p>2.2.2.4. Bước 4: Đánh giá kết quả các hoạt động và đề ra các giải pháp</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Kể tên một số phong tục tập quán một số dân tộc thiểu số mà các bạn biết?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO6</p>
<p>Buổi 13 (2 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG V: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI</p> <p>1. Một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường</p> <p>1.1. Quan niệm về sức khỏe và kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh của đồng bào DTTS</p> <p>1.2. Phân tích vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm dân tộc thiểu số</p> <p>1.2.1. Thực trạng</p> <p>1.2.2. Nguyên nhân</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO6</p>

	<p>1.2.3. Hậu quả</p> <p>2. Quy trình và các kỹ năng giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội</p> <p>2.1. Các giải pháp nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh cho người dân tộc thiểu số của Đảng, nhà nước.</p> <p>2.1.1. Tăng cường củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở</p> <p>2.1.2. Tiếp tục triển khai và phát triển quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo là người dân tộc thiểu số</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>So sánh tình trạng sức khỏe giữa người dân tộc kinh với cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?</p>	
Buổi 14 (2 tiết)	<p>CHƯƠNG V: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI (Tiếp theo)</p> <p>2.2. Quy trình nhằm giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường theo cách nhìn của công tác xã hội</p> <p>2.2.1. Đẩy mạnh quá trình nhận thức</p> <p>2.2.2. Vận động xã hội hóa chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc</p> <p>2.2.3. Đánh giá thường xuyên việc triển khai các chính sách giáo dục của chính phủ và việc giới thiệu các dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ công tác chăm sóc sức khỏe</p> <p>3. Các kỹ năng cơ bản trong việc giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho dân tộc ít người.</p> <p>3.1. Kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi cho người dân tộc thiểu số</p> <p>3.2. Kỹ năng quan sát</p>	CLO2, CLO3
Buổi 15 (2 tiết)	<p>CHƯƠNG VI: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI</p> <p>1. Xác định và phân tích vấn đề chất lượng giáo dục đối với nhóm dân tộc ít người</p> <p>1.1. Những vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đối với nhóm dân tộc ít người</p>	CLO2, CLO3

	<p>1.1.1. Vấn đề chất lượng và môi trường giáo dục</p> <p>1.1.2. Vấn đề quy mô trường lớp và đội ngũ giáo viên các bậc, cấp học</p> <p>1.1.3. Vấn đề cơ sở vật chất</p> <p>1.1.4. Vấn đề thực hiện chế độ chính sách</p> <p>1.1.5. Vấn đề nhân thức lạc hậu về giáo dục của người dân tộc ít người</p> <p>1.2. Hậu quả ảnh hưởng của quan niệm lạc hậu về giáo dục ảnh hưởng đến đến cộng đồng dân tộc ít người</p>	
<p>Buổi 16, 17 (5 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG VI: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VỚI NHÓM DÂN TỘC ÍT NGƯỜI (Tiếp theo)</p> <p>1.3. Phân tích nguyên nhân dẫn đến chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc ít người</p> <p>1.3.1. Kinh tế của gia đình của các em học sinh còn nhiều khó khăn</p> <p>1.3.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên</p> <p>1.3.3. Ngành giáo dục và đào tạo chưa thực sự quan tâm sâu sát</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Phân tích các chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng trong nâng cao chất lượng đào tạo đối với người dân tộc thiểu số trong nhiều năm qua?</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO6</p>
	<p>2. Quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho dân tộc ít người theo tiến trình của công tác xã hội, đảm bảo hiệu quả bền vững</p> <p>2.1. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ các quan niệm lạc hậu về giáo dục trong nhóm dân tộc ít người.</p> <p>2.1.1. Một số định hướng phát triển giáo dục dân tộc thiểu số đến năm 2020</p> <p>2.1.2. Xây dựng hệ thống tư vấn dịch vụ công tác xã hội về giáo dục tại vùng dân tộc thiểu số</p> <p>2.2. Xây dựng quy trình giúp đỡ dân tộc ít người nâng cao chất lượng GD</p> <p>2.2.1. Đẩy mạnh quá trình nhận thức</p> <p>2.2.2. Thực hiện việc ủng hộ giáo dục</p> <p>2.2.3. Đánh giá thường xuyên việc triển khai các chính sách</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO6</p>

	giáo dục của chính phủ và việc giới thiệu các dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ Bài tập (2 tiết) Phân tích những khó khăn của nhân viên CTXH trong hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của người dân tộc thiểu số để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo? Ôn tập	
--	--	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần	Trong toàn bộ thời gian học môn học	CLO1 CLO2 CLO5	10%
2	Quá trình	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (bài viết thực hiện trên giấy A4); - Bài thảo luận theo nhóm (số nhóm theo tỷ lệ lớp sẽ được GV lựa chọn phù hợp)	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần		20%
	Thảo luận	- Các nhóm lựa chọn 01 chủ đề được GV cho trước. - Tiêu chí đánh giá: dựa trên 04 tiêu chí cụ thể là: Tổ chức nhóm; Tham gia làm việc nhóm; Thảo luận; Phối hợp nhóm - Mức điểm đạt cụ thể chia làm 04 mức cụ thể theo tín chỉ là: A, B, C, D, F	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần	CLO1, CLO2, CLO3 CLO5	

	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	CLO1, CLO3, CLO5	
3	<i>Cuối kỳ</i>	Hình thức: Thi viết Tiêu chí đánh giá: dựa trên mẫu đáp án của Nhà trường, GV chấm dựa trên các đáp án được chuẩn bị sẵn	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenvannga@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977199812

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: dinhanhtuan@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914046673

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị. Có tinh thần, thái độ chuyên nghiệp
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.

	<p>-Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>-Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</p>
Quy định về hành vi trong lớp học	<p>- Lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</p> <p>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</p> <p>- Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</p> <p>- Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó</p>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	Sinh viên nghiên cứu các tài liệu ở Thư viện Trường và tham khảo từ các nguồn có trên Internet.

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Văn Nga



TS. Phan Thị Kim Dung



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



Handwritten text in red ink, possibly a signature or a date, located to the right of the circular stamp.

Handwritten text in blue or black ink, possibly a signature or a date, located in the lower-left quadrant of the page.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI
Mã học phần: 1100116
Tên tiếng Anh: Social Psychology

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tâm lý học xã hội
- Mã học phần: 1100116 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần Tâm lý học xã hội là học phần thuộc phần khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học xã hội, có thái độ đúng đắn trong việc nhìn nhận các hiện tượng, quy luật tâm lý trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng những kiến thức để giải quyết các vấn đề tâm lý xã hội trong thực tế cuộc sống và công việc sau này.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội; các đặc điểm, quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội;

+ CO2: Giúp sinh viên hiểu được vấn đề về xã hội hóa cá nhân; các hiện tượng tâm lý trong nhóm, các hiện tượng tâm lý đám đông và các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ liên nhân cách;

- Kỹ năng:

+ CO3: Hình thành cho sinh viên kỹ năng giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong các nhóm và trong đời sống xã hội;

+ CO4: Giúp sinh viên biết cách xây dựng, tổ chức, quản lý, phát triển hoạt động nhóm và các mối quan hệ liên nhân cách;

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ CO5: Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội đối với công việc và cuộc sống; có nhìn nhận đầy đủ, đúng đắn, trách nhiệm trong việc đánh giá, giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong đời sống xã hội;

+ CO6: Tích cực hoàn thiện bản thân để có thể hoạt động tốt trong môi trường nhóm, tập thể và trong đời sống xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội, các đặc điểm, quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội;	PLO3	L
CO2	CLO2	Phân tích được vấn đề về xã hội hóa cá nhân; các hiện tượng tâm lý trong nhóm, các hiện tượng tâm lý đám đông và các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ liên nhân cách;	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong các nhóm, tập thể và đám đông;	PLO6	M

CO4	CLO4	Thực hiện được việc xây dựng, tổ chức, quản lý, phát triển hoạt động nhóm và các mối quan hệ liên nhân cách;	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Xác định được tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội đối với công việc và cuộc sống; có nhìn nhận đầy đủ, đúng đắn, trách nhiệm trong việc đánh giá, giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong đời sống xã hội;	PLO9	L
CO6	CLO6	Tích cực hoàn thiện bản thân để có thể hoạt động tốt trong môi trường nhóm, tập thể và trong đời sống xã hội.	PLO8	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	[1] Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, <i>Tâm lý học xã hội</i> , NXB Đại học Sư Phạm, 2015.
Tài liệu tham khảo	[1] Nguyễn Đình Chinh, <i>Tâm lý học xã hội</i> , NXB Giáo dục, 1999. [2] Bùi Văn Huệ (chủ biên). <i>Tâm lý học xã hội</i> . Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003. [3] Hoàng Mộc Lan, <i>Giáo trình Tâm lý học xã hội</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016. [4] Nguyễn Thị Minh Đức, <i>Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội</i> , Nxb Trẻ, 2016. [5] G. Le Bon, <i>Tâm lý học đám đông</i> , Nxb Tri Thức, 2007.
Các loại học liệu khác	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về Tâm lý học xã hội một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2

Đàm thoại, vấn đáp	Giúp SV hiểu bản chất các khái niệm, lý thuyết trong Tâm lý học xã hội, đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, phân tích, khái quát hóa, trừu tượng hóa các nội dung đã học, đồng thời giải đáp những thắc mắc cho sinh viên	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Giúp SV củng cố kiến thức và hình thành các kỹ năng vận dụng các lý thuyết để giải quyết các vấn đề tâm lý trong nhóm, tập thể, trong cuộc sống và công việc; tích cực trong việc nghiên cứu tâm lý xã hội; nhìn nhận đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội một cách trách nhiệm, công bằng, khách quan. Đồng thời qua bài tập giúp sinh viên có ý thức học tập, nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý xã hội;	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình, thảo luận	Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng và bồi dưỡng tính tích cực, chủ động trong học tập và nghề nghiệp	CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR Học phần
(1)	(2)	(3)
1 [4 tiết LT] [1 tiết TL]	<p>Chương 1: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI LÀ MỘT KHOA HỌC</p> <p>1.1. Khái niệm, đối tượng, bản chất, chức năng và nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội</p> <p><i>1.1.1. Khái niệm</i></p> <p><i>1.1.2. Đối tượng, bản chất của Tâm lý học xã hội</i></p> <p><i>1.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội</i></p> <p>1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học xã hội</p> <p><i>1.2.1. Những tiền nẩy sinh Tâm lý học xã hội</i></p> <p><i>1.2.2. Những trường phái đầu tiên của Xã hội học và Tâm lý học</i></p> <p><i>1.2.3. Tâm lý học xã hội trở thành một khoa học độc lập</i></p>	CLO1 CLO5

	<p>1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội.</p> <p>- Thảo luận: Tìm hiểu lịch sử, quan điểm của các tác giả nghiên cứu Tâm lý học xã hội.</p>	
<p>2</p> <p>[4 tiết LT]</p> <p>[2 tiết TL]</p> <p>[2 tiết BT]</p>	<p>Chương 2: CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI</p> <p>2.1. Bầu không khí tâm lý xã hội</p> <p>2.1.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.1.2. <i>Cấu trúc của bầu không khí tâm lý</i></p> <p>2.1.3. <i>Đặc điểm bầu không khí tâm lý xã hội</i></p> <p>2.1.4. <i>Vai trò của bầu không khí tâm lý</i></p> <p>2.1.5. <i>Biểu hiện của bầu không khí tâm lý</i></p> <p>2.1.6. <i>Chỉ tiêu đánh giá bầu không khí tâm lý</i></p> <p>2.1.7. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý</i></p> <p>2.2. Tâm trạng xã hội</p> <p>2.2.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.2.2. <i>Các loại tâm trạng xã hội</i></p> <p>2.2.3. <i>Điều kiện hình thành tâm trạng xã hội</i></p> <p>2.3. Truyền thống</p> <p>2.3.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.3.2. <i>Đặc điểm của truyền thống</i></p> <p>2.3.3. <i>Chức năng của truyền thống</i></p> <p>2.3.4. <i>Các loại truyền thống</i></p> <p>2.3.5. <i>Sự hình thành và phát triển truyền thống</i></p> <p>2.4. Dư luận xã hội</p> <p>2.4.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.4.2. <i>Đặc điểm của dư luận xã hội</i></p> <p>2.4.3. <i>Phân loại dư luận xã hội</i></p> <p>2.4.4. <i>Vai trò của dư luận xã hội</i></p> <p>2.4.5. <i>Các giai đoạn hình thành dư luận xã hội</i></p> <p>2.5. Các quy luật hình thành tâm lý xã hội</p> <p>2.5.1. <i>Quy luật kế thừa</i></p> <p>2.5.2. <i>Quy luật lây lan</i></p>	<p>CLO1</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>

	<p>2.5.3. <i>Quy luật bắt chước</i></p> <p>2.5.4. <i>Quy luật tác động qua lại</i></p> <p>- Bài tập:</p> <p>+ Phân biệt dư luận xã hội với tin đồn?</p> <p>+ Nêu cách giải quyết khi bản thân bị tung tin đồn thất thiệt?</p> <p>- Thảo luận</p> <p>+ Các biện pháp để xây dựng bầu không khí tâm lý tốt đẹp?</p> <p>+ Làm thế nào để thay đổi tâm trạng xã hội tiêu cực?</p> <p>+ Tác động của dư luận xã hội đối với đời sống con người? Làm thế nào để tạo ra được dư luận xã hội tích cực?</p>	
5	Chương 3: CÁ NHÂN - NHÓM VÀ XÃ HỘI	CLO2
[8 tiết LT]	3.1. Xã hội hóa cá nhân	CLO3
[5 tiết TL]	3.1.1. <i>Khái niệm xã hội hóa</i>	CLO4
[2 tiết BT]	3.1.2. <i>Quá trình xã hội hóa cá nhân theo các giai đoạn lứa tuổi và theo các nhóm xã hội</i>	CLO5
	3.1.3. <i>Nhập vai cá nhân trong xã hội</i>	CLO6
	3.2. Nhóm xã hội	
	3.2.1. <i>Khái niệm nhóm xã hội</i>	
	3.2.2. <i>Phân loại nhóm xã hội</i>	
	3.2.3. <i>Chuẩn mực nhóm</i>	
	3.2.4. <i>Cấu trúc nhóm xã hội</i>	
	3.3. Nhóm xã hội lớn	
	3.3.1. <i>Khái niệm</i>	
	3.3.2. <i>Đặc điểm</i>	
	3.3.3. <i>Cơ cấu tâm lý của nhóm lớn</i>	
	3.3.4. <i>Đặc điểm tâm lý của nhóm xã hội lớn</i>	
	3.4. Nhóm nhỏ	
	3.4.1. <i>Khái niệm nhóm nhỏ</i>	
	3.4.2. <i>Đặc trưng của nhóm nhỏ</i>	

	<p>3.4.3. Sự hình thành nhóm nhỏ</p> <p>3.4.4. Các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ</p> <p>3.5. Cá nhân trong nhóm</p> <p>3.5.1. Động cơ gia nhập nhóm</p> <p>3.5.2. Tác động của cá nhân đến nhóm</p> <p>3.5.3. Đẳng cấp trong nhóm</p> <p>3.5.4. Vai trong nhóm</p> <p>- Bài tập</p> <p>+ Vai trò của cha mẹ đối với quá trình xã hội hóa của con cái?</p> <p>+ Phân biệt nhóm lớn và nhóm nhỏ?</p> <p>+ Các yếu tố tác động đến quá trình nhập vai của cá nhân vào nhóm?</p> <p>- Thảo luận:</p> <p>+ Các bước để thành lập nhóm và vai trò của các cá nhân trong nhóm?</p> <p>+ Làm thế nào để làm việc nhóm hiệu quả?</p> <p>+ Nguyên nhân và các biện pháp giải quyết xung đột?</p> <p>+ Phân biệt thủ lĩnh và lãnh đạo? Để trở thành người lãnh đạo cần những phẩm chất và năng lực gì?</p> <p>+ Các giai đoạn phát triển của tập thể? Làm thế nào để xây dựng tập thể tốt đẹp?</p>	
<p>9</p> <p>[2 tiết LT]</p> <p>[1 tiết TL]</p>	<p>Chương 4: TÂM LÝ ĐÁM ĐÔNG</p> <p>4.1. Khái niệm chung về đám đông</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đặc điểm đám đông</p> <p>4.2. Những hiện tượng tâm lý của đám đông</p> <p>4.2.1. Trí tuệ đám đông</p> <p>4.2.2. Tình cảm đám đông</p> <p>4.2.3. Nhân cách của cá nhân trong đám đông</p> <p>4.2.4. Thủ lĩnh đám đông</p> <p>4.3. Cơ chế tâm lý của đám đông</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>

	<p>4.3.1. <i>Bắt chước</i></p> <p>4.3.2. <i>Lây lan</i></p> <p>4.3.3. <i>Ám thị - thôi miên</i></p> <p>- Thảo luận: Tác động của đám đông đến nhân cách của con người?</p>	
<p>10</p> <p>[2 tiết LT]</p> <p>[1 tiết TL]</p> <p>[1 tiết BT]</p>	<p>Chương 5: QUAN HỆ XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH</p> <p>5.1. Khái niệm quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách</p> <p>5.1.1. <i>Khái niệm quan hệ xã hội</i></p> <p>5.1.2. <i>Khái niệm quan hệ liên nhân cách</i></p> <p>5.2. Những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách</p> <p>5.2.1. <i>Sự gần gũi</i></p> <p>5.2.2. <i>Sự giống nhau và khác nhau</i></p> <p>5.2.3. <i>Sự tương tác</i></p> <p>5.2.4. <i>Thân phận</i></p> <p>- Bài tập</p> <p>+ Phân biệt quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách?</p> <p>- Thảo luận</p> <p>+ Các yếu tố hình thành và tác động đến thân phận của con người?</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của học phần	Trọng số
1	Chuyên cần	<p>- Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài.</p> <p>- Tính chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.</p>	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO5, CLO6	10%

2	Quá trình	- Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
		Kiểm tra giữa kỳ	Đánh giá điểm qua bài thảo luận – thuyết trình	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần: - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Thanh Long
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: truongthanhlong@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0944 157 877

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthuytrang.dhqn@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0934 888 945

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.

Các quy định khác	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.
-------------------	---

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trương Thanh Long

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Lê Hà

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG TÁC XÃ HỘI
Mã học phần: 2030009
Tên tiếng Anh: Construction and management of social work projects

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội
- Mã học phần: 2030009 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án, dự án trong công tác xã hội. Là học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, qua đó giúp sinh viên hình thành năng lực để thực hiện quy trình thiết kế, đánh giá, quản lý một dự án trong công tác xã hội phù hợp với bối cảnh ở Việt Nam. Theo đó, nội dung học phần gồm bao gồm các phần cơ bản như: tổng quan về dự án và dự án phát triển cộng đồng; Thiết kế dự án giải quyết vấn đề xã hội qui mô nhỏ; quản lý dự án; theo dõi, giám sát và đánh giá dự án; kết thúc dự án và khai thác kết quả đạt được. Học phần này có mối quan hệ với học phần Tổ chức và phát triển cộng đồng trong công tác xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến dự án phát triển cộng đồng; giúp người học hiểu được kiến thức liên quan đến thiết kế dự án và quản lý dự án và vị trí, vai trò của các dự án PTCD trong công tác xã hội.

+ CO2: Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng tiến trình quản lý dự án PTCD và ứng dụng của nó vào việc thiết kế các dự án phù hợp với thực tiễn PTCD hiện nay.

- Kỹ năng:

+ CO3: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc

+ CO4: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO5: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.

+ CO6: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được khái niệm dự án, dự án phát triển cộng đồng; các loại dự án cụ thể trong PTCD và chu trình của dự án phát triển cộng đồng; phân tích được kiến thức liên quan đến thiết kế dự án có quy mô nhỏ, quản lý dự án và vị trí, vai trò của các dự án PTCD trong công tác xã hội	PLO3	M
CO2	CLO2	Xây dựng được tiến trình quản lý dự án PTCD và ứng dụng nó vào việc thiết kế các dự án phù hợp với thực tiễn PTCD hiện nay; đánh giá được quy trình kết thúc dự án và khai thác kết quả đạt được của một dự án PTCD	PLO3	H

Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong hoạt động xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	PLO4	M
CO4	CLO4	Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội để tham gia xây dựng các dự án, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Có khả năng tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.	PLO8	H
CO6	CLO6	Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	PLO10	H

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Lê Thị Mỹ Hiền, <i>Quản lý dự án xã hội</i> , ĐH mở TPHCM, 2014
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Nguyễn Văn Phúc, <i>Quản lý dự án-cơ sở lý thuyết và thực hành</i> , NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2008 2. Stephen Banrker Rob Cole, <i>Quản lý dự án-hành động và tri thức của những nhà quản lý dự án xuất sắc nhất</i> , NXB Lao động HN, 2009
Các loại học liệu khác	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3,
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh	CLO1, CLO2,

	viên đề từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội gia đình và tăng năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội vào thực tiễn hoạt động Công tác xã hội.	CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của một thân chủ và thực hiện tiến trình công tác xã hội đối với gia đình có vấn đề.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, làm việc nhóm, phản biện và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1-4 (8 tiết)	<p>Chương 1: Tổng quan về dự án và dự án phát triển cộng đồng</p> <p>1. Khái niệm dự án và các loại dự án</p> <p>1.1. Khái niệm dự án</p> <p>1.2. Đặc điểm của dự án</p> <p>1.3. Các loại dự án</p> <p>1.4. Sự khác biệt giữa dự án với chương trình và kế hoạch</p> <p>2. Chu kỳ dự án</p> <p>2.1. Các khái niệm có liên quan</p> <p>2.2. Xác định vấn đề, nghiên cứu và phân tích vấn đề</p> <p>2.3. Xây dựng dự án</p> <p>2.4. Trình và phê duyệt dự án</p> <p>2.5. Thực hiện dự án</p> <p>2.6. Giám sát và đánh giá dự án</p> <p>3. Quá trình thực hiện dự án trong CTXH</p> <p>3.1. Khởi động dự án</p> <p>3.2. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>3.3. Quản lý nhân sự</p>	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

	<p>3.4. Quản lý tài chính</p> <p>3.5. Hệ thống theo dõi, hỗ trợ, giám sát và báo cáo</p> <p>3.6. Xây dựng mối quan hệ với đối tác và nhà tài trợ</p> <p>Thảo luận (4 tiết)</p> <p>1) Các loại dự án hiện nay</p> <p>2) Sự khác biệt giữa dự án với chương trình và kế hoạch</p> <p>3) Vấn đề quản lý nhân sự và quản lý tài chính trong dự án?</p> <p>4) Hệ thống giám sát dự án cần chú ý điều gì?</p>	
Buổi 5-6 (5 tiết)	<p>Chương 2: Thiết kế dự án giải quyết vấn đề xã hội qui mô nhỏ</p> <p>1. Các định vấn đề cần giải quyết</p> <p>2. Lựa chọn vấn đề cấp thiết để giải quyết</p> <p>3. Bài tập thực tế</p> <p>4. Lý thuyết lập kế hoạch hoạt động</p> <p>5. Lập kế hoạch cho chuyến đi khảo sát nhu cầu tại cộng đồng</p> <p>- Bài tập (2 tiết)</p> <p>Hãy lập kế hoạch cho chuyến đi khảo sát nhu cầu tại cộng đồng?</p>	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
Buổi 7-9 (9 tiết)	<p>Chương 3: Quản lý dự án</p> <p>1. Tổng quan</p> <p>1.1. Các khái niệm về quản lý</p> <p>1.2. Sự khác biệt giữa quản lý dự án và quản trị kinh doanh và các lĩnh vực khác</p> <p>1.3. Chức năng của quản lý dự án</p> <p>2. Vai trò của người quản lý dự án</p> <p>2.1. Các mô hình quản lý dự án và phương thức quản lý dự án</p> <p>2.2. Vị trí, vai trò và trách nhiệm của cán bộ dự án</p> <p>2.3. Kỹ năng trong quản lý dự án</p> <p>3. Công cụ quản lý dự án</p> <p>3.1. Kỹ thuật phân tích và hiểu khung logic của dự án</p> <p>3.2. Tiêu chí SMART</p> <p>3.3. Tiêu chí SWOT</p> <p>3.4. Mô hình nhận thức cá nhân</p> <p>3.5. Bản đồ tư duy trong công việc</p> <p>3.6. Mẫu biểu</p> <p>- Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Xây dựng biểu đồ tư duy trong công việc?</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>- Bài tập (2 tiết)</p> <p>Xây dựng 1 mô hình quản lý dự án?</p>	
<p>Buổi 10-11 (5 tiết)</p>	<p>Chương 4: Theo dõi, giám sát và đánh giá dự án</p> <p>1. Các khái niệm</p> <p>1.1. Theo dõi</p> <p>1.2. Giám sát</p> <p>1.3. Đánh giá</p> <p>2. Vấn đề quản lý tài chính, giám sát và đánh giá tài chính dự án</p> <p>2.1. Xây dựng chế độ quản lý tài chính dự án</p> <p>2.2. Quản lý chi tiêu và thanh quyết toán</p> <p>2.3. Kiểm tra tài chính nội bộ và kiểm toán độc lập</p> <p>3. Theo dõi và giám hoạt động của dự án</p> <p>3.1. Tổ chức hệ thống thông tin của dự án</p> <p>3.2. Theo dõi, giám sát hoạt động của dự án</p> <p>4. Đánh giá dự án</p> <p>4.1. Tại sao phải đánh giá dự án</p> <p>4.2. Đánh giá nội bộ</p> <p>4.3. Đánh giá độc lập</p> <p>4.4. Các loại hình đánh giá dự án</p> <p>5. Lập kế hoạch đánh giá dự án</p> <p>5.1. Yêu cầu đối với công tác lập kế hoạch đánh giá dự án</p> <p>5.2. Nội dung của việc lập kế hoạch đánh giá dự án</p> <p>5.3. Các bước lập kế hoạch</p> <p>- Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Xây dựng chế độ quản lý tài chính dự án can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ?</p> <p>- Bài tập (1 tiết)</p> <p>Lập kế hoạch đánh giá dự án can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,</p>

Buổi 12-14 (8 tiết)	Chương 5: Kết thúc dự án và khai thác kế quả đạt được 1. Tại sao quan tâm đến việc dự án kết thúc 2. Bài học kinh nghiệm và khả năng ứng dụng hoặc nhân rộng mô hình 2.1. Bài học kinh nghiệm từ dự án 2.2. Xác định mô hình nhân rộng- sau dự án 3. Tìm kiếm nguồn đầu tư mới, nhà tài trợ cho giai đoạn tiếp theo 3.1. Xác định nhu cầu 3.2. Xây dựng kế hoạch, chiến lược tìm nguồn tài trợ - Thảo luận (2 tiết) Bài học kinh nghiệm từ dự án can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ? - Ôn tập	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
------------------------	--	------------------------------------

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	- Tích cực chuẩn bị bài, phát biểu xây dựng bài, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. - Thời gian tham dự 80% buổi học trở lên.	Toàn bộ thời gian diễn ra học phần	CLO1, CLO2, CLO3	10%
2	Quá trình				30%
	Thảo luận	Sinh viên làm 1 bài báo cáo nhóm. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nội dung báo cáo đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép, trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.	Trong quá trình diễn ra học phần	CLO1, CLO2, CLO4	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. Tiêu chí đánh giá: nội dung bài làm đúng theo yêu cầu của GV, không sao chép,	Giữa kỳ	CLO1, CLO4	20%

		trình bày rõ ràng, có liên hệ dẫn chứng, nộp đúng thời gian qui định.			
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phạm Thị Hải Lý
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: hailypham.dhqn@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0978904186

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia học tập các buổi học và làm bài tập thực hành, thảo luận nhóm
Quy định về hành vi trong lớp học	Không nói chuyện riêng, ngủ gật trong giờ học; trang phục chỉnh tề, ...
Quy định về học vụ	Các trang thiết bị học tập đúng quy định: Giấy, bút,
Các quy định khác	

Bình Định, ngàythángnăm 2020

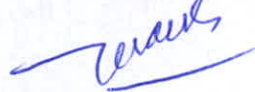
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA


ThS. Phạm Thị Hải Lý


TS. Phan Thị Kim Dung


TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**HỌC PHẦN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN****Mã học phần: 1100240****Tên tiếng Anh: Mental Health Care****1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Chăm sóc sức khỏe tâm thần
- Mã học phần: 1100240 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thí nghiệm: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần chăm sóc sức khỏe tâm thần bao gồm các quan điểm và phương pháp điều trị tâm bệnh (quan điểm sinh học, phân tâm học, tâm lý học hành vi, tâm lý học nhân văn, tâm lý học nhận thức..), lịch sử chữa trị tâm bệnh, một số rối loạn tâm thần thường gặp, phòng vệ tâm thần, những ngộ nhận về bệnh tâm thần và vai trò của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. Học phần thuộc kiến thức ngành công tác xã hội, lấy học phần tâm lý học đại cương làm cơ sở, có mối liên quan mật thiết với học phần công tác xã hội với chăm sóc sức khỏe cộng đồng và học phần công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên các quan điểm và liệu pháp tâm lý chữa trị tâm bệnh, các phương pháp phòng bệnh tâm thần

+ CO2 : Giúp cho sinh viên hiểu được công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng

- Kỹ năng:

+ CO3: Giúp cho sinh viên kỹ năng nhận dạng một số bệnh tâm thần thường gặp và sử dụng liệu pháp tâm lý để giúp đỡ bệnh nhân tâm thần

+ CO4: Giúp cho sinh viên kỹ năng thực hiện công tác phòng bệnh tâm thần cho cộng đồng, cung cấp dịch vụ và trợ giúp xã hội cho những bệnh nhân tâm thần

- Mức tự chủ và trách nhiệm.

+ CO5: Giúp cho sinh viên xác định được trách nhiệm cá nhân trong làm việc nhóm, triển khai việc hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần

+ CO6 : Giúp cho sinh viên biết được việc lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hoạt động công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích được các quan điểm và liệu pháp tâm lý chữa trị tâm bệnh cũng như các phương pháp phòng bệnh tâm thần	PLO3	M
CO2	CLO2	Chỉ ra được công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Nhận dạng được người mắc bệnh tâm thần và một số bệnh tâm thần thường gặp : ADHD, tự kỷ, trầm cảm, , ám sợ.	PLO6, PLO7	M
	CLO4	Thực hiện được liệu pháp tâm lý để giúp đỡ bệnh nhân tâm thần	PLO4, PLO6, PLO7	M

CO4	CLO5	Tổ chức được phòng bệnh tâm thần cho cộng đồng	PLO6, PLO7	M
	CLO6	Thực hiện được việc cung cấp dịch vụ và trợ giúp xã hội cho những bệnh nhân tâm thần	PLO6, PLO7	M
Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm				
CO5	CLO7	Phân tích được trách nhiệm cá nhân trong làm việc nhóm, triển khai việc hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần	PLO8	M
CO6	CLO8	Giải thích được việc lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hoạt động công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	PLO10	L

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	[1] Lâm Xuân Điền, <i>Sức khỏe tâm thần</i> , www.ebook.edu.vn , 2011
Tài liệu tham khảo thêm	[2] Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, <i>Giáo trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần</i> , 2011 [3] Lê Đức Khiết, Tập bài giảng <i>Tâm bệnh học (Tài liệu lưu hành nội bộ)</i> , Khoa TL – GD & CTXH, 2014 [4] Nguyễn Công Khanh, <i>Tâm lý trị liệu</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000. [5] Nguyễn Ngọc Lâm, <i>Giáo trình Tâm lý hành vi bất thường</i> , 2002.
Các loại học liệu khác	Trang web: 8. https://123doc.org/tags/1005878-bai-giang-tam-benh-hoc.htm 9. http://www.edufac.edu.vn/mon-hoc/tam-benh-hoc

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Giúp cho sinh viên phân tích được các quan điểm và liệu pháp tâm lý chữa trị tâm bệnh, các phương pháp phòng bệnh tâm thần. Vận dụng được công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	CLO1, CLO2,

Đàm thoại, vấn đáp	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp cho sinh viên nhận dạng một số bệnh tâm thần thường gặp và sử dụng liệu pháp tâm lý để giúp đỡ bệnh nhân tâm thần - Giúp cho sinh viên hiểu được việc lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hoạt động công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng 	CLO3,CLO4,CLO5,CLO6,CLO8
Thảo luận nhóm	Giúp cho sinh viên phân tích được vì sao chữa trị tâm bệnh người ta còn cầu cứu lối chữa trị duy tâm; xác định được câu trả lời cho câu hỏi liệu pháp nào hiệu nghiệm nhất, vai trò nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần ở Việt nam hiện nay, xác định được trách nhiệm cá nhân trong làm việc nhóm, triển khai việc hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần	CLO3,CLO4,CLO5,CLO6,CLO7,

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1 [3LT, 2TL]	Chương 1. Những vấn đề chung của Tâm bệnh học 1.1. Sức khỏe tâm lý 1.2. Tâm bệnh học là gì? 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ của Tâm bệnh học 1.4. Các phương pháp nghiên cứu của Tâm bệnh học. 1.5. Lịch sử nghiên cứu và chữa trị tâm bệnh Thảo luận nhóm : <i>Vì sao chữa trị tâm bệnh người ta còn cầu cứu lối chữa trị duy tâm ?</i>	CLO1,CLO7
2 [3LT, 2BT]	Chương 2. Hành vi bất thường 2.1. Các định nghĩa về hành vi bất thường 2.2. Nhận diện hành vi bất thường 2.3. Dấu hiệu rối loạn tâm lý 2.4. Bảng phân loại quốc tế ICD – 10 Bài tập: <i>Đưa ra phản ví dụ về các định nghĩa bất thường?</i>	CLO1, CLO3
3 [3LT, 2BT]	Chương 3. Các quan điểm về tâm bệnh	

	<p>3.1. Quan điểm duy tâm về tâm bệnh</p> <p>3.2. Quan điểm sinh học về tâm bệnh</p> <p>3.3. Quan điểm tâm lý- xã hội về tâm bệnh</p> <p>3.3.1. Quan điểm phân tâm, hành vi về tâm bệnh.</p> <p>3.3.2. Quan điểm tâm lý học hành vi về tâm bệnh</p> <p>3.3.3. Quan điểm tâm lý học nhận thức về tâm bệnh</p> <p>3.3.4. Quan điểm tâm lý học nhân văn về tâm bệnh</p> <p>3.3.5. Quan điểm văn hóa-xã hội về tâm bệnh</p> <p>Bài tập : Dựa vào cơ sở nào mà quan điểm (ví dụ : tâm lý học nhận thức) lại đưa ra những nguyên nhân gây nên tâm bệnh và cách chữa trị ?</p>	
<p>4</p> <p>[3LT, 1BT, 1TL]</p>	<p>Chương 4.</p> <p>Các phương pháp chữa trị tâm bệnh</p> <p>4.1. Các phương pháp tâm lý trị liệu</p> <p>4.1.1. Chữa trị theo tâm lý học hành vi</p> <p>4.1.2. Chữa trị theo tâm lý học nhận thức</p> <p>4.1.3. Chữa trị theo tâm lý học nhân văn</p> <p>4.1.4. Chữa trị theo phân tâm học</p> <p>Bài tập :</p> <p>- So sánh các liệu pháp tâm lý</p> <p>Thảo luận nhóm :</p> <p>- Nhóm người phù hợp với lối chữa trị phân tâm</p>	CLO4, CLO7
<p>5</p> <p>[3LT, 2 TL]</p>	<p>Chương 5.</p> <p>Các bệnh tâm lý thường gặp</p> <p>5.1. Rối loạn phát triển lan tỏa ở trẻ em</p> <p>5.2. Rối loạn lo âu</p> <p>5.3. Trầm cảm</p> <p>5.4. Rối loạn liên quan sử dụng chất gây nghiện</p> <p>5.5. Rối loạn ăn uống</p> <p>5.6. Rối loạn đa nhân cách chống lại xã hội</p> <p>5.7. Rối loạn tâm thần phân liệt</p> <p>5.8. Bệnh mất trí nhớ ở tuổi già</p> <p>Thảo luận: Triệu chứng, nguyên nhân, cách chữa trị một bệnh tâm lý cụ thể</p>	CLO3, CLO4
<p>6</p> <p>[2LT, 3TL]</p>	<p>Chương 6.</p> <p>Phòng bệnh tâm thần</p> <p>6.1. Thế nào là phòng bệnh tâm thần phòng vệ tâm lý ?</p> <p>6.2. Các phương pháp phòng bệnh tâm thần</p>	CLO5

	<p>Thảo luận :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp phòng vệ tích cực, phương pháp phòng vệ tiêu cực - Các phương pháp giải tỏa stress 	
7 [3LT, 2TL]	<p>Chương 7.</p> <p>Chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>7.1. Vai trò của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>7.2. Nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe tâm thần</p> <p>7.3. Nội dung chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>7.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>Thảo luận nhóm : Vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng hiện nay ở Việt Nam</p>	CLO2, CLO5, CLO6,CLO7

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của học phần	Trọng số
1	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Tùy theo số tiết vắng học, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đánh giá suốt quá trình học tập	CLO7	10%
2	Quá trình	- Thảo luận nhóm - Bài báo cáo nhóm:	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO7 CLO3, CLO4,CLO5, CLO6 CLO7	20%

3	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần: Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO4, CLO5, CLO6, CLO8,	70%
---	----------------	--	------------------------------	----------------------------------	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Đức Khiết
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: Leduckhiet@qnu.edu.vn. Điện thoại: 0944132269

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Tô Thị Minh Tâm
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tothiminhtam@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0975.642.978

10. Các quy định chung


Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy chi tiết
Yêu cầu đối với sinh viên	Thực hiện theo đúng lịch học đã được phân công và các yêu cầu/ đề nghị của giảng viên liên quan đến hoạt động học trên lớp, tự học.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đầy đủ, đúng giờ, trang phục lịch sự
Quy định về hành vi trong lớp học	Văn minh, lịch sự
Quy định về học vụ	Có giáo trình chính
Các quy định khác	Tích cực trao đổi ý kiến, thắc mắc, tranh luận,...các vấn đề liên quan đến nội dung học phần.


Bình Định, ngàytháng ... năm 2020


GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA


Lê Đức Khiết


Nguyễn Lê Hà


Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ